TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Phòng Quản lý chất lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm Chủ nghĩa xã hội khoa học **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 17/01/2022 Ca thi: trực tuyến

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	20571402010001	Nguyễn Võ Hoài	An	DC20GMN01	8.0	*tám điểm*	
2	20571402020013	Phạm Lê Thiên	Ân	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
3	20571402020014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
4	20571402010052	Ksor H'	Binh	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
5	20571402020015	Nguyễn Đinh Minh	Châu	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
6	20571402020009	Nguyễn Quỳnh	Châu	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
7	20571402010020	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	DC20GMN01	7.0	*bảy điểm*	
8	20571402010069	Cao Thị Mỹ	Chi	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
9	20571402010021	Nguyễn Thị Thảo	Chi	DC20GMN01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
10	20571402020016	Nguyễn Lệ	Chí	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
11	20571402010017	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	DC20GMN01	9.0	*chín điểm*	
12	20571402010053	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	DC20GMN01	8.0	*tám điểm*	
13	20571402010022	Rah Lan H'	Drơng	DC20GMN01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
14	20571402310007	Lê Thùy	Dung	DC20STA01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
15	20571402020001	Nguyễn Thị Phương	Dung	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
16	20573106300001	Đỗ Hữu	Duy	DC20VNH01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
17	20574802010001	Vũ Văn	Duy	DC20CTT01	8.0	*tám điểm*	
18	20571402020010	Nguyễn Thị Anh	Đào	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
19	20571402010023	Phan Vạn Huyền	Đinh	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
20	20574802010002	Nguyễn Thanh	Định	DC20CTT01	0.0	*không điểm*	Vắng
21	20571402010054	Rcom H'	Đuinh	DC20GMN01	8.0	*tám điểm*	
22	20574802010012	Phạm Tấn	Giác	DC20CTT01	0.0	*không điểm*	Vắng
23	20571402020002	Nguyễn Tuyết	Giang	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
24	20571402010024	Đặng Nguyễn Thu	Hà	DC20GMN01	0.0	*không điểm*	Vắng
25	20574802010026	Lê Cao	Hà	DC20CTT01	6.0	*sáu điểm*	
26	20571402010018	Trần Khánh	Hà	DC20GMN01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
27	20571402020017	Huỳnh Minh	Hải	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
28	20571402010055	Đoàn Lê Mỹ	Hảo	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
29	20571402020018	Lê Thị Mỹ	Hảo	DC20GTH01	0.0	*không điểm*	Vắng
30	20571402010025	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	DC20GMN01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
31	20573106300010	Trần Thị Ngọc	Hân	DC20VNH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
32	20571402020036	Phạm Nguyễn Xuân	Hiếu	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
33	20571402010026	Rơ Ô Mỹ	Hiếu	DC20GMN01	8.0	*tám điểm*	
34	20571402010056	Ksơr Minh	Hoa	DC20GMN01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
35	20571402010070	Nông Thị Thu	Hoa	DC20GMN01	0.0	*không điểm*	Vắng
36	20573106300011	Trần Thị Ngọc	Hòa	DC20VNH01	5.0	*năm điểm*	
37	20574802010013	Nguyễn Minh	Hoàng	DC20CTT01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
38	20572202010002	Nguyễn Thị	Hội	DC20NNA01	6.0	*sáu điểm*	
39	20571402020011	Phan Thị ánh	Hồng	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	

40	20571402010002	Nguyễn Thị Bích	Hộp	DC20GMN01	7.0	*bảy điểm*	
41	20571402090001	Thân Võ Ngân	Huyền	DC20STO01	8.0	*tám điểm*	
42	20574802010003	Huỳnh Tấn	Hưng	DC20CTT01	5.0	*năm điểm*	
43	20574802010004	Nguyễn Thành	Hưng	DC20CTT01	5.0	*năm điểm*	
44	20573106300002	Nguyễn Văn	Hưng	DC20VNH01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
45	20574802010005	Trần Anh	Hưng	DC20CTT01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
46	20571402010057	Lưu Thị Diễm	Hương	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
47	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	0.0	*không điểm*	Vắng
48	20571402020003	Trương Thị Trúc	Lam	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
49	20573106300012	Đoàn Thị Phương	Lan	DC20VNH01	3.0	*ba điểm*	
50	20571402010027	Ksor H'	Lanh	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
51	20573106300013	Trần Phúc	Lâm	DC20VNH01	0.0	*không điểm*	Vắng
52	20571402010028	Huỳnh Hồng	Liền	DC20GMN01	8.0	*tám điểm*	
53	20571402020019	Đàm Diệu	Linh	DC20GTH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
54	20571402010003	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	0.0	*không điểm*	Vắng
55	20571402310004	Lê Trần Ngọc	Linh	DC20STA01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
56	20571402010058	Võ Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
57	20571402010029	Ksor H'	Lo	DC20GMN01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
58	20571402020020	Huỳnh Thị Bích	Ly	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
59	20571402010030	Lê Thị Trúc	Ly	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
60	20571402020039	Võ Thị Tuyết	Mai	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
61	20573106300024	Lê Đức	Mạnh	DC20VNH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
62	20571402090005	Hồ Trọng	Minh	DC20STO01	8.0	*tám điểm*	
63	20571402010059	Nguyễn Hoài	Minh	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
64	20571402020021	Lê Thị Trà	My	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
65	20573106300023	Nguyễn Nữ Trà	My	DC20VNH01	8.0	*tám điểm*	
66	20571402020022	Nguyễn Thị Trà	My	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
67	20571402090002	Nguyễn Võ Tú	My	DC20STO01	8.0	*tám điểm*	
68	20571402020012	Phan Thị Trà	My	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
69	20573106300004	So La Ly	Na	DC20VNH01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
70	20573106300014	Trần Lê Hoàng	Na	DC20VNH01	4.0	*bốn điểm*	
71	20571402010031	Lê Thị Thanh	Nam	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
72	20574802010015	Trương Hoài	Nam	DC20CTT01	2.5	*hai điểm rưỡi*	
73	20571402010032	Phạm Thị	Nga	DC20GMN01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
74	20571402010033	Rơ Ô H'	Nga	DC20GMN01	0.0	*không điểm*	Vắng
75	20573106300015	Ma Huỳnh Hiếu	Ngân	DC20VNH01	5.0	*năm điểm*	
76	20573106300005	Đào Duy	Nguyên	DC20VNH01	6.0	*sáu điểm*	
77	20572202010003	Nguyễn Phúc	Nguyên	DC20NNA01	4.0	*bốn điểm*	
78	20571402090003	Nguyễn Như Tiểu	Nguyệt	DC20STO01	9.0	*chín điểm*	
79	20571402010004	Võ Thị Kim	Nguyệt	DC20GMN01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
80	20574802010006	Lê Văn	Nhân	DC20CTT01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
81	20571402010005	Phan Thị Phương	Nhi	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
82	20571402010034	Trương Cẩm	Nhi	DC20GMN01	7.0	*bảy điểm*	
83	20571402010060	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
84	20571402010035	Lê Thị Hoài	Nhung	DC20GMN01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
85	20574802010007	Huỳnh Cao Yến	Như	DC20CTT01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
86	20571402010036	Lê Thị Hoài	Như	DC20GMN01	8.0	*tám điểm*	
87	20574802010016	Nguyễn Thị Tâm	Như	DC20CTT01	7.0	*bảy điểm*	

88	20571402010037	Nay H'	Nuôr	DC20GMN01	0.0	*không điểm*	Vắng
89	20571402020033	Kpă H'	Nưm	DC20GTH01	0.0	*không điểm*	Vắng
90	20571402020005	Huỳnh Trương Minh	Oanh	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
91	20573106300021	Lê Cao	Pháp	DC20VNH01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
92	20573106300025	Nguyễn Tấn	Phát	DC20VNH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
93	20571402010006	Trương Thị	Phấn	DC20GMN01	7.0	*bảy điểm*	
94	20571402020004	Lê Thị ái	Phi	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	
95	20574802010028	Nguyễn Thế	Phong	DC20CTT01	0.0	*không điểm*	Vắng
96	20574802010017	Trần Phương	Phú	DC20CTT01	6.0	*sáu điểm*	
97	20574802010018	Đỗ Thiên	Phúc	DC20CTT01	6.0	*sáu điểm*	
98	20573106300006	Ngô	Phụng	DC20VNH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
99	20571402010061	Huỳnh Ngọc	Phương	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
100	20571402010007	Lê Thị Thanh	Phương	DC20GMN01	8.0	*tám điểm*	
101	20573106300016	Nguyễn Thị Bích	Phương	DC20VNH01	0.0	*không điểm*	Vắng
102	20572202010013	Võ Quốc	Quân	DC20NNA01	7.0	*bảy điểm*	
103	20571402010038	Ngô Thị Bích	Quyên	DC20GMN01	7.0	*bảy điểm*	
104	20571402010067	Võ Hoàng Tú	Quyên	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
105	20571402010039	Võ Thị Lệ	Quyên	DC20GMN01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
106	20571402310002	Đậu Thị Diễm	Quỳnh	DC20STA01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
107	20571402010040	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	DC20GMN01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
108	20571402020040	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	DC20GTH01	0.0	*không điểm*	Vắng
109	20571402020023	Phan Ngọc Trúc	Quỳnh	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	
110	20571402020034	Trà Nguyễn Thúy	Quỳnh	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	
111	20571402010008	Trần Nữ Như	Quỳnh	DC20GMN01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
112	20571402010062	Võ Ngọc	Quỳnh	DC20GMN01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
113	20571402010063	Rơ Ô H'	Ring	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
114	20571402010041	Trương Thị Tuyết	Sương	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
115	20571402090009	Nguyễn Văn	Tài	DC20STO01	4.0	*bốn điểm*	
116	20571402010042	Tăng Thị Thanh	Tâm	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
117	20573106300007	Ksơ H	Tết	DC20VNH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
118	20572202010006	Dương Thị Thu	Thảo	DC20NNA01	7.0	*bảy điểm*	
119	20571402010064	Lê Thị Như	Thảo	DC20GMN01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
120	20571402090006	Nguyễn Thị	Thảo	DC20STO01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
121	20571402020006	Nguyễn Thị Bích	Thảo	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
122	20572202010007	Nguyễn Võ Hoài	Thế	DC20NNA01	2.0	*hai điểm*	
123	20571402010043	Võ Trần Khả	Thiên	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
124	20573106300018	Lê Phước	Thiện	DC20VNH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
125	20571402020024	Mai Trọng	Thịnh	DC20GTH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
126	20573106300022	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC20VNH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
127	20571402010009	Trần Thị Mỹ	Thoa	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
128	20574802010020	Văn Bá	Thông	DC20CTT01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
129	20572202010014	Trần Văn	Thơm	DC20NNA01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
130	20571402010019	Trương Thị	Thơm	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
131	20572202010015	Trần Thị Lệ	Thu	DC20NNA01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
132	20571402010044	Trần Thị	Thủy	DC20GMN01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
133	20571402010010	Hồ Thị Kim	Thúy	DC20GMN01	4.0	*bốn điểm*	
134	20571402020025	Kpă Hờ	Thúy	DC20GTH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
135	20571402010011	Phạm Thu	Thúy	DC20GMN01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	

136	20572202010008	Bùi Thị Bích	Thư	DC20NNA01	5.0	*năm điểm*	
137	20571402010012	Lê Nguyễn Quỳnh	Thư	DC20GMN01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
138	20571402020026	Lê Thị Kim	Thư	DC20GTH01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
139	20571402020027	Trần Thị Diễm	Thương	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	
140	20573106300017	Đỗ Huỳnh Thảo	Tiên	DC20VNH01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
141	20571402020028	Trần Mỹ	Tiên	DC20GTH01	5.0	*năm điểm*	
142	20574802010021	Bùi	Tiến	DC20CTT01	4.0	*bốn điểm*	
143	20571402020029	Đoàn Tấn	Tiến	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	
144	20574802010027	Phạm Văn	Tiến	DC20CTT01	7.0	*bảy điểm*	
145	20571402020038	Lê Bảo	Tín	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
146	20571402010065	Bùi Thị Kim	Tỏa	DC20GMN01	4.5	*bốn điểm rưỡi*	
147	20574802010022	Đỗ Thị Đài	Trang	DC20CTT01	5.0	*năm điểm*	
148	20571402010045	Phan Thị Kiều	Trang	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
149	20571402010046	Thái Thùy	Trang	DC20GMN01	4.0	*bốn điểm*	
150	20571402010047	Trần Thị Huyền	Trang	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
151	20571402010048	Dương Thị Ngọc	Trâm	DC20GMN01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
152	20571402010049	Nguyễn Minh	Trâm	DC20GMN01	6.0	*sáu điểm*	
153	20571402010050	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	DC20GMN01	7.0	*bảy điểm*	
154	20571402020007	Võ Hoàng Bích	Trâm	DC20GTH01	6.0	*sáu điểm*	
155	20571402020030	Hà Huyền	Trân	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
156	20574802010009	Nguyễn Ngọc	Tri	DC20CTT01	2.0	*hai điểm*	
157	20571402010068	Bùi Thục	Trinh	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
158	20573106300008	Phan Quỳnh Phương	Trinh	DC20VNH01	5.0	*năm điểm*	
159	20571402010013	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	DC20GMN01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
160	20574802010010	Nguyễn Ngọc	Trường	DC20CTT01	0.0	*không điểm*	Vắng
161	20571402010014	Nguyễn Thị Kim	Tú	DC20GMN01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
162	20571402020035	Nguyễn Thị Thanh	Tú	DC20GTH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
163	20572202010009	Nguyễn Văn	Tú	DC20NNA01	3.0	*ba điểm*	
164	20571402090010	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	DC20STO01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
165	20571402020031	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
166	20571402020037	Trương Ngân	Tuyền	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
167	20573106300009	Lê Thị ánh	Tuyết	DC20VNH01	0.0	*không điểm*	Vắng
168	20571402010051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	DC20GMN01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
169	20571402310003	Đào Cẩm	Vân	DC20STA01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
170	20571402020032	Nguyễn Thị Phương	Vân	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
171	20571402310006	Trần Thị Thu	Vẹn	DC20STA01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
172	20571402010015	Đoàn Thị Bích	Vi	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	
173	20573106300020	Phan Tuấn	Vũ	DC20VNH01	5.0	*năm điểm*	
174	20572202010010	Lê Thị Thanh	Vy	DC20NNA01	6.0	*sáu điểm*	
175	20571402010066	Nguyễn Thị Trúc	Vy	DC20GMN01	3.5	*ba điểm rưỡi*	
176	20571402020008	Nguyễn Trần Thiên	ý	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
177	20574802010024	Trương Lê Tấn	ý	DC20CTT01	0.0	*không điểm*	Vắng
178	20571402010016	Bùi Thị Bảo	Yến	DC20GMN01	5.0	*năm điểm*	

Phú Yên, Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Thị Giang

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 09 tháng 05 năm 2022

BẢNG ĐIỂM KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

TT	Họ và tên	Tên lớp	Tên học phần	Điểm chưa phúc khảo	Điểm chữ	Kết quả điểm thi đã phúc khảo	Điểm chữ	Chênh lệch
1	Nguyễn Phi Hùng	DC21VNH01	Triết học Mac-Lênin	2,0	Hai điểm chẵn	2,0	Hai điểm chẵn	0,0
2	Nguyễn Hoàng Phố	DC21VNH01	Tiếng Anh 1 (B1.1)	2,3	Hai điểm ba	2,3	Hai điểm ba	0,0

TRƯỞNG BAN PHÚC KHẢO

Huỳnh Minh Giảng

Người lập bảng

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Phòng Quản lý chất lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm Giáo dục thể chất 1 **Số tín chỉ: 1**

Ngày thi: 11/3/2022 Ca thi: 1

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	211STA027	Hồ Thị Bình	An	DC21STA01	7.0	Bảy điểm	
2	211CTT027	Lương Trọng	An	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
3	211STA028	Huỳnh Thị Kiều	Anh	DC21STA01	7.0	Bảy điểm	
4	211NNA001	Lâm Lan	Anh	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
5	211GTH044	Lê Trâm	Anh	DC21GTH01	0.0	Không điểm	Vắng
6	211GMN022	Thiều Thị Kim	Anh	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
7	211GTH045	Phạm Nguyễn Cơ	Bách	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
8	211GTH046	Nguyễn Duy	Bảo	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
9	211NNA028	Nguyễn Đức	Bảo	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
10	211STO026	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	DC21STO01	7.0	Bảy điểm	
11	211STA021	Trịnh Huỳnh Gia	Bảo	DC21STA01	7.0	Bảy điểm	
12	211CTT002	Ngô Hữu	Bằng	DC21CTT01	5.0	Năm điểm	
13	211GTH047	Đàm Thị	Bé	DC21GTH02	9.0	Chín điểm	
14	211GMN023	Lê Trần Yên	Bình	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
15	211GMN061	Ksor H'	Buynh	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
16	211STA036	Diệp Ngọc	Cầm	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
17	211GTH112	Đào Minh	Chấn	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
18	211GMN024	Huỳnh Hiền	Châu	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
19	211STA001	Nguyễn Thị Kim	Châu	DC21STA01	8.0	Tám điểm	
20	211NNA010	Thái Thiên	Châu	DC21NNA01	5.0	Năm điểm	
21	211GTH113	Võ Khánh	Chi	DC21GTH03	6.0	Sáu điểm	
22	211STO006	Hà Minh	Chí	DC21STO01	6.0	Sáu điểm	
23	211CTT003	Phan Đình	Chiến	DC21CTT01	9.0	Chín điểm	
24	211CTT024	Võ Đình	Chiến	DC21CTT01	7.0	Bảy điểm	
25	211STA019	Đỗ Thế	Chương	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
26	211STA025	Trần Anh	Cường	DC21STA01	8.0	Tám điểm	
27	211NNA032	Nguyễn Thanh	Danh	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
28	211GTH114	Ksơr Hờ	Dân	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
29	211GTH002	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
30	211STA002	Võ Thị Mỹ	Diệu	DC21STA01	9.0	Chín điểm	
31	211GTH048	Kpá H	Doan	DC21GTH02	5.0	Năm điểm	
32	211GMN025	Ngô Thị Thùy	Dung	DC21GMN02	4.0	Bốn điểm	
33	211GTH115	Nguyễn Thị Kim	Dung	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
34	211GTH049	Nguyễn Thùy	Dung	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
35	211GMN071	Văn Thị	Dung	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
36	211NNA003	Trương Huỳnh Bảo	Duy	DC21NNA01	3.0	Ba điểm	
37	211GTH029	Đỗ Trần Tú	Duyên	DC21GTH02	6.0	Sáu điểm	
38	211GMN017	Hà Thị Mỹ	Duyên	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
39	211GTH053	Lê Thị Mỹ	Duyên	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	

40	211GTH054	Nguyễn Khả	Duyên	DC21GTH02	9.0	*Chín điểm*	
41	211STO024	Nguyễn Thị Mai	Duyên	DC21STO01	6.0	*Sáu điểm*	
42	211GMN026	Sô Thị Mỹ	Duyên	DC21GMN02	7.0	*Bảy điểm*	
43	211GTH028	Trần Ngọc Khánh	Duyên	DC21GTH02	6.0	*Sáu điểm*	
44	211STA023	Trương Thị Thùy	Duyên	DC21STA01	6.0	*Sáu điểm*	
45	211NNA011	Võ Thị Mỹ	Duyên	DC21NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
46	211GTH004	Vương Thị Linh	Duyên	DC21GTH02	9.0	*Chín điểm*	
47	211GTH050	Dương Văn	Dương	DC21GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
48	211GTH106	Lê Thị Thùy	Dương	DC21GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng
49	211GTH051	Phan Nguyễn Thùy	Dương	DC21GTH01	8.0	*Tám điểm*	
50	211GTH052	Trần Thùy	Dương	DC21GTH02	6.0	*Sáu điểm*	
51	211GTH055	Bùi Thị Anh	Đào	DC21GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
52	211GTH001	Huỳnh Thị Anh	Đào	DC21GTH01	9.0	*Chín điểm*	
53	211CTT025	Ngô Thành	Đạt	DC21CTT01	7.0	*Bảy điểm*	
54	211GTH003	Trần Thị Ngọc	Điền	DC21GTH01	8.0	*Tám điểm*	
55	211GMN028	Siu H'	Đinh	DC21GMN02	7.0	*Bảy điểm*	
56	211STA032	Lê Hạ	Đoan	DC21STA01	7.0	*Bảy điểm*	
57	211CTT017	Mông Minh	Đức	DC21CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
58	211GTH116	Nguyễn Hồ Hoài	Giang	DC21GTH03	7.0	*Bảy điểm*	
59	211GMN029	Trần Thị Thùy	Giang	DC21GMN02	9.0	*Chín điểm*	
60	211GMN062	Rơ Châm	Hà	DC21GMN01	5.0	*Năm điểm*	
61	211GTH098	Thái Ngọc	Hà	DC21GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
62	211GMN001	Võ Thị Thu	Hà	DC21GMN01	8.0	*Tám điểm*	
63	211GMN063	Đinh Thị	Hạnh	DC21GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
64	211GMN002	Trần Thị Mỹ	Hạnh	DC21GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
65	211VNH010	Võ Thị Bích	Hạnh	DC21VNH01	8.0	*Tám điểm*	
66	211NNA034	Đinh Thị Hồng	Hảo	DC21NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
67	211GTH158	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng
68	211NNA025	Trần Thị Thu	Hảo	DC21NNA01	8.0	*Tám điểm*	
69	211GMN030	Nay H'	Hằng	DC21GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
70	211GTH104	Man Đức	Hậu	DC21GTH03	7.0	*Bảy điểm*	
71	211GTH030	Trương Thị	Hậu	DC21GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
72	211STO023	Trương Văn	Hậu	DC21STO01	7.0	*Bảy điểm*	
73	211STA016	Trịnh Thị Mỹ	Hiên	DC21STA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
74	211GTH118	Phạm Hà Thúy	Hiền	DC21GTH03	6.0	*Sáu điểm*	
75	211GMN031	Phan Thị	Hiền	DC21GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
76	211GTH056	Quảng Thu	Hiền	DC21GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
77	211GMN064	Sô Thị Thanh	Hiền	DC21GMN01	8.0	*Tám điểm*	
78	211GTH057	Vũ Nguyễn Dịu	Hiền	DC21GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
79	211GMN065	Rơ Ô H'	Hiêng	DC21GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
80	211GTH005	Huỳnh Lê Như	Hiếu	DC21GTH02	8.0	*Tám điểm*	
81	211GTH119	Ksor	Hiếu	DC21GTH03	7.0	*Bảy điểm*	
82	211CTT004	Võ Minh	Hiếu	DC21CTT01	8.0	*Tám điểm*	
83	211NNA012	Ngô Thị Mỹ	Hoa	DC21NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
84	211GMN073	Nguyễn Thị	Hoa	DC21GMN01	8.0	*Tám điểm*	
85	211GTH120	Vũ Mai	Hoa	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
86	211NNA013	Nguyễn Quốc	Hoàng	DC21NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
87	211GMN058	Trần Thanh Khánh	Hội	DC21GMN02	7.0	*Bảy điểm*	

88	211GTH121	Rơ Châm	Hông	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
89	211GMN003	Dương Thị	Hồng	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
90	211GTH058	Trương Tiểu	Hồng	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
91	211GTH059	Vũ Thị Tuyết	Hồng	DC21GTH02	5.0	Năm điểm	
92	211GMN018	Đinh Thị Hồng	Huệ	DC21GMN02	9.0	Chín điểm	
93	211GMN032	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
94	211VNH011	Nguyễn Phi	Hùng	DC21VNH01	2.0	Hai điểm	
95	211CTT016	Lê Công	Huy	DC21CTT01	8.0	Tám điểm	
96	211GTH060	Lưu Ngọc	Huy	DC21GTH02	6.0	Sáu điểm	
97	211GTH031	Nguyễn Quang	Huy	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
98	1857140202005	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	7.0	Bảy điểm	
99	211STO016	Đặng Hoàn	Hương	DC21STO01	0.0	Không điểm	Vắng
100	211STA017	Võ Thị Diễm	Hương	DC21STA01	9.0	Chín điểm	
101	211GTH006	Đặng Thị Hồng	Hưởng	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
102	211CTT019	Huỳnh Ngọc	Kha	DC21CTT01	8.0	Tám điểm	
103	211STO015	Nguyễn Đôn	Khải	DC21STO01	6.0	Sáu điểm	
104	211GTH062	Ngô Văn	Khánh	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
105	211GTH007	Nguyễn Lê Minh	Khánh	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
106	211GTH061	Lê Long	Khẩn	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
107	211STA024	Lê Nhã Tâm	Khuê	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
108	211GTH155	Diệp Bảo	Khương	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
109	211GTH063	Võ Thúy	Kiều	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
110	211GTH008	Dương Thị Mỹ	Kim	DC21GTH01	0.0	Không điểm	Vắng
111	211GMN075	Nay H'	Kranh	DC21GMN01	0.0	Không điểm	Vắng
112	211GTH009	Ngô Thị Ngọc	Lam	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
113	211GMN004	Trần Thị Trúc	Lam	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
114	211GMN042	Huỳnh Nguyễn Yến	Sang	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
115	211GTH082	Dương Trung	Sơn	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
116	211GMN044	Bùi Như	Tâm	DC21GMN01	5.0	Năm điểm	
117	211GTH019	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
118	211GTH083	Kpă H'	Tâm	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
119	211GTH020	Nguyễn Lê Thanh	Tâm	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
120	211GTH021	Nguyễn Thị Bích	Tâm	DC21GTH01	5.0	Năm điểm	
121	211GMN045	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
122	211GTH084	Tống Thị Thanh	Tâm	DC21GTH02	6.0	Sáu điểm	
123	211GMN069	Trần Thị Thanh	Tâm	DC21GMN02	8.0	Tám điểm	
124	211CTT008	Ngô Lê Minh	Thạch	DC21CTT01	6.0	Sáu điểm	
125	211STA011	Mông Thị Xuân	Thanh	DC21STA01	6.0	Sáu điểm	
126	211GTH085	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	DC21GTH01	9.0	Chín điểm	
127	211STO025	Nguyễn Viết Trung	Thành	DC21STO01	0.0	Không điểm	Vắng
128	211GMN012	Nguyễn Anh	Thảo	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
129	211GTH105	Nguyễn Hoàng Thu	Thảo	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
130	211GMN060	Nguyễn Ngọc	Thảo	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
131	211GTH135	Nguyễn Ngọc Hiếu	Thảo	DC21GTH03	6.0	Sáu điểm	
132	211GTH136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
133	211CTT022	Dương	Thay	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
134	211GTH036	Đỗ Trần Như	Thắm	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
135	211GMN046	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	

136	211GTH153	Phạm Thị Xuân	Thắm	DC21GTH03	9.0	Chín điểm	
137	211GMN019	Đào Phương	Thi	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
138	211GMN013	Nguyễn Thị Cẩm	Thi	DC21GMN01	0.0	Không điểm	Vắng
139	211GTH022	Nguyễn Thị Thanh	Thi	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
140	211NNA021	Nguyễn Nhật	Thịnh	DC21NNA01	2.0	Hai điểm	
141	211GMN014	Võ Thị Minh	Thông	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
142	211STA004	Đỗ Thị Thanh	Thơ	DC21STA01	3.0	Ba điểm	
143	211NNA026	Bùi Thị	Thơm	DC21NNA01	9.0	Chín điểm	
144	211GMN078	Nguyễn Thị ánh	Thu	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
145	211GTH087	Huỳnh Chí	Thuận	DC21GTH02	5.0	Năm điểm	
146	211GTH043	Đặng Diệu	Thúy	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
147	211GTH037	Lê Phạm Anh	Thư	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
148	211STA005	Nguyễn Lưu Anh	Thư	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
149	211GMN020	Nguyễn Thị	Thư	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
150	211GMN047	Nguyễn Thị Anh	Thư	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
151	211GTH086	Phạm Khánh	Thư	DC21GTH03	8.0	Tám điểm	
152	211GTH138	Trần Anh	Thư	DC21GTH03	8.0	Tám điểm	
153	211GTH088	Châu Thạch Quỳnh	Thương	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
154	211GMN048	Nguyễn ái	Thương	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
155	211GTH023	Trần Thị Kim	Thương	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
156	211GTH024	Hoàng Thị Thủy	Tiên	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
157	211GTH025	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
158	211STA006	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
159	211GTH089	Phan Huỳnh Thủy	Tiên	DC21GTH02	6.0	Sáu điểm	
160	211CTT013	Phạm Đức	Tiến	DC21CTT01	4.0	Bốn điểm	
161	211CTT023	Võ Hữu	Tiến	DC21CTT01	9.0	Chín điểm	
162	211GMN049	Niê Hờ	Tin	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
163	211STO018	Đào Thị	Tình	DC21STO01	8.0	Tám điểm	
164	211GMN082	Lê Thị Kim	Tính	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
165	211GTH140	Ksor H'	Tiu	DC21GTH03	8.0	Tám điểm	
166	211GMN015	Đào Nguyễn Hương	Trà	DC21GMN02	8.0	Tám điểm	
167	211GTH099	Trần Thị Hương	Trà	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
168	211STA038	Lê Thị Kiều	Trang	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
169	211GTH091	Lữ Thị Thùy	Trang	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
170	211GTH100	Nguyễn Phan Thùy	Trang	DC21GTH02	2.0	Hai điểm	
171	211STO013	Nguyễn Thị Đoan	Trang	DC21STO01	7.0	Bảy điểm	
172	211GTH142	Nguyễn Thị Huyền	Trang	DC21GTH03	6.0	Sáu điểm	
173	211GTH064	Đặng Kim	Lan	DC21GTH02	10.0	Mười điểm	
174	211GTH065	Rcom H'	Lanh	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
175	211GTH066	Đặng Thị Mỹ	Lệ	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
176	211GMN081	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
177	211GMN005	Nguyễn Thị Kim	Liên	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
178	211GTH122	Kpă H'	Linh	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
179	211STO027	Kpă H'	Linh	DC21STO01	0.0	Không điểm	Vắng
180	211NNA004	Mai Gia	Linh	DC21NNA01	9.0	Chín điểm	
181	211GTH010	Nguyễn Lê Nhật	Linh	DC21GTH01	10.0	Mười điểm	
182	211GMN033	Nguyễn Mỹ	Linh	DC21GMN01	4.0	Bốn điểm	
183	211GMN066	Nguyễn Thị Diễm	Linh	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	

184	211GTH067	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DC21GTH01	10.0	Mười điểm	
185	211STA029	Phan Thùy	Linh	DC21STA01	8.0	Tám điểm	
186	211NNA014	Tôn Nữ Khánh	Linh	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
187	211NNA015	Trần Thị Mỹ	Linh	DC21NNA01	6.0	Sáu điểm	
188	211GMN006	Dương Thị Thu	Loan	DC21GMN02	8.0	Tám điểm	
189	211CTT029	Hồ Duy	Luân	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
190	211GTH123	Cao Thị Khánh	Ly	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
191	211GTH011	Đinh Thị Hàn	Ly	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
192	211STA040	Huỳnh Võ Trà	Ly	DC21STA01	4.0	Bốn điểm	
193	211STO002	Trần Lê Ngọc	Mai	DC21STO01	9.0	Chín điểm	
194	211GTH150	Nguyễn Thị Thảo	Mi	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
195	211STO008	Lê Thị Tuyết	Minh	DC21STO01	7.0	Bảy điểm	
196	211GMN007	Dương Hạ Trà	My	DC21GMN02	10.0	Mười điểm	
197	211GTH012	Đặng Thị Trà	My	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
198	211GTH069	Ngô Trà	My	DC21GTH03	10.0	Mười điểm	
199	211GTH109	Nguyễn Thị	My	DC21GTH03	10.0	Mười điểm	
200	211STA022	Nguyễn Thị Quỳnh	My	DC21STA01	8.0	Tám điểm	
201	211VNH003	Trần Ngọc Huỳnh	My	DC21VNH01	3.0	Ba điểm	
202	211GTH070	Võ Thị Quỳnh	My	DC21GTH02	10.0	Mười điểm	
203	211GTH013	Đặng Trần Ly	Na	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
204	211GTH042	Đoàn Lê	Na	DC21GTH03	6.0	Sáu điểm	
205	211NNA016	Lê An	Na	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
206	211STA026	Nguyễn Trần Xê	Na	DC21STA01	4.0	Bốn điểm	
207	211NNA017	Ngô Nữ Nhã	Nam	DC21NNA01	9.0	Chín điểm	
208	211GTH125	Ksor H'	Nga	DC21GTH01	5.0	Năm điểm	
209	211GTH071	Lê Thị Thu	Nga	DC21GTH02	9.0	Chín điểm	
210	211GTH032	Huỳnh Thiên	Ngân	DC21GTH01	9.0	Chín điểm	
211	211STA020	Lê Thị Thanh	Ngân	DC21STA01	6.0	Sáu điểm	
212	211GTH126	Nguyễn Phan Kim	Ngân	DC21GTH03	1.0	Một điểm	
213	211GTH072	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
214	211GTH127	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
215	211STO021	Lê Thị Bích	Ngọc	DC21STO01	10.0	Mười điểm	
216	211GMN034	Mông Thị Hoài	Ngọc	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
217	211STO004	Cao Hoàng	Nguyên	DC21STO01	6.0	Sáu điểm	
218	211GTH073	Đỗ Thị	Nguyên	DC21GTH03	6.0	Sáu điểm	
219	211GTH074	Nguyễn Minh	Nguyên	DC21GTH03	2.0	Hai điểm	
220	211GTH075	Lê Bùi Thu	Nguyệt	DC21GTH03	8.0	Tám điểm	
221	211STA033	Nguyễn Quang Thu	Nguyệt	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
222	211VNH012	Trần Thị	Nhã	DC21VNH01	4.0	Bốn điểm	
223	211GTH033	Trương Bảo	Nhất	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
224	211VNH004	Bùi Thị Linh	Nhi	DC21VNH01	4.0	Bốn điểm	
225	211GMN076	Đoàn Nguyễn Hìu	Nhi	DC21GMN01	4.0	Bốn điểm	
226	211GMN057	Huỳnh Thị Hoài	Nhi	DC21GMN02	4.0	Bốn điểm	
227	211GTH076	Ksor H'	Nhi	DC21GTH02	10.0	Mười điểm	
228	211GTH077	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	DC21GTH02	2.0	Hai điểm	
229	211GMN008	Nguyễn Quí	Nhi	DC21GMN02	8.0	Tám điểm	
230	211GTH034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DC21GTH02	4.0	Bốn điểm	
231	211GTH129	Nay Hờ	Nhiễm	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	

232	211GMN080	Nay H'	Nhoar	DC21GMN02	6.0	*Sáu điểm*	
233	211NNA005	Phạm Thị	Nhớ	DC21NNA01	8.0	*Tám điểm*	
234	211GTH130	Hiao H'	Nhơn	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng
235	211GMN035	Nay H'	Nhớp	DC21GMN02	8.0	*Tám điểm*	
236	211STA018	Bùi Thị Cẩm	Nhung	DC21STA01	5.0	*Năm điểm*	
237	211STA013	Lê Phi	Nhung	DC21STA01	4.0	*Bốn điểm*	
238	211GTH110	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
239	211GMN036	Sô Thị Mỹ	Nhung	DC21GMN02	8.0	*Tám điểm*	
240	211GTH131	Hán Thị Quỳnh	Như	DC21GTH03	10.0	*Mười điểm*	
241	211GTH132	Ksor H	Như	DC21GTH01	8.0	*Tám điểm*	
242	211GMN009	Lê Thị Quỳnh	Như	DC21GMN02	8.0	*Tám điểm*	
243	211STO001	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Như	DC21STO01	0.0	*Không điểm*	Vắng
244	211STA030	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC21STA01	6.0	*Sáu điểm*	
245	211GTH078	Phạm Thị ái	Như	DC21GTH02	8.0	*Tám điểm*	
246	211GTH103	Trần Thị Quỳnh	Như	DC21GTH01	9.0	*Chín điểm*	
247	211STO017	Nay H'	Ni	DC21STO01	9.0	*Chín điểm*	
248	211STA031	Lê Dương Thảo	Ny	DC21STA01	7.0	*Bảy điểm*	
249	211GTH079	Ngô Thị Mỹ	Oanh	DC21GTH01	8.0	*Tám điểm*	
250	211CTT006	Nguyễn Thị Kim	Oanh	DC21CTT01	7.0	*Bảy điểm*	
251	211VNH005	Nguyễn Thị Phương	Oanh	DC21VNH01	4.0	*Bốn điểm*	
252	211GMN067	Ksor Hờ	Pen	DC21GMN02	10.0	*Mười điểm*	
253	211GTH015	Trương Thị Hồng	Phấn	DC21GTH01	9.0	*Chín điểm*	
254	211GMN059	Võ Thị Hương	Phấn	DC21GMN02	10.0	*Mười điểm*	
255	211GMN037	Nguyễn Thị Thúy	Phiến	DC21GMN02	6.0	*Sáu điểm*	
256	211VNH006	Nguyễn Hoàng	Phố	DC21VNH01	1.0	*Một điểm*	
257	211STA014	Lê Nguyễn Hồng	Phúc	DC21STA01	2.0	*Hai điểm*	
258	211CTT020	Lê Văn	Phúc	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
259	211GMN038	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	DC21GMN02	6.0	*Sáu điểm*	
260	211GMN077	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc	DC21GMN01	9.0	*Chín điểm*	
261	211GTH016	Kpă Hờ	Phụng	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng
262	211CTT014	Lê Hoàng	Phụng	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
263	211GTH080	Nguyễn Kim	Phụng	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
264	211GTH017	Đặng Thị Thu	Phương	DC21GTH02	8.0	*Tám điểm*	
265	211CTT007	Lê Công	Phương	DC21CTT01	6.0	*Sáu điểm*	
266	211GTH133	Lương Thị	Phương	DC21GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
267	211STO009	Nguyễn Trần Ngọc	Quý	DC21STO01	10.0	*Mười điểm*	
268	211GTH134	Kpă H'	Quyên	DC21GTH03	10.0	*Mười điểm*	
269	211NNA018	Mai Thảo	Quyên	DC21NNA01	1.0	*Một điểm*	
270	211GTH156	Nguyễn Thị Bích	Quyên	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng
271	211GMN010	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	DC21GMN02	4.0	*Bốn điểm*	
272	211GTH152	Tăng Đào ánh	Quyên	DC21GTH03	2.0	*Hai điểm*	
273	211GTH035	Thẩm Thị Thúy	Quyên	DC21GTH02	9.0	*Chín điểm*	
274	211CTT015	Võ Hùng	Quyết	DC21CTT01	9.0	*Chín điểm*	
275	211GMN040	Đặng Nguyễn Như	Quỳnh	DC21GMN02	4.0	*Bốn điểm*	
276	211GMN041	Hồ Dương	Quỳnh	DC21GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng
277	211GMN011	Lê Thị Diễm	Quỳnh	DC21GMN01	1.0	*Một điểm*	
278	211GTH018	Lê Thị Như	Quỳnh	DC21GTH02	8.0	*Tám điểm*	
279	211CTT021	Nay Tư	Quỳnh	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng

280	211NNA020	Nguyễn Dạ Trúc	Quỳnh	DC21NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
281	211NNA006	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	DC21NNA01	7.0	*Bảy điểm*	
282	211NNA019	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	DC21NNA01	1.0	*Một điểm*	
283	211GTH108	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
284	211GTH081	Phạm Thị Lam	Quỳnh	DC21GTH01	10.0	*Mười điểm*	
285	211GTH143	Nguyễn Thu	Trang	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
286	211GTH092	Trần Bảo	Trang	DC21GTH01	3.0	*Ba điểm*	
287	211NNA022	Huỳnh Trần Quỳnh	Trâm	DC21NNA01	4.0	*Bốn điểm*	
288	211VNH014	Lương Thị Ngọc	Trâm	DC21VNH01	4.0	*Bốn điểm*	
289	211GMN050	Mai Thị Bích	Trâm	DC21GMN02	8.0	*Tám điểm*	
290	211GTH101	Nguyễn Ngọc Hương	Trâm	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng
291	211GTH090	Huỳnh Ngô Bảo	Trân	DC21GTH01	10.0	*Mười điểm*	
292	211CTT009	Trần Thị Huyền	Trân	DC21CTT01	8.0	*Tám điểm*	
293	211GTH144	Võ Thường	Trí	DC21GTH03	10.0	*Mười điểm*	
294	211CTT001	Tạ Ngọc Hoàng	Triều	DC21CTT01	8.0	*Tám điểm*	
295	211GTH145	Ksor H'	Trim	DC21GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng
296	211GMN074	H'ving H'	Trinh	DC21GMN02	10.0	*Mười điểm*	
297	211GTH102	Mai Thị Tú	Trinh	DC21GTH03	6.0	*Sáu điểm*	
298	211GTH038	Ngô Hòa	Trinh	DC21GTH01	6.0	*Sáu điểm*	
299	211VNH015	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC21VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng
300	211GTH146	Hồ Thị Thanh	Trúc	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
301	211GMN021	Huỳnh Thị ánh	Trúc	DC21GMN01	4.0	*Bốn điểm*	
302	211GTH026	Nguyễn Thị Kim	Trúc	DC21GTH02	8.0	*Tám điểm*	
303	211GMN051	Rahlan H'	Trúc	DC21GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
304	211STO019	Nguyễn Tấn	Truyền	DC21STO01	0.0	*Không điểm*	Vắng
305	211STO020	Nguyễn Minh	Tuấn	DC21STO01	6.0	*Sáu điểm*	
306	211GTH027	Nguyễn Đình Mẫn	Tuệ	DC21GTH01	5.0	*Năm điểm*	
307	211GTH094	Huỳnh Thanh	Tùng	DC21GTH03	6.0	*Sáu điểm*	
308	211GMN052	Đặng Trương Kim	Tuyền	DC21GMN01	5.0	*Năm điểm*	
309	211VNH016	Lê Thị Bích	Tuyền	DC21VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng
310	211GMN070	Lê Kim	Tuyến	DC21GMN02	4.0	*Bốn điểm*	
311	211GMN016	Cao Nguyễn Thanh	Tuyết	DC21GMN02	8.0	*Tám điểm*	
312	211GTH095	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	DC21GTH02	5.0	*Năm điểm*	
313	211GTH093	Lê Quỳnh	Tư	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng
314	211GMN079	Ksor H	Uil	DC21GMN02	4.0	*Bốn điểm*	
315	211GMN053	Ksor H'	Ut	DC21GMN01	8.0	*Tám điểm*	
316	211GMN054	Nay H'	Uyên	DC21GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
317	211GTH096	Nay Hờ	Uyên	DC21GTH02	7.0	*Bảy điểm*	
318	211CTT011	Võ Lê Anh	Văn	DC21CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
319	211GTH147	Lê Hồng	Vân	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
320	211VNH007	Trần Phạm Thanh	Vân	DC21VNH01	7.0	*Bảy điểm*	
321	211GTH149	Ksor H	Vi	DC21GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
322	211VNH008	Trần Văn	Vi	DC21VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng
323	211NNA033	Võ Anh	Viên	DC21NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
324	211STO010	Hồ Quốc	Việt	DC21STO01	8.0	*Tám điểm*	
325	211STA015	Trương Minh	Việt	DC21STA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
326	211CTT010	Nguyễn Phát	Vinh	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
327	211GMN068	H'	Vôn	DC21GMN02	7.0	*Bảy điểm*	

328	211NNA008	Ngô Thị Hồng	Vương	DC21NNA01	4.0	*Bốn điểm*	
329	211GTH157	Nguyễn Thị Tố	Win	DC21GTH03	8.0	*Tám điểm*	
330	211CTT026	Bạch Nhật Vũ	Xanh	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng
331	211NNA023	Bùi Như	ý	DC21NNA01	6.0	*Sáu điểm*	
332	211GMN056	Nguyễn Thị Như	ý	DC21GMN02	10.0	*Mười điểm*	
333	211NNA031	Nguyễn Thị Như	ý	DC21NNA01	0.0	*Không điểm*	Vắng
334	211STO007	Lê Trương Tấn	Yên	DC21STO01	6.0	*Sáu điểm*	
335	211GTH097	Nguyễn Thị Hồng	Yên	DC21GTH01	10.0	*Mười điểm*	
336	211NNA009	Mai Thị	Yến	DC21NNA01	8.0	*Tám điểm*	
337	211GTH040	Nguyễn Thị Bảo	Yến	DC21GTH02	6.0	*Sáu điểm*	

Phú Yên, Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Phòng Quản lý chất lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm Giáo dục thể chất 2 **Số tín chỉ: 1**

Ngày thi: 14/01/2022 Ca thi: trực tuyến

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19574802010027	Sipaserd	Amnad	dc19ctt	7.0	*bảy điểm*	
2	19574802010028	Louangphomsopha	Chilasak	dc19ctt	9.0	*chín điểm*	
3	19574802010030	Thongmaha	Soutthida	dc19ctt	8.0	*tám điểm*	
4	20571402010004	Võ Thị Kim	Nguyệt	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
5	20571402010006	Trương Thị	Phấn	dc20gdmn	2.0	*hai điểm*	
6	20571402010016	Bùi Thị Bảo	Yến	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
7	20571402010024	Đặng Nguyễn Thu	Hà	dc20gdmn	0.0	*không điểm*	Vắng
8	20571402010030	Lê Thị Trúc	Ly	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
9	20571402010032	Phạm Thị	Nga	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
10	20571402010035	Lê Thị Hoài	Nhung	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
11	20571402010036	Lê Thị Hoài	Như	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
12	20571402010037	Nay H'	Nuôr	dc20gdmn	0.0	*không điểm*	Vắng
13	20571402010038	Ngô Thị Bích	Quyên	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
14	20571402010039	Võ Thị Lệ	Quyên	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
15	20571402010040	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
16	20571402010041	Trương Thị Tuyết	Sương	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
17	20571402010042	Tăng Thị Thanh	Tâm	dc20gdmn	9.0	*chín điểm*	
18	20571402010043	Võ Trần Khả	Thiên	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
19	20571402010045	Phan Thị Kiều	Trang	dc20gdmn	2.0	*hai điểm*	
20	20571402010046	Thái Thùy	Trang	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
21	20571402010047	Trần Thị Huyền	Trang	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
22	20571402010049	Nguyễn Minh	Trâm	dc20gdmn	2.0	*hai điểm*	
23	20571402010051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	dc20gdmn	8.0	*tám điểm*	
24	20571402010052	Ksor H'	Binh	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
25	20571402010053	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
26	20571402010054	Rcom H'	Đuinh	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
27	20571402010055	Đoàn Lê Mỹ	Hảo	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
28	20571402010056	Ksơr Minh	Hoa	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
29	20571402010057	Lưu Thị Diễm	Hương	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
30	20571402010058	Võ Thị Mỹ	Linh	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
31	20571402010059	Nguyễn Hoài	Minh	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
32	20571402010060	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
33	20571402010061	Huỳnh Ngọc	Phương	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
34	20571402010063	Rơ Ô H'	Ring	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
35	20571402010064	Lê Thị Như	Thảo	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
36	20571402010066	Nguyễn Thị Trúc	Vy	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
37	20571402010067	Võ Hoàng Tú	Quyên	dc20gdmn	3.0	*ba điểm*	
38	20571402010069	Cao Thị Mỹ	Chi	dc20gdmn	4.0	*bốn điểm*	
39	20571402090001	Thân Võ Ngân	Huyền	dc20sto	4.0	*bốn điểm*	

40	20571402090002	Nguyễn Võ Tú	My	dc20sto	2.0	*hai điểm*	
41	20571402090003	Nguyễn Như Tiểu	Nguyệt	dc20sto	4.0	*bốn điểm*	
42	20571402090005	Hồ Trọng	Minh	dc20sto	7.0	*bảy điểm*	
43	20571402090006	Nguyễn Thị	Thảo	dc20sto	5.0	*năm điểm*	
44	20571402090007	Phạm Thị Huỳnh	Nga	dc20sto	0.0	*không điểm*	Vắng
45	20571402090010	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	dc20sto	5.0	*năm điểm*	
46	20573106300001	Đỗ Hữu	Duy	dc20vnh	7.0	*bảy điểm*	
47	20573106300002	Nguyễn Văn	Hưng	dc20vnh	0.0	*không điểm*	Vắng
48	20573106300004	So La Ly	Na	dc20vnh	3.0	*ba điểm*	
49	20573106300005	Đào Duy	Nguyên	dc20vnh	0.0	*không điểm*	Vắng
50	20573106300006	Ngô	Phụng	dc20vnh	0.0	*không điểm*	Vắng
51	20573106300007	Ksơ H	Tết	dc20vnh	6.0	*sáu điểm*	
52	20573106300008	Phan Quỳnh Phương	Trinh	dc20vnh	5.0	*năm điểm*	
53	20573106300009	Lê Thị ánh	Tuyết	dc20vnh	0.0	*không điểm*	Vắng
54	20573106300010	Trần Thị Ngọc	Hân	dc20vnh	3.0	*ba điểm*	
55	20573106300011	Trần Thị Ngọc	Hòa	dc20vnh	5.0	*năm điểm*	
56	20573106300012	Đoàn Thị Phương	Lan	dc20vnh	6.0	*sáu điểm*	
57	20573106300013	Trần Phúc	Lâm	dc20vnh	0.0	*không điểm*	Vắng
58	20573106300014	Trần Lê Hoàng	Na	dc20vnh	4.0	*bốn điểm*	
59	20573106300015	Ma Huỳnh Hiếu	Ngân	dc20vnh	3.0	*ba điểm*	
60	20573106300016	Nguyễn Thị Bích	Phương	dc20vnh	0.0	*không điểm*	Vắng
61	20573106300017	Đỗ Huỳnh Thảo	Tiên	dc20vnh	1.0	*một điểm*	
62	20573106300018	Lê Phước	Thiện	dc20vnh	3.0	*ba điểm*	
63	20573106300020	Phan Tuấn	Vũ	dc20vnh	4.0	*bốn điểm*	
64	20573106300021	Lê Cao	Pháp	dc20vnh	4.0	*bốn điểm*	
65	20573106300022	Nguyễn Thị Kim	Thoa	dc20vnh	1.0	*một điểm*	
66	20573106300023	Nguyễn Nữ Trà	My	dc20vnh	2.0	*hai điểm*	
67	20573106300024	Lê Đức	Mạnh	dc20vnh	0.0	*không điểm*	Vắng
68	20573106300025	Nguyễn Tấn	Phát	dc20vnh	4.0	*bốn điểm*	
69	20574802010001	Vũ Văn	Duy	dc20ctt	8.0	*tám điểm*	
70	20574802010002	Nguyễn Thanh	Định	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
71	20574802010003	Huỳnh Tấn	Hưng	dc20ctt	8.0	*tám điểm*	
72	20574802010004	Nguyễn Thành	Hưng	dc20ctt	6.0	*sáu điểm*	
73	20574802010005	Trần Anh	Hưng	dc20ctt	7.0	*bảy điểm*	
74	20574802010006	Lê Văn	Nhân	dc20ctt	7.0	*bảy điểm*	
75	20574802010007	Huỳnh Cao Yến	Như	dc20ctt	8.0	*tám điểm*	
76	20574802010008	Lương Thị Thu	Thảo	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
77	20574802010009	Nguyễn Ngọc	Tri	dc20ctt	9.0	*chín điểm*	
78	20574802010010	Nguyễn Ngọc	Trường	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
79	20574802010011	La Sô Thị	Đào	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
80	20574802010012	Phạm Tấn	Giác	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
81	20574802010013	Nguyễn Minh	Hoàng	dc20ctt	8.0	*tám điểm*	
82	20574802010014	Lê Thị Châu	Long	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
83	20574802010015	Trương Hoài	Nam	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
84	20574802010016	Nguyễn Thị Tâm	Như	dc20ctt	9.0	*chín điểm*	
85	20574802010017	Trần Phương	Phú	dc20ctt	6.0	*sáu điểm*	
86	20574802010018	Đỗ Thiên	Phúc	dc20ctt	6.0	*sáu điểm*	
87	20574802010019	Hồ Linh	Sơn	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng

88	20574802010020	Văn Bá	Thông	dc20ctt	6.0	*sáu điểm*	
89	20574802010021	Bùi	Tiến	dc20ctt	9.0	*chín điểm*	
90	20574802010022	Đỗ Thị Đài	Trang	dc20ctt	9.0	*chín điểm*	
91	20574802010023	Nguyễn Thị Huyền	Trân	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
92	20574802010024	Trương Lê Tấn	ý	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
93	20574802010026	Lê Cao	Hà	dc20ctt	8.0	*tám điểm*	
94	20574802010027	Phạm Văn	Tiến	dc20ctt	7.0	*bảy điểm*	
95	20574802010028	Nguyễn Thế	Phong	dc20ctt	0.0	*không điểm*	Vắng
96	19574802010003	Đặng Minh	Châu	_dc19ctt	5.0	*năm điểm*	
97	20571402010001	Nguyễn Võ Hoài	An	dc20gdmn	8.0	*tám điểm*	
98	20571402010002	Nguyễn Thị Bích	Hộp	dc20gdmn	8.0	*tám điểm*	
99	20571402010003	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
100	20571402010005	Phan Thị Phương	Nhi	dc20gdmn	9.0	*chín điểm*	
101	20571402010007	Lê Thị Thanh	Phương	dc20gdmn	9.0	*chín điểm*	
102	20571402010008	Trần Nữ Như	Quỳnh	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
103	20571402010009	Trần Thị Mỹ	Thoa	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
104	20571402010010	Hồ Thị Kim	Thúy	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
105	20571402010011	Phạm Thu	Thúy	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
106	20571402010012	Lê Nguyễn Quỳnh	Thư	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
107	20571402010013	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
108	20571402010014	Nguyễn Thị Kim	Tú	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
109	20571402010015	Đoàn Thị Bích	Vi	dc20gdmn	8.0	*tám điểm*	
110	20571402010017	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	dc20gdmn	9.0	*chín điểm*	
111	20571402010018	Trần Khánh	Hà	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
112	20571402010019	Trương Thị	Thơm	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
113	20571402010020	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
114	20571402010021	Nguyễn Thị Thảo	Chi	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
115	20571402010022	Rah Lan H'	Drơng	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
116	20571402010023	Phan Vạn Huyền	Đinh	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
117	20571402010025	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
118	20571402010026	Rơ Ô Mỹ	Hiếu	dc20gdmn	6.0	*sáu điểm*	
119	20571402010027	Ksor H'	Lanh	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
120	20571402010028	Huỳnh Hồng	Liền	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
121	20571402010029	Ksor H'	Lo	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
122	20571402010031	Lê Thị Thanh	Nam	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
123	20571402010033	Rơ Ô H'	Nga	dc20gdmn	0.0	*không điểm*	Vắng
124	20571402010034	Trương Cẩm	Nhi	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
125	20571402010044	Trần Thị	Thủy	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
126	20571402010048	Dương Thị Ngọc	Trâm	dc20gdmn	8.0	*tám điểm*	
127	20571402010050	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	dc20gdmn	7.0	*bảy điểm*	
128	20571402010062	Võ Ngọc	Quỳnh	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
129	20571402010065	Bùi Thị Kim	Tỏa	dc20gdmn	5.0	*năm điểm*	
130	20571402010068	Bùi Thục	Trinh	dc20gdmn	8.0	*tám điểm*	
131	20571402010070	Nông Thị Thu	Hoa	dc20gdmn	0.0	*không điểm*	Vắng
132	20571402020001	Nguyễn Thị Phương	Dung	dc20ght01	4.0	*bốn điểm*	
133	20571402020002	Nguyễn Tuyết	Giang	dc20ght01	4.0	*bốn điểm*	
134	20571402020003	Trương Thị Trúc	Lam	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	
135	20571402020004	Lê Thị ái	Phi	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	

136	20571402020005	Huỳnh Trương Minh	Oanh	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
137	20571402020006	Nguyễn Thị Bích	Thảo	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	
138	20571402020007	Võ Hoàng Bích	Trâm	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
139	20571402020008	Nguyễn Trần Thiên	ý	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
140	20571402020009	Nguyễn Quỳnh	Châu	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	
141	20571402020010	Nguyễn Thị Anh	Đào	dc20ght01	5.0	*năm điểm*	
142	20571402020011	Phan Thị ánh	Hồng	dc20ght01	7.0	*bảy điểm*	
143	20571402020012	Phan Thị Trà	My	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	
144	20571402020013	Phạm Lê Thiên	Ân	dc20ght01	9.0	*chín điểm*	
145	20571402020014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	dc20ght01	5.0	*năm điểm*	
146	20571402020015	Nguyễn Đinh Minh	Châu	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
147	20571402020016	Nguyễn Lệ	Chí	dc20ght01	5.0	*năm điểm*	
148	20571402020017	Huỳnh Minh	Hải	dc20ght01	7.0	*bảy điểm*	
149	20571402020018	Lê Thị Mỹ	Hảo	dc20ght01	0.0	*không điểm*	Vắng
150	20571402020019	Đàm Diệu	Linh	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	
151	20571402020020	Huỳnh Thị Bích	Ly	dc20ght01	7.0	*bảy điểm*	
152	20571402020021	Lê Thị Trà	My	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
153	20571402020022	Nguyễn Thị Trà	My	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
154	20571402020023	Phan Ngọc Trúc	Quỳnh	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	
155	20571402020024	Mai Trọng	Thịnh	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
156	20571402020025	Kpă Hờ	Thúy	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
157	20571402020026	Lê Thị Kim	Thư	dc20ght01	7.0	*bảy điểm*	
158	20571402020027	Trần Thị Diễm	Thương	dc20ght01	7.0	*bảy điểm*	
159	20571402020028	Trần Mỹ	Tiên	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
160	20571402020029	Đoàn Tấn	Tiến	dc20ght01	7.0	*bảy điểm*	
161	20571402020030	Hà Huyền	Trân	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
162	20571402020031	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
163	20571402020032	Nguyễn Thị Phương	Vân	dc20ght01	6.0	*sáu điểm*	
164	20571402020033	Kpă H'	Nưm	dc20ght01	0.0	*không điểm*	Vắng
165	20571402020034	Trà Nguyễn Thúy	Quỳnh	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
166	20571402020035	Nguyễn Thị Thanh	Tú	dc20ght01	7.0	*bảy điểm*	
167	20571402020036	Phạm Nguyễn Xuân	Hiếu	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
168	20571402020037	Trương Ngân	Tuyền	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
169	20571402020038	Lê Bảo	Tín	dc20ght01	9.0	*chín điểm*	
170	20571402020039	Võ Thị Tuyết	Mai	dc20ght01	8.0	*tám điểm*	
171	20571402020040	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	dc20ght02	0.0	*không điểm*	Vắng
172	20571402310002	Đậu Thị Diễm	Quỳnh	dc20sta	8.0	*tám điểm*	
173	20571402310003	Đào Cẩm	Vân	dc20sta	6.0	*sáu điểm*	
174	20571402310004	Lê Trần Ngọc	Linh	dc20sta	6.0	*sáu điểm*	
175	20571402310006	Trần Thị Thu	Vẹn	dc20sta	5.0	*năm điểm*	
176	20571402310007	Lê Thùy	Dung	dc20sta	5.0	*năm điểm*	
177	20572202010001	Nguyễn Thùy	Dương	dc20nna	0.0	*không điểm*	Vắng
178	20572202010002	Nguyễn Thị	Hội	dc20nna	4.0	*bốn điểm*	
179	20572202010003	Nguyễn Phúc	Nguyên	dc20nna	0.0	*không điểm*	Vắng
180	20572202010004	Trần Thị	Nhã	dc20nna	0.0	*không điểm*	Vắng
181	20572202010006	Dương Thị Thu	Thảo	dc20nna	5.0	*năm điểm*	
182	20572202010007	Nguyễn Võ Hoài	Thế	dc20nna	3.0	*ba điểm*	
183	20572202010008	Bùi Thị Bích	Thư	dc20nna	8.0	*tám điểm*	

184	20572202010009	Nguyễn Văn	Tú	dc20nna	6.0	*sáu điểm*	
185	20572202010010	Lê Thị Thanh	Vy	dc20nna	6.0	*sáu điểm*	
186	20572202010012	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	dc20nna	0.0	*không điểm*	Vắng
187	20572202010013	Võ Quốc	Quân	dc20nna	7.0	*bảy điểm*	
188	20572202010014	Trần Văn	Thơm	dc20nna	4.0	*bốn điểm*	
189	20572202010015	Trần Thị Lệ	Thu	dc20nna	5.0	*năm điểm*	
190	20572202010017	Trương Thị Tú	Quyên	dc20nna	0.0	*không điểm*	Vắng

Phú Yên, Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Kuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Giáo dục thể chất 3 — **Số tín chỉ: 1**
Ngày thi: 26/02/2022 — Ca thi: 3

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	20571402310007	Lê Thùy	Dung	DC20STA01	8,0	tám điểm	
2	20573106300001	Đỗ Hữu	Duy	DC20VNH01	7,0	bảy điểm	
3	20574802010001	Vũ Văn	Duy	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
4	20574802010002	Nguyễn Thanh	Định	DC20CTT01	0,0	không điểm	Vắng
5	20574802010012	Phạm Tấn	Giác	DC20CTT01	0,0	không điểm	Vắng
6	20574802010026	Lê Cao	Hà	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
7	20573106300010	Trần Thị Ngọc	Hân	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
8	20573106300011	Trần Thị Ngọc	Hòa	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
9	20574802010013	Nguyễn Minh	Hoàng	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
10	20572202010002	Nguyễn Thị	Hội	DC20NNA01	8,0	tám điểm	
11	20571402090001	Thân Võ Ngân	Huyền	DC20STO01	9,0	chín điểm	
12	20574802010003	Huỳnh Tấn	Hưng	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
13	20574802010004	Nguyễn Thành	Hưng	DC20CTT01	8,0	tám điểm	
14	20573106300002	Nguyễn Văn	Hưng	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
15	20574802010005	Trần Anh	Hưng	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
16	20573106300012	Đoàn Thị Phương	Lan	DC20VNH01	7,0	bảy điểm	
17	20573106300013	Trần Phúc	Lâm	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
18	20571402310004	Lê Trần Ngọc	Linh	DC20STA01	0,0	không điểm	Vắng
19	20573106300024	Lê Đức	Mạnh	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
20	20571402090005	Hồ Trọng	Minh	DC20STO01	7,0	bảy điểm	
21	20573106300023	Nguyễn Nữ Trà	My	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
22	20571402090002	Nguyễn Võ Tú	My	DC20STO01	8,0	tám điểm	
23	20573106300004	So La Ly	Na	DC20VNH01	7,0	bảy điểm	
24	20573106300014	Trần Lê Hoàng	Na	DC20VNH01	7,0	bảy điểm	
25	20574802010015	Trương Hoài	Nam	DC20CTT01	0,0	không điểm	Vắng
26	20573106300015	Ma Huỳnh Hiếu	Ngân	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
27	20573106300005	Đào Duy	Nguyên	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
28	20572202010003	Nguyễn Phúc	Nguyên	DC20NNA01	0,0	không điểm	Vắng
29	20571402090003	Nguyễn Như Tiểu	Nguyệt	DC20STO01	9,0	chín điểm	
30	20574802010006	Lê Văn	Nhân	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
31	20574802010007	Huỳnh Cao Yến	Như	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
32	20574802010016	Nguyễn Thị Tâm	Như	DC20CTT01	7,5	bảy điểm rưỡi	
33	20573106300021	Lê Cao	Pháp	DC20VNH01	6,5	sáu điểm rưỡi	
34	20573106300025	Nguyễn Tấn	Phát	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
35	20574802010028	Nguyễn Thế	Phong	DC20CTT01	7,5	bảy điểm rưỡi	
36	20574802010017	Trần Phương	Phú	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
37	20574802010018	Đỗ Thiên	Phúc	DC20CTT01	6,5	sáu điểm rưỡi	
38	20573106300006	Ngô	Phụng	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
39	20573106300016	Nguyễn Thị Bích	Phương	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
40	20572202010013	Võ Quốc	Quân	DC20NNA01	8,0	tám điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
41	20571402310002	Đậu Thị Diễm	Quỳnh	DC20STA01	7,0	bảy điểm	
42	20573106300007	Ksơ H	Tết	DC20VNH01	6,5	sáu điểm rưỡi	
43	20572202010006	Dương Thị Thu	Thảo	DC20NNA01	7,0	bảy điểm	
44	20571402090006	Nguyễn Thị	Thảo	DC20STO01	7,0	bảy điểm	
45	20572202010007	Nguyễn Võ Hoài	Thế	DC20NNA01	6,0	sáu điểm	
46	20573106300018	Lê Phước	Thiện	DC20VNH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
47	18572201130026	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC18VNH01	8,0	tám điểm	
48	20573106300022	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC20VNH01	8,5	tám điểm rưỡi	
49	20574802010020	Văn Bá	Thông	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
50	20572202010014	Trần Văn	Thơm	DC20NNA01	7,0	bảy điểm	
51	20572202010015	Trần Thị Lệ	Thu	DC20NNA01	6,5	sáu điểm rưỡi	
52	20572202010008	Bùi Thị Bích	Thư	DC20NNA01	7,5	bảy điểm rưỡi	
53	20573106300017	Đỗ Huỳnh Thảo	Tiên	DC20VNH01	8,0	tám điểm	
54	20574802010021	Bùi	Tiến	DC20CTT01	8,5	tám điểm rưỡi	
55	20574802010027	Phạm Văn	Tiến	DC20CTT01	7,5	bảy điểm rưỡi	
56	20574802010022	Đỗ Thị Đài	Trang	DC20CTT01	7,5	bảy điểm rưỡi	
57	20574802010009	Nguyễn Ngọc	Tri	DC20CTT01	7,0	bảy điểm	
58	20573106300008	Phan Quỳnh Phương	Trinh	DC20VNH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
59	20574802010010	Nguyễn Ngọc	Trường	DC20CTT01	0,0	không điểm	Vắng
60	20572202010009	Nguyễn Văn	Tú	DC20NNA01	8,5	tám điểm rưỡi	
61	20571402090010	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	DC20STO01	8,0	tám điểm	
62	20573106300009	Lê Thị Ánh	Tuyết	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
63	20571402310003	Đào Cẩm	Vân	DC20STA01	8,0	tám điểm	
64	20571402310006	Trần Thị Thu	Vẹn	DC20STA01	8,5	tám điểm rưỡi	
65	20573106300020	Phan Tuấn	Vũ	DC20VNH01	9,0	chín điểm	
66	20572202010010	Lê Thị Thanh	Vy	DC20NNA01	7,5	bảy điểm rưỡi	
67	20574802010024	Trương Lê Tấn	Ý	DC20CTT01	0,0	không điểm	Vắng
68	20571402010001	Nguyễn Võ Hoài	An	DC20GMN01	8,0	tám điểm	
69	20571402010052	Ksor H'	Binh	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
70	20571402010020	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	DC20GMN01	8,0	tám điểm	
71	20571402010069	Cao Thị Mỹ	Chi	DC20GMN01	8,0	tám điểm	
72	20571402010021	Nguyễn Thị Thảo	Chi	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
73	20571402010017	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	DC20GMN01	9,0	chín điểm	
74	20571402010053	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	DC20GMN01	8,0	tám điểm	
75	20571402010022	Rah Lan H'	Drơng	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
76	20571402010023	Phan Vạn Huyền	Đinh	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
77	20571402010054	Rcom H'	Đuinh	DC20GMN01	8,0	tám điểm	
78	20571402010024	Đặng Nguyễn Thu	Hà	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
79	20571402010018	Trần Khánh	Hà	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
80	20571402010055	Đoàn Lê Mỹ	Hảo	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
81	20571402010025	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
82	20571402010026	Rơ Ô Mỹ	Hiếu	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
83	20571402010056	Ksơr Minh	Hoa	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
84	20571402010070	Nông Thị Thu	Hoa	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
85	20571402010002	Nguyễn Thị Bích	Hộp	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
86	20571402010057	Lưu Thị Diễm	Hương	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
87	20571402010027	Ksor H'	Lanh	DC20GMN01	5,0	năm điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
88	20571402010028	Huỳnh Hồng	Liền	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
89	20571402010003	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
90	20571402010058	Võ Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
91	20571402010029	Ksor H'	Lo	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
92	20571402010030	Lê Thị Trúc	Ly	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
93	20571402010059	Nguyễn Hoài	Minh	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
94	20571402010031	Lê Thị Thanh	Nam	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
95	20571402010032	Phạm Thị	Nga	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
96	20571402010033	Rơ Ô H'	Nga	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
97	20571402010004	Võ Thị Kim	Nguyệt	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
98	20571402010005	Phan Thị Phương	Nhi	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
99	20571402010034	Trương Cẩm	Nhi	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
100	20571402010060	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
101	20571402010035	Lê Thị Hoài	Nhung	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
102	20571402010036	Lê Thị Hoài	Như	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
103	20571402010037	Nay H'	Nuôr	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
104	20571402010006	Trương Thị	Phấn	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
105	20571402010061	Huỳnh Ngọc	Phương	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
106	20571402010007	Lê Thị Thanh	Phương	DC20GMN01	8,0	tám điểm	
107	20571402010038	Ngô Thị Bích	Quyên	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
108	20571402010067	Võ Hoàng Tú	Quyên	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
109	20571402010039	Võ Thị Lệ	Quyên	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
110	20571402010040	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	DC20GMN01	9,0	chín điểm	
111	20571402010008	Trần Nữ Như	Quỳnh	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
112	20571402010062	Võ Ngọc	Quỳnh	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
113	20571402010063	Rơ Ô H'	Ring	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
114	20571402010041	Trương Thị Tuyết	Sương	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
115	20571402010042	Tăng Thị Thanh	Tâm	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
116	20571402010064	Lê Thị Như	Thảo	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
117	20571402010043	Võ Trần Khả	Thiên	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
118	20571402010009	Trần Thị Mỹ	Thoa	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
119	20571402010019	Trương Thị	Thơm	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
120	20571402010044	Trần Thị	Thủy	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
121	20571402010010	Hồ Thị Kim	Thúy	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
122	20571402010011	Phạm Thu	Thúy	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
123	20571402010012	Lê Nguyễn Quỳnh	Thư	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
124	20571402010065	Bùi Thị Kim	Tỏa	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
125	18571402010029	Phạm Thanh Huyền	Trang	DC18GMN01	4,0	bốn điểm	
126	20571402010045	Phan Thị Kiều	Trang	DC20GMN01	8,0	tám điểm	
127	20571402010046	Thái Thùy	Trang	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
128	20571402010047	Trần Thị Huyền	Trang	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
129	20571402010048	Dương Thị Ngọc	Trâm	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
130	20571402010049	Nguyễn Minh	Trâm	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
131	20571402010050	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	DC20GMN01	10,0	mười điểm	
132	20571402010068	Bùi Thục	Trinh	DC20GMN01	10,0	mười điểm	
133	20571402010013	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	DC20GMN01	9,0	chín điểm	
134	20571402010014	Nguyễn Thị Kim	Tú	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
135	20571402010051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
136	20571402010015	Đoàn Thị Bích	Vi	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
137	20571402010066	Nguyễn Thị Trúc	Vy	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
138	20571402010016	Bùi Thị Bảo	Yến	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	

Phú Yên, Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Phòng Quản lý chất lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm GiáO dục thể chất 3 **Số tín chỉ: 1**

Ngày thi: 26/02/2022 Ca thi: ca1

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	20571402020013	Phạm Lê Thiên	Ân	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
2	20571402020014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
3	20571402020015	Nguyễn Đinh Minh	Châu	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
4	20571402020009	Nguyễn Quỳnh	Châu	DC20GTH01	5.0	*năm điểm*	
5	20571402020016	Nguyễn Lệ	Chí	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
6	20571402020001	Nguyễn Thị Phương	Dung	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
7	20571402020010	Nguyễn Thị Anh	Đào	DC20GTH01	5.0	*năm điểm*	
8	20571402020002	Nguyễn Tuyết	Giang	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
9	20571402020017	Huỳnh Minh	Hải	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
10	20571402020018	Lê Thị Mỹ	Hảo	DC20GTH01	0.0	*không điểm*	Vắng
11	20571402020036	Phạm Nguyễn Xuân	Hiếu	DC20GTH01	9.0	*chín điểm*	
12	20571402020011	Phan Thị ánh	Hồng	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
13	20571402020003	Trương Thị Trúc	Lam	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
14	20571402020019	Đàm Diệu	Linh	DC20GTH01	5.0	*năm điểm*	
15	20571402020020	Huỳnh Thị Bích	Ly	DC20GTH01	6.0	*sáu điểm*	
16	20571402020039	Võ Thị Tuyết	Mai	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
17	20571402020021	Lê Thị Trà	My	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	
18	20571402020022	Nguyễn Thị Trà	My	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
19	20571402020012	Phan Thị Trà	My	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
20	20571402020033	Kpă H'	Nưm	DC20GTH01	0.0	*không điểm*	Vắng
21	20571402020005	Huỳnh Trương Minh	Oanh	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
22	20571402020004	Lê Thị ái	Phi	DC20GTH01	5.0	*năm điểm*	
23	20571402020040	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	DC20GTH01	0.0	*không điểm*	Vắng
24	20571402020023	Phan Ngọc Trúc	Quỳnh	DC20GTH01	6.0	*sáu điểm*	
25	20571402020034	Trà Nguyễn Thúy	Quỳnh	DC20GTH01	5.0	*năm điểm*	
26	20571402020006	Nguyễn Thị Bích	Thảo	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
27	20571402020024	Mai Trọng	Thịnh	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	
28	20571402020025	Kpă Hờ	Thúy	DC20GTH01	5.5	*năm điểm rưỡi*	
29	20571402020026	Lê Thị Kim	Thư	DC20GTH01	6.0	*sáu điểm*	
30	20571402020027	Trần Thị Diễm	Thương	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
31	20571402020028	Trần Mỹ	Tiên	DC20GTH01	7.0	*bảy điểm*	
32	20571402020029	Đoàn Tấn	Tiến	DC20GTH01	6.5	*sáu điểm rưỡi*	
33	20571402020038	Lê Bảo	Tín	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
34	20571402020007	Võ Hoàng Bích	Trâm	DC20GTH01	8.5	*tám điểm rưỡi*	
35	20571402020030	Hà Huyền	Trân	DC20GTH01	7.5	*bảy điểm rưỡi*	
36	20571402020035	Nguyễn Thị Thanh	Tú	DC20GTH01	0.0	*không điểm*	Vắng
37	20571402020031	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	DC20GTH01	5.0	*năm điểm*	
38	20571402020037	Trương Ngân	Tuyền	DC20GTH01	9.0	*chín điểm*	
39	20571402020032	Nguyễn Thị Phương	Vân	DC20GTH01	8.0	*tám điểm*	

40	20571402020008	Nguyễn Trần Thiên	ý	DC20GTH01	9.5	*chín điểm rưỡi*	

Phú Yên, Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Đào Anh Xuân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Giáo dục thể chất 4 — **Số tín chỉ: 1**
Ngày thi: 15/01/2022 — Ca thi: 1 - trực tuyến

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402020001	Phan Huỳnh Khánh	Duyên	DC19GTH01	8,3	tám điểm ba	
2	19571402020002	Lê Thanh	Hương	DC19GTH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
3	19571402020003	Nguyễn Thị Liên	Kiều	DC19GTH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
4	19571402020004	Phan Duy Mỹ	Lợi	DC19GTH01	6,5	sáu điểm rưỡi	
5	19571402020005	Lê Đào Hiền	Lương	DC19GTH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
6	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	7,3	bảy điểm ba	
7	19571402020007	Nguyễn Hiếu	Ngân	DC19GTH01	6,0	sáu điểm	
8	19571402020009	Võ Huỳnh	Như	DC19GTH01	6,0	sáu điểm	
9	19571402020010	Ngô Đỗ Phương	Thảo	DC19GTH01	5,5	năm điểm rưỡi	
10	19571402020011	Lê Đỗ Hoài	Thu	DC19GTH01	5,3	năm điểm ba	
11	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	6,0	sáu điểm	
12	19571402020013	Sô Thị Thu	Hảo	DC19GTH01	7,3	bảy điểm ba	
13	19571402020014	Lê Mo Hờ	Hiền	DC19GTH01	7,8	bảy điểm tám	
14	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	4,5	bốn điểm rưỡi	
15	19571402020016	Trần Yến	Khoa	DC19GTH01	5,5	năm điểm rưỡi	
16	19571402020017	Võ Thị Thanh	Lam	DC19GTH01	5,0	năm điểm	
17	19571402020018	Trần Lê Thanh	Nhàn	DC19GTH01	6,5	sáu điểm rưỡi	
18	19571402020019	Phan Trịnh Kim	Phượng	DC19GTH01	4,5	bốn điểm rưỡi	
19	19571402020020	Phạm Lê Cẩm	Tiên	DC19GTH01	6,5	sáu điểm rưỡi	
20	19571402020021	Văn Lê Thùy	Trang	DC19GTH01	6,8	sáu điểm bảy	
21	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	6,5	sáu điểm rưỡi	
22	19571402020023	Trần Linh	Vi	DC19GTH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
23	19571402020024	Phạm Thị Hoàng	Ý	DC19GTH01	6,8	sáu điểm bảy	
24	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	6,3	sáu điểm ba	
25	19571402020028	Nguyễn Thị Sơn	My	DC19GTH01	6,3	sáu điểm ba	
26	19571402020029	Lê Nhân	Đức	DC19GTH01	7,3	bảy điểm ba	
27	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	2,8	hai điểm tám	
28	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	4,3	bốn điểm ba	
29	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	8,0	tám điểm	
30	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	5,3	năm điểm ba	
31	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	5,0	năm điểm	
32	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	5,5	năm điểm rưỡi	
33	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	3,0	ba điểm	
34	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	4,3	bốn điểm ba	
35	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	5,5	năm điểm rưỡi	
36	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	6,3	sáu điểm ba	
37	19572202010002	Trần Thị Thu	Diệp	DC19NNA01	5,0	năm điểm	
38	19572202010003	Lý Đăng	Dương	DC19NNA01	3,8	ba điểm tám	
39	19572202010004	Lê Thị Ngọc	Hân	DC19NNA01	4,5	bốn điểm rưỡi	
40	19572202010005	Nguyễn Thị Hoàng	Hảo	DC19NNA01	3,8	ba điểm tám	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
41	19572202010006	Nguyễn Thị	Hiền	DC19NNA01	4,5	bốn điểm rưỡi	
42	19572202010007	Lê Thị Ngọc	Hiền	DC19NNA01	7,3	bảy điểm ba	
43	19572202010008	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DC19NNA01	6,0	sáu điểm	
44	19572202010009	Nguyễn Bích	Thảo	DC19NNA01	6,5	sáu điểm rưỡi	
45	19572202010010	Đặng Minh	Thuận	DC19NNA01	6,0	sáu điểm	
46	19572202010011	Nguyễn Ngọc	Trâm	DC19NNA01	7,3	bảy điểm ba	
47	19572202010012	Phan Trịnh Bảo	Trân	DC19NNA01	5,0	năm điểm	
48	19572202010013	Hồ Anh	Tuyền	DC19NNA01	7,5	bảy điểm rưỡi	
49	19572202010015	Vũ Hồ Vy	Đan	DC19NNA01	7,3	bảy điểm ba	
50	19572202010016	Lê Thị Ngọc	Huệ	DC19NNA01	5,5	năm điểm rưỡi	
51	19572202010018	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC19NNA01	6,3	sáu điểm ba	
52	19572202010020	Võ Cao Thành	Tài	DC19NNA01	4,3	bốn điểm ba	
53	19572202010021	Đặng Phúc	Thịnh	DC19NNA01	5,0	năm điểm	
54	19572202010022	Trần Hiếu	Thương	DC19NNA01	5,0	năm điểm	
55	19572202010027	Lê Thy	Quyên	DC19NNA01	7,0	bảy điểm	
56	20571402090009	Nguyễn Văn	Tài	DC20STO01	0,0	không điểm	Vắng
57	17552220113016	Nguyễn Minh	Thành	DC17VNH01	8,0	tám điểm	
58	19573106300002	Đặng Thị Thanh	Lam	DC19VNH01	7,0	bảy điểm	
59	19573106300003	Lương Trọng	Lâm	DC19VNH01	5,0	năm điểm	
60	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	8,0	tám điểm	
61	19573106300006	Văn Minh	Hiếu	DC19VNH01	7,0	bảy điểm	
62	19573106300007	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	DC19VNH01	7,0	bảy điểm	
63	19573106300008	Lưu Thị Như	Quỳnh	DC19VNH01	8,0	tám điểm	
64	19573106300009	Lê Tú	Cầm	DC19VNH01	7,0	bảy điểm	
65	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	5,0	năm điểm	
66	19573106300016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	DC19VNH01	7,0	bảy điểm	
67	19573106300018	Lê Minh	Chí	DC19VNH01	5,0	năm điểm	
68	19573106300020	Đặng Phú	Hưng	DC19VNH01	0,0	không điểm	Vắng
69	19574802010001	Trần Phạm Minh	Anh	DC19CTT01	6,0	sáu điểm	
70	19574802010002	Trần Quốc	Bảo	DC19CTT01	8,0	tám điểm	
71	19574802010003	Đặng Minh	Châu	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
72	19574802010004	Nguyễn Thị Nguyên	Khương	DC19CTT01	8,0	tám điểm	
73	19574802010005	Trần Duy	Linh	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
74	19574802010006	Nguyễn Thị Phúc	Loan	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
75	19574802010007	Trần Thị Thùy	Nhiên	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
76	19574802010009	Phan Đặng Hoàng	Phúc	DC19CTT01	6,0	sáu điểm	
77	19574802010011	Nguyễn Minh	Thịnh	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
78	19574802010012	Lê Anh	Thương	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
79	19574802010013	Mai Thanh	Tiện	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
80	19574802010014	Trần Tấn	Toán	DC19CTT01	0,0	không điểm	Vắng
81	19574802010015	Lê Nguyễn Mạnh	Tuấn	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
82	19574802010017	Huỳnh Lê Khánh	Duy	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
83	19574802010018	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hải	DC19CTT01	7,0	bảy điểm	
84	19574802010023	Huỳnh Kim	Luân	DC19CTT01	8,0	tám điểm	
85	19574802010024	Huỳnh Đức	Tiến	DC19CTT01	3,0	ba điểm	
86	19574802010025	Phan Văn	Việt	DC19CTT01	6,0	sáu điểm	
87	19574802010027	SIPASERD	Amnad	DC19CTT01	8,0	tám điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
88	19574802010028	LOUANGPHOMSOPHA	Chilasak	DC19CTT01	8,0	tám điểm	
89	19574802010029	OUPHASAKDA	Pathoumma	DC19CTT01	8,0	tám điểm	
90	19574802010030	THONGMAHA	Soutthida	DC19CTT01	8,0	tám điểm	

Phú Yên, Ngày 17 tháng 01 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Phòng Quản lý chất lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm **Giáo dục thể chất 4 (Võ 2)** **Số tín chỉ: 1**

Ngày thi: 15/1/2022 Ca thi: trực tuyến

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
2	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
3	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
4	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
5	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
6	19571402010006	Nguyễn Thị Ánh	Nhàn	DC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
7	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
8	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	5.0	*Năm điểm*	
9	19571402010009	Đoàn Phương	Thảo	DC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
10	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
11	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
12	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
13	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
14	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
15	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	9.5	*Chín điểm rưỡi*	
16	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
17	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
18	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
19	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
20	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
21	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
22	19571402010022	MLô Hờ	Vân	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
23	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
24	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
25	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	9.0	*Chín điểm*	
26	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: Những NLCB của CN Mác-Lênin 2 **Số tín chỉ: 3**

Ngày thi: 11/3/2022 Ca thi: 13h30 (120')

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18572202010005	Trần Quốc	Bảo	DC18NNA01	**4.0**	*Bốn điểm*	
2	18572202010062	Nguyễn Thị Bích	Bình	DC18NNA01	**5.0**	*Năm điểm*	
3	18151140201005	Đặng Thùy	Dương	CC18GMN01	**6.0**	*Sáu điểm*	
4	18572202010008	Võ Văn	Đoan	DC18NNA01	**5.5**	*Năm điểm rưỡi*	
5	18151140201015	Trần Thị Trúc	Lam	CC18GMN01	**5.5**	*Năm điểm rưỡi*	
6	18151140201020	Nguyễn Kiều	Mi	CC18GMN01	**5.5**	*Năm điểm rưỡi*	
7	17552220113042	Nguyễn Thị Thanh	Quý	DC17VNH01	**6.5**	*Sáu điểm rưỡi*	
8	155D4401120024	Huỳnh Lê	Trọng	DC15HOA01	**5.0**	*Năm điểm*	
9	18572202010076	Nguyễn Hoàng Hải	Tuyến	DC18NNA01	**5.5**	*Năm điểm rưỡi*	

Phú Yên, ngày 23 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG** **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 17/1/2022 Ca thi: 01 (trực tuyến)

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	20571402010001	Nguyễn Võ Hoài	An	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
2	20571402020013	Phạm Lê Thiên	Ân	DC20GTH01	6.0	Sáu chẵn	
3	20571402020014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	DC20GTH01	4.0	Bốn chẵn	
4	20571402010052	Ksor H	Binh	DC20GMN01	8.0	Tám chẵn	
5	19573106300009	Lê Tú	Cẩm	DC19VNH01	6.0	Sáu chẵn	
6	20571402020009	Nguyễn Quỳnh	Châu	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
7	20571402020015	Nguyễn Đinh Minh	Châu	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
8	20571402010020	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
9	20571402010021	Nguyễn Thị Thảo	Chi	DC20GMN01	4.0	Bốn chẵn	
10	20571402010069	Cao Thị Mỹ	Chi	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
11	20571402020016	Nguyễn Lệ	Chí	DC20GTH01	4.0	Bốn chẵn	
12	20571402010017	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	DC20GMN01	5.0	Năm chẵn	
13	20571402010053	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	DC20GMN01	8.0	Tám chẵn	
14	20571402010022	Rah Lan H'	Drơng	DC20GMN01	5.0	Năm chẵn	
15	20571402310007	Lê Thuỳ	Dung	DC20STA01	4.0	Bốn chẵn	
16	20571402020001	Nguyễn Thị Phương	Dung	DC20GTH01	8.0	Tám chẵn	
17	17552140217021	Quảng Thị Ánh	Dương	DC17SVA01	7.0	Bảy chẵn	
18	20573106300001	Đỗ Hữu	Duy	DC20VNH01	3.0	Ba chẵn	
19	20574802010001	Vũ Văn	Duy	DC20CTT01	7.0	Bảy chẵn	
20	20571402020010	Nguyễn Thị Anh	Đào	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
21	20571402010023	Phan Vạn Huyền	Đinh	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
22	20574802010002	Nguyễn Thanh	Định	DC20CTT01	0.0	Không	Vắng
23	20571402010054	Rcom H'	Đuinh	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
24	20571402020002	Nguyễn Tuyết	Giang	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
25	20571402010024	Đặng Nguyễn Thu	Hà	DC20GMN01	0.0	Không	Vắng
26	20571402010018	Trần Khánh	Hà	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
27	20574802010026	Lê Cao	Hà	DC20CTT01	7.0	Bảy chẵn	
28	20571402020017	Huỳnh Minh	Hải	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
29	20573106300010	Trần Thị Ngọc	Hân	DC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
30	20571402010025	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
31	20571402010055	Đoàn Lê Mỹ	Hảo	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
32	20571402020018	Lê Thị Mỹ	Hảo	DC20GTH01	0.0	Không	Vắng
33	20571402020036	Phạm Nguyễn Xuân	Hiếu	DC20GTH01	8.0	Tám chẵn	
34	20571402010026	Rơ ô Mỹ	Hiếu	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
35	20571402010056	Ksơr Minh	Hoa	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
36	20571402010070	Nông Thị Thu	Hoa	DC20GMN01	0.0	Không	Vắng
37	165D1402090008	Huỳnh Khánh	Hòa	DC16STO01	0.0	Không	Vắng
38	20573106300011	Trần Thị Ngọc	Hòa	DC20VNH01	5.0	Năm chẵn	
39	20574802010013	Nguyễn Minh	Hoàng	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
40	20572202010002	Nguyễn Thị	Hội	DC20NNA01	4.0	Bốn chẵn	
41	20571402020011	Phan Thị Ánh	Hồng	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
42	20571402010002	Nguyễn Thị Bích	Hộp	DC20GMN01	8.0	Tám chẵn	
43	20574802010004	Nguyễn Thành	Hưng	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
44	20574802010005	Trần Anh	Hưng	DC20CTT01	5.0	Năm chẵn	
45	20574802010003	Huỳnh Tấn	Hưng	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
46	205 73106300002	Nguyễn Văn	Hưng	DC20VNH01	5.0	Năm chẵn	
47	20571402010057	Lưu Thị Diễm	Hương	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
48	20571402090001	Thân Võ Ngân	Huyền	DC20STO01	8.0	Tám chẵn	
49	20571402020003	Trương Thị Trúc	Lam	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
50	20573106300012	Đoàn Thị Phương	Lan	DC20VNH01	7.0	Bảy chẵn	
51	20571402010027	Ksor H'	Lanh	DC20GMN01	3.0	Ba chẵn	
52	20573106300013	Trần Phúc	Lâm	DC20VNH01	0.0	Không	Vắng
53	20571402010028	Huỳnh Hồng	Liền	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
54	20571402010003	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	0.0	Không	Vắng
55	20571402020058	Võ Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
56	20571402310004	Lê Trần Ngọc	Linh	DC20STA01	7.0	Bảy chẵn	
57	20571402020019	Đàm Diệu	Linh	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
58	20571402010029	Ksor H'	Lo	DC20GMN01	1.0	Một chẵn	
59	20571402020020	Huỳnh Thị Bích	Ly	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
60	20571402010030	Lê Thị Trúc	Ly	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
61	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	7.0	Bảy chẵn	
62	20571402020039	Võ Thị Tuyết	Mai	DC20GTH01	6.0	Sáu chẵn	
63	20574802010012	Phạm Tấn	Giác	DC20CTT01	0.0	Không	Vắng
64	20573106300024	Lê Đức	Mạnh	DC20VNH01	7.0	Bảy chẵn	
65	20571402090005	Hồ Trọng	Minh	DC20STO01	8.0	Tám chẵn	
66	20571402010059	Nguyễn Hoài	Minh	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
67	20573106300023	Nguyễn Nữ Trà	My	DC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
68	20571402020012	Phan Thị Trà	My	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
69	20571402020022	Nguyễn Thị Trà	My	DC20GTH01	6.0	Sáu chẵn	
70	20571402090002	Nguyễn Võ Tú	My	DC20STO01	9.0	Chín chẵn	
71	20571402020021	Lê Thị Trà	My	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
72	17552140202010	Nguyễn Dương Trà	My	DC17GTH01	5.0	Năm chẵn	
73	20573106300004	So La Ly	Na	DC20VNH01	4.0	Bốn chẵn	
74	20573106300014	Trần Lê Hoàng	Na	DC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
75	20571402010031	Lê Thị Thanh	Nam	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
76	20574802010015	Trương Hoài	Nam	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
77	20571402010032	Pham Thi	Nga	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
78	20571402010033	Rơ Ô H'	Nga	DC20GMN01	0.0	Không	Vắng
79	2057306300015	Ma Huỳnh Hiếu	Ngân	DC20VNH01	4.0	Bốn chẵn	
80	20573106300005	Đào Duy	Nguyên	DC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
81	20572202010003	Nguyễn Phúc	Nguyên	DC20NNA01	5.0	Năm chẵn	
82	2057140209003	Nguyễn Như Tiểu	Nguyệt	DC20STO01	9.0	Chín chẵn	
83	20571402010004	Võ Thị Kim	Nguyệt	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
84	18571402090004	Nguyễn Thị Hồng	Nhạc	DC18STO01	8.0	Tám chẵn	
85	20574802010006	Lê Văn	Nhân	DC20CTT01	5.0	Năm chẵn	
86	20571402010005	Phan Thị Phương	Nhi	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
87	20571402010034	Trương Cẩm	Nhi	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
88	20574802010007	Huỳnh Cao Yến	Như	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
89	20574802010016	Nguyễn Thị Tâm	Như	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
90	20571402010036	Lê Thị Hoài	Như	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
91	20571402010037	Nay H'	Nuôr	DC20GMN01	0.0	Không	Vắng
92	20571402020033	Kpă H'	Nưm	DC20GTH01	0.0	Không	Vắng
93	20571402010035	Lê Thị Hoài	Nhung	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
94	20571402010060	Huỳnh thị tuyết	Nhung	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
95	2057140202005	Huỳnh Trương Minh	Oanh	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
96	20571402010006	Trương Thị	Phấn	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
97	20573106300021	Lê Cao	Pháp	DC20VNH01	5.0	Năm chẵn	
98	20573106300025	Nguyễn Tấn	Phát	DC20VNH01	8.0	Tám chẵn	
99	20571402020004	Lê Thị Ái	Phi	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
100	20574802010028	Nguyễn Thế	Phong	DC20CTT01	5.0	Năm chẵn	
101	20574802010017	Trần Phương	Phú	DC20CTT01	5.0	Năm chẵn	
102	20574802010018	Đỗ Thiên	Phúc	DC20CTT01	5.0	Năm chẵn	
103	20573106300006	Ngô	Phụng	DC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
104	20571402010007	Lê Thị Thanh	Phương	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
105	20573106300016	Nguyễn Thị Bích	Phương	DC20VNH01	0.0	Không	Vắng
106	17552140217008	Vũ Hồng	Phương	DC17SVA01	5.0	Năm chẵn	
107	20571402010061	Huỳnh Ngọc	Phương	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
108	20572202010013	Võ Quốc	Quân	DC20NNA01	5.0	Năm chẵn	
109	155d4802010025	Trần Toàn	Quốc	DC15CTT01	6.0	Sáu chẵn	
110	20571402010067	Võ Hoàng Tú	Quyên	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
111	20571402010038	Ngô Thị Bích	Quyên	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
112	20571402010039	Võ Thị Lệ	Quyên	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
113	20571402020040	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh				Nghỉ
114	20571402020034	Trà Nguyễn Thúy	Quỳnh	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
115	20571402010062	Võ Ngọc	Quỳnh	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
116	20571402020023	Phan Ngọc Trúc	Quỳnh	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
117	20571402010008	Trần Nữ Như	Quỳnh	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
118	20571402010040	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
119	20571402310002	Đậu Thị Diễm	Quỳnh	DC20STA01	9.0	Chín chẵn	
120	20571402010063	Rơ Ô H'	Ring	DC20GMN01	3.0	Ba chẵn	
121	20571402010041	Trương Thị Tuyết	Sương	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
122	20571402010042	Tăng Thị Thanh	Tâm	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
123	20573106300007	Ksor H'	Tết	DC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
124	20571402090006	Nguyễn Thị	Thảo	DC20STO01	6.0	Sáu chẵn	
125	20572202010006	Dương Thị Thu	Thảo	Dc20NNA01	5.0	Năm chẵn	
126	20571402010064	Lê Thị Như	Thảo	DC20GMN01	5.0	Năm chẵn	
127	20571402020006	Nguyễn Thị Bích	Thảo	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
128	20572202010007	Nguyễn Võ Hoài	Thế	DC20NNA01	6.0	Sáu chẵn	
129	20571402010043	Võ Trần Khả	Thiên	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
130	20573106300018	Lê Phước	Thiện	DC20VNH01	7.0	Bảy chẵn	
131	161c1402210006	Nguyễn Quang	Thiệu	CC16SAN01	7.0	Bảy chẵn	
132	20571402020024	Mai Trọng	Thịnh	DC20GTH01	4.0	Bốn chẵn	
133	17552220201081	Nguyễn Thị Anh	Thơ	DC18NNA01	7.0	Bảy chẵn	
134	20573106300022	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC20VNH01	8.0	Tám chẵn	
135	20571402010009	Trần Thị Mỹ	Thoa	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
136	20574802010020	Văn Bá	Thông	DC20CTT01	0.0	Không	Vắng
137	20572202010014	Trần Văn	Thơm	DC20NNA01	6.0	Sáu chẵn	
138	20571402010019	Trương Thị	Thơm	DC20GMN01	5.0	Năm chẵn	
139	20572202010015	Trần Thị Lệ	Thu	DC20NNA01	5.0	Năm chẵn	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
140	20572202010008	Bùi Thị Bích	Thư	DC20NNA01	5.0	Năm chẵn	
141	20571402020026	Lê Thị Kim	Thư	DC20GTH01	8.0	Tám chẵn	
142	20571402010012	Lê Nguyễn Quỳnh	Thư	DC20GMN01	5.0	Năm chẵn	
143	20571402020027	Trần Thị Diễm	Thương	DC20GTH01	6.0	Sáu chẵn	
144	165D1402020039	Trần Thị	Thường	DC17GTH01	5.0	Năm chẵn	
145	20571402010010	Hồ Thị Kim	Thuý	DC20GMN01	5.0	Năm chẵn	
146	20571402020025	Kpă Hờ Thuý	Thuý	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
147	20571402010011	Phạm Thu	Thúy	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
148	20571402010044	Trần Thị	Thủy	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
149	20571402020028	Trần Mỹ	Tiên	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
150	20573106300017	Đỗ Huỳnh Thảo	Tiên	DC20VNH01	5.0	Năm chẵn	
151	20574802010021	Bùi	Tiến	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
152	20571402020029	Đoàn Tấn	Tiến	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
153	20574802010027	Phạm Văn	Tiến	DC20CTT01	7.0	Bảy chẵn	
154	20571402020038	Lê Bảo	Tín	DC20GTH01	5.0	Năm chẵn	
155	165D1402090025	Nguyễn Trung	Tín	DC16STO01	0.0	Không	Vắng
156	20571402010065	Bùi Thị Kim	Toả	DC20GDMN	7.0	Bảy chẵn	
157	20571402010050	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
158	20571402010049	Nguyễn Minh	Trâm	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
159	20571402020007	Võ Hoàng Bích	Trâm	DC20GTH01	8.0	Tám chẵn	
160	20571402010048	Dương Thị Ngọc	Trâm	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
161	20571402020030	Hà Huyền	Trân	DC20GTH01	8.0	Tám chẵn	
162	20571402010045	Phan Thị Kiều	Trang	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
163	20574802010022	Đỗ Thị Đài	Trang	DC20CTT01	4.0	Bốn chẵn	
164	18571402010029	Phạm Thanh Huyền	Trang	DC18GMN01	6.0	Sáu chẵn	
165	20571402010047	Trần Thị Huyền	Trang	DC20GMN01	0.0	Không	Vắng
166	20571402010046	Thái Thuỳ	Trang	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
167	20574802010009	Nguyễn Ngọc	Tri	DC20CTT01	6.0	Sáu chẵn	
168	20571402010068	Bùi Thục	Trinh	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	
169	20573106300008	Phan Quỳnh Phương	Trinh	CC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
170	155D4401120024	Huỳnh Lê	Trọng	DC15HOA01	8.0	Tám chẵn	
171	20571402010013	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	DC20GMN01	5.0	Năm chẵn	
172	20574802010010	Nguyễn Ngọc	Trường	DC20CTT01	0.0	Không	Vắng
173	20572202010009	Nguyễn Văn	Tú	DC20NNA01	5.0	Năm chẵn	
174	20571402020035	Nguyễn Thị Thanh	Tú	DC20GTH01	7.0	Bảy chẵn	
175	2057140210014	Nguyễn Thị Kim	Tú	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
176	20571402090004	Lê Đăng	Tú	DC20STO01	9.0	Chín chẵn	
177	20571402090010	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	DC20STO01	7.0	Bảy chẵn	
178	20571402020031	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	DC20GTH01	8.0	Tám chẵn	
179	20571402020037	Trương Ngân	Tuyền	DC20GTH01	8.0	Tám chẵn	
180	20573106300009	Lê Thị Ánh	Tuyết	DC20VNH01	0.0	Không	Vắng
181	20571402010051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
182	20571402310003	Đào Cẩm	Vân	DC20STA01	6.0	Sáu chẵn	
183	20571402020034	Nguyễn Thị Phương	Vân	DC20GTH01	4.0	Bốn chẵn	
184	20571402310006	Trần Thị Thu	Vẹn	DC20STA01	5.0	Năm chẵn	
185	18151140201052	Nguyễn Thị Tường	Vi	CC18GMN01	3.0	Ba chẵn	
186	20571402010015	Đoàn Thị Bích	Vi	DC20GMN01	7.0	Bảy chẵn	
187	20573106300020	Phan Tuấn	Vũ	DC20VNH01	6.0	Sáu chẵn	
188	20571402010066	Nguyễn Thị Trúc	Vy	DC20GMN01	6.0	Sáu chẵn	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
189	20572202010010	Lê Thị Thanh	Vy	DC20NNA01	**8.0**	Tám chẵn	
190	20571402020008	Nguyễn Trần Thiên	Ý	DC20GTH01	**5.0**	Năm chẵn	
191	20574802010024	Trương Lê Tấn	Ý	DC20CTT01	**0.0**	Không	Vắng
192	20571402010016	Bùi Thị Bảo	Yến	DC20GMN01	**6.0**	Sáu chẵn	

Phú Yên, Ngày 17 tháng 02 năm 2022

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
P.TRƯỞNG PHÒNG

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Quản lý nhà trường — **Số tín chỉ: 2**
Ngày thi: 20/01/2022 — Ca thi: 1 - trực tuyến

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	18571402310004	Huỳnh Ngọc Hiền	Anh	DC18STA01	8,0	tám điểm	
2	18571402020060	Nguyễn Thị Mỹ	Anh	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
3	18571402020057	Trần Thị Lan	Anh	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
4	18571402020027	Lê Trịnh Hồng	Ánh	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
5	18571402310001	Phạm Trọng	Bình	DC18STA01	8,5	tám điểm rưỡi	
6	18571402020001	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
7	18571402020029	Nguyễn Thị Bảo	Châu	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
8	18571402020002	Nguyễn Ái	Chi	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
9	18571402310007	Ngụy Thị	Cương	DC18STA01	9,5	chín điểm rưỡi	
10	18571402020036	Đặng Thanh	Dung	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
11	18571402310013	Huỳnh Trương Thị Mỹ	Duyên	DC18STA01	9,0	chín điểm	
12	18571402310008	Nguyễn Đàm Tâm	Đan	DC18STA01	8,0	tám điểm	
13	18571402020043	Nguyễn Thành	Đạt	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
14	18571402020004	Phạm Thị Phương	Hà	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
15	18571402020005	Đinh Thị	Hạnh	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
16	18571402020024	Hồ Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	9,0	chín điểm	
17	18571402020052	Trần Thị Thúy	Hằng	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
18	18571402020006	Đoàn Thị Hoàng	Hậu	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
19	18571402020022	Lê Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	9,0	chín điểm	
20	18571402020028	Trần Thị Thu	Hiền	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
21	18571402020061	Phạm Phong	Hoài	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
22	18571402020059	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
23	18571402020063	Trần Thị Thu	Huyền	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
24	18571402020045	Chế Thị Anh	Kiều	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
25	18571402020044	Ngô Thị Ái	Linh	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
26	18571402020040	Nguyễn Phương	Linh	DC18GTH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
27	18571402310006	Nguyễn Thị Nhật	Miên	DC18STA01	8,5	tám điểm rưỡi	
28	18571402310003	Phạm Quang	Minh	DC18STA01	8,0	tám điểm	
29	18571402020039	Trần Thị Mỹ	Nga	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
30	18571402020047	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	DC18GTH01	9,0	chín điểm	
31	18571402020030	Phạm Lâm	Ngân	DC18GTH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
32	18571402020051	Tôn Nữ Bảo	Ngọc	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
33	18571402020050	Nguyễn Trần Kiều	Oanh	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
34	18571402020033	Ngô Hiền Diễm	Phúc	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
35	18571402020026	Võ Thị Mỹ	Phương	DC18GTH01	9,0	chín điểm	
36	18571402020021	Nguyễn Tùng	Quy	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
37	18571402020010	Huỳnh Nhất	Quý	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
38	18571402310005	Dương Thị Diễm	Quyên	DC18STA01	8,0	tám điểm	
39	18571402020011	Dương Thị Tố	Quyên	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
40	18571402020048	Trần Thị Linh	Quyên	DC18GTH01	9,0	chín điểm	
41	18571402020016	Dương Thị Thanh	Thanh	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
42	18571402020042	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GTH01	9,0	chín điểm	
43	18571402020015	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
44	18571402310009	Phạm Thị Vân	Thi	DC18STA01	8,0	tám điểm	
45	18571402020058	Trần Thị Kim	Thi	DC18GTH01	0,0	không điểm	Vắng
46	18571402020031	Võ Thị Minh	Thoa	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
47	18571402020023	Pi Năng Thị	Thủy	DC18GTH01	7,5	bảy điểm rưỡi	
48	18571402020034	Hà Huyền	Trâm	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
49	18571402020049	Nguyễn Thị Nhũ	Trâm	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
50	18571402020062	Phan Tú	Trinh	DC18GTH01	7,0	bảy điểm	
51	18571402020018	Phạm Lê Thanh	Trúc	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
52	18571402020019	Nguyễn Như	Tú	DC18GTH01	9,5	chín điểm rưỡi	
53	18571402020035	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DC18GTH01	8,5	tám điểm rưỡi	
54	18571402020054	Đào Thị Ngọc	Tuyền	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
55	18571402020038	Trương Thúy	Vy	DC18GTH01	8,0	tám điểm	
56	18571402020020	Nguyễn Thị	Xuân	DC18GTH01	8,0	tám điểm	

Phú Yên, ngày 18 tháng 02 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: TIẾNG ANH 1 (B1.1) **Số tín chỉ: 3**

Ngày thi: 9/3/2022 Ca thi: 7h30 (90' + 30')

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	211CTT027	Lương Trọng	An	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
2	211GTH044	Lê Trâm	Anh	DC21GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
3	211GMN022	Thiều Thị Kim	Anh	DC21GMN01	1.9	*Một điểm chín*	
4	19574802010001	Trần Phạm Minh	Anh	DC19CTT01	2.2	*Hai điểm hai*	
5	18571402020027	Lê Trịnh Hồng	ánh	DC18GTH01	3.1	*Ba điểm một*	
6	211GTH045	Phạm Nguyễn Cơ	Bách	DC21GTH01	2.1	*Hai điểm*	
7	211GTH046	Nguyễn Duy	Bảo	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
8	211STO026	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	DC21STO01	6.2	*Sáu điểm hai*	
9	19574802010002	Trần Quốc	Bảo	DC19CTT01	3.2	*Ba điểm hai*	
10	211CTT002	Ngô Hữu	Bằng	DC21CTT01	2.7	*Hai điểm bảy*	
11	211GTH047	Đàm Thị	Bé	DC21GTH02	3.1	*Ba điểm một*	
12	211GMN023	Lê Trần Yên	Bình	DC21GMN01	2.1	*Hai điểm một*	
13	211GMN061	Ksor H'	Buynh	DC21GMN01	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
14	211GTH112	Đào Minh	Chấn	DC21GTH01	2.2	*Hai điểm hai*	
15	211GMN024	Huỳnh Hiền	Châu	DC21GMN01	2.4	*Hai điểm tư*	
16	18571402020029	Nguyễn Thị Bảo	Châu	DC18GTH01	4.2	*Bốn điểm hai*	
17	211GTH113	Võ Khánh	Chi	DC21GTH03	2.4	*Hai điểm tư*	
18	211STO006	Hà Minh	Chí	DC21STO01	3.7	*Ba điểm bảy*	
19	211CTT003	Phan Đình	Chiến	DC21CTT01	6.7	*Sáu điểm bảy*	
20	211CTT024	Võ Đình	Chiến	DC21CTT01	3.0	*Ba điểm*	
21	211GTH114	Ksơr Hờ	Dân	DC21GTH03	5.1	*Năm điểm một*	
22	211GTH002	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	DC21GTH01	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
23	211GTH048	Kpá H	Doan	DC21GTH02	2.1	*Hai điểm một*	
24	211GMN025	Ngô Thị Thùy	Dung	DC21GMN02	2.1	*Hai điểm một*	
25	211GTH115	Nguyễn Thị Kim	Dung	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
26	211GTH049	Nguyễn Thùy	Dung	DC21GTH01	3.7	*Ba điểm bảy*	
27	211GMN071	Văn Thị	Dung	DC21GMN01	7.4	*Bảy điểm tư*	
28	155D4802010035	Nguyễn Lê	Duy	DC15CTT01	2.7	*Hai điểm bảy*	
29	211GTH029	Đỗ Trần Tú	Duyên	DC21GTH02	1.8	*Một điểm tám*	
30	211GMN017	Hà Thị Mỹ	Duyên	DC21GMN02	2.8	*Hai điểm tám*	
31	211GTH053	Lê Thị Mỹ	Duyên	DC21GTH01	2.3	*Hai điểm ba*	
32	211GTH054	Nguyễn Khả	Duyên	DC21GTH02	4.9	*Bốn điểm chín*	
33	211STO024	Nguyễn Thị Mai	Duyên	DC21STO01	3.7	*Ba điểm bảy*	
34	211GMN026	Sô Thị Mỹ	Duyên	DC21GMN02	2.2	*Hai điểm hai*	
35	211GTH028	Trần Ngọc Khánh	Duyên	DC21GTH02	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
36	211GTH004	Vương Thị Linh	Duyên	DC21GTH02	6.6	*Sáu điểm sáu*	
37	211GTH050	Dương Văn	Dương	DC21GTH01	3.1	*Ba điểm một*	
38	211GTH106	Lê Thị Thùy	Dương	DC21GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
39	211GTH051	Phan Nguyễn Thùy	Dương	DC21GTH01	4.4	*Bốn điểm tư*	
40	211GTH052	Trần Thùy	Dương	DC21GTH02	5.4	*Năm điểm ba*	
41	211GTH055	Bùi Thị Anh	Đào	DC21GTH01	3.7	*Ba điểm bảy*	
42	211GTH001	Huỳnh Thị Anh	Đào	DC21GTH01	5.3	*Năm điểm ba*	

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
43	211CTT025	Ngô Thành	Đạt	DC21CTT01	2.7	*Hai điểm bảy*	
44	211GTH003	Trần Thị Ngọc	Điền	DC21GTH01	4.3	*Bốn điểm ba*	
45	211GMN028	Siu H'	Đinh	DC21GMN02	2.4	*Hai điểm tư*	
46	211CTT017	Mông Minh	Đức	DC21CTT01	4.1	*Bốn điểm một*	
47	211GTH116	Nguyễn Hồ Hoài	Giang	DC21GTH03	3.4	*Ba điểm tư*	
48	211GMN029	Trần Thị Thùy	Giang	DC21GMN02	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
49	18571402020004	Phạm Thị Phương	Hà	DC18GTH01	4.1	*Bốn điểm một*	
50	211GMN062	Rơ Châm	Hà	DC21GMN01	4.1	*Bốn điểm một*	
51	211GTH098	Thái Ngọc	Hà	DC21GTH01	3.4	*Ba điểm tư*	
52	211GMN001	Võ Thị Thu	Hà	DC21GMN01	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
53	211GMN063	Đinh Thị	Hạnh	DC21GMN01	3.0	*Ba điểm*	
54	211GMN002	Trần Thị Mỹ	Hạnh	DC21GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
55	211VNH010	Võ Thị Bích	Hạnh	DC21VNH01	3.8	*Ba điểm tám*	
56	211GTH158	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC21GTH03	4.2	*Bốn điểm hai*	
57	211GMN030	Nay H'	Hằng	DC21GMN01	3.1	*Ba điểm một*	
58	211GTH104	Man Đức	Hậu	DC21GTH03	3.9	*Ba điểm chín*	
59	211GTH030	Trương Thị	Hậu	DC21GTH01	3.4	*Ba điểm tư*	
60	211STO023	Trương Văn	Hậu	DC21STO01	3.6	*Ba điểm sáu*	
61	211GTH118	Phạm Hà Thúy	Hiền	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
62	211GMN031	Phan Thị	Hiền	DC21GMN01	2.0	*Hai điểm*	
63	211GTH056	Quảng Thu	Hiền	DC21GTH01	2.0	*Hai điểm*	
64	211GMN064	Sô Thị Thanh	Hiền	DC21GMN01	1.2	*Một điểm hai*	
65	211GTH057	Vũ Nguyễn Dịu	Hiền	DC21GTH01	2.8	*Hai điểm tám*	
66	211GMN065	Rơ Ô H'	Hiêng	DC21GMN01	2.2	*Hai điểm hai*	
67	211GTH005	Huỳnh Lê Như	Hiếu	DC21GTH02	2.6	*Hai điểm sáu*	
68	211GTH119	Ksor	Hiếu	DC21GTH03	1.9	*Một điểm chín*	
69	211CTT004	Võ Minh	Hiếu	DC21CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
70	211GMN073	Nguyễn Thị	Hoa	DC21GMN01	3.1	*Ba điểm một*	
71	211GTH120	Vũ Mai	Hoa	DC21GTH03	2.3	*Hai điểm ba*	
72	211GMN058	Trần Thanh Khánh	Hội	DC21GMN02	3.9	*Ba điểm chín*	
73	211GTH121	Rơ Châm	Hông	DC21GTH03	3.3	*Ba điểm ba*	
74	211GMN003	Dương Thị	Hồng	DC21GMN01	2.4	*Hai điểm tư*	
75	211GTH058	Trương Tiểu	Hồng	DC21GTH02	2.7	*Hai điểm bảy*	
76	211GTH059	Vũ Thị Tuyết	Hồng	DC21GTH02	3.4	*Ba điểm tư*	
77	211GMN018	Đinh Thị Hồng	Huệ	DC21GMN02	2.2	*Hai điểm hai*	
78	211GMN032	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	DC21GMN01	2.4	*Hai điểm tư*	
79	211VNH011	Nguyễn Phi	Hùng	DC21VNH01	2.8	*Hai điểm tám*	
80	211CTT016	Lê Công	Huy	DC21CTT01	2.8	*Hai điểm tám*	
81	211GTH060	Lưu Ngọc	Huy	DC21GTH02	2.2	*Hai điểm hai*	
82	211GTH031	Nguyễn Quang	Huy	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
83	18571402020059	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
84	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	2.1	*Hai điểm một*	
85	211STO016	Đặng Hoàn	Hương	DC21STO01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
86	211GTH006	Đặng Thị Hồng	Hưởng	DC21GTH02	1.6	*Một điểm sáu*	
87	211CTT019	Huỳnh Ngọc	Kha	DC21CTT01	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
88	211STO015	Nguyễn Đôn	Khải	DC21STO01	3.9	*Ba điểm chín*	
89	211GTH062	Ngô Văn	Khánh	DC21GTH03	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
90	211GTH007	Nguyễn Lê Minh	Khánh	DC21GTH01	2.7	*Hai điểm bảy*	
91	211GTH061	Lê Long	Khẩn	DC21GTH01	3.8	*Ba điểm tám*	

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
92	211GTH155	Diệp Bảo	Khương	DC21GTH03	4.1	*Bốn điểm một*	
93	211GTH063	Võ Thúy	Kiều	DC21GTH02	2.8	*Hai điểm tám*	
94	211GTH008	Dương Thị Mỹ	Kim	DC21GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
95	211GMN075	Nay H'	Kranh	DC21GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
96	211GTH009	Ngô Thị Ngọc	Lam	DC21GTH01	2.8	*Hai điểm tám*	
97	211GMN004	Trần Thị Trúc	Lam	DC21GMN01	4.2	*Bốn điểm hai*	
98	211GTH064	Đặng Kim	Lan	DC21GTH02	3.2	*Ba điểm hai*	
99	211GTH065	Rcom H'	Lanh	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
100	211GTH066	Đặng Thị Mỹ	Lệ	DC21GTH02	2.7	*Hai điểm bảy*	
101	211GMN081	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	DC21GMN02	2.6	*Hai điểm sáu*	
102	211GMN005	Nguyễn Thị Kim	Liên	DC21GMN01	2.4	*Hai điểm tư*	
103	211GTH122	Kpă H'	Linh	DC21GTH01	2.3	*Hai điểm ba*	
104	211STO027	Kpă H'	Linh	DC21STO01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
105	211GTH010	Nguyễn Lê Nhật	Linh	DC21GTH01	3.3	*Ba điểm ba*	
106	211GMN033	Nguyễn Mỹ	Linh	DC21GMN01	2.0	*Hai điểm*	
107	211GMN066	Nguyễn Thị Diễm	Linh	DC21GMN02	3.0	*Ba điểm*	
108	211GTH067	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DC21GTH01	3.6	*Ba điểm sáu*	
109	19574802010005	Trần Duy	Linh	DC19CTT01	3.1	*Ba điểm một*	
110	211GMN006	Dương Thị Thu	Loan	DC21GMN02	2.7	*Hai điểm bảy*	
111	211CTT029	Hồ Duy	Luân	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
112	19574802010023	Huỳnh Kim	Luân	DC19CTT01	3.3	*Ba điểm ba*	
113	211GTH123	Cao Thị Khánh	Ly	DC21GTH03	2.1	*Hai điểm một*	
114	211GTH011	Đinh Thị Hàn	Ly	DC21GTH02	3.6	*Ba điểm sáu*	
115	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
116	211STO002	Trần Lê Ngọc	Mai	DC21STO01	2.8	*Hai điểm tám*	
117	211GTH150	Nguyễn Thị Thảo	Mi	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
118	211STO008	Lê Thị Tuyết	Minh	DC21STO01	4.3	*Bốn điểm ba*	
119	211GMN007	Dương Hạ Trà	My	DC21GMN02	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
120	211GTH012	Đặng Thị Trà	My	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
121	211GTH069	Ngô Trà	My	DC21GTH03	3.2	*Ba điểm hai*	
122	211GTH109	Nguyễn Thị	My	DC21GTH03	4.0	*Bốn điểm*	
123	211VNH003	Trần Ngọc Huỳnh	My	DC21VNH01	2.1	*Hai điểm một*	
124	211GTH070	Võ Thị Quỳnh	My	DC21GTH02	2.3	*Hai điểm ba*	
125	211GTH013	Đặng Trần Ly	Na	DC21GTH01	3.6	*Ba điểm sáu*	
126	211GTH042	Đoàn Lê	Na	DC21GTH03	2.7	*Hai điểm bảy*	
127	211GTH125	Ksor H'	Nga	DC21GTH01	1.8	*Một điểm tám*	
128	211GTH071	Lê Thị Thu	Nga	DC21GTH02	2.3	*Hai điểm ba*	
129	211GTH032	Huỳnh Thiên	Ngân	DC21GTH01	2.8	*Hai điểm tám*	
130	211GTH126	Nguyễn Phan Kim	Ngân	DC21GTH03	3.0	*Ba điểm*	
131	211GTH072	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DC21GTH02	2.9	*Hai điểm chín*	
132	211GTH127	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
133	18571402020030	Phạm Lâm	Ngân	DC18GTH01	3.8	*Ba điểm tám*	
134	18574802010028	Văn Nguyễn Hữu	Nghĩa	DC19CTT01	3.6	*Ba điểm sáu*	
135	211STO021	Lê Thị Bích	Ngọc	DC21STO01	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
136	211GMN034	Mông Thị Hoài	Ngọc	DC21GMN01	2.9	*Hai điểm chín*	
137	211STO004	Cao Hoàng	Nguyên	DC21STO01	5.8	*Năm điểm tám*	
138	211GTH073	Đỗ Thị	Nguyên	DC21GTH03	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
139	211GTH074	Nguyễn Minh	Nguyên	DC21GTH03	3.1	*Ba điểm một*	
140	211GTH075	Lê Bùi Thu	Nguyệt	DC21GTH03	3.5	*Ba điểm rưỡi*	

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
141	211VNH012	Trần Thị	Nhã	DC21VNH01	2.9	*Hai điểm chín*	
142	211GTH033	Trương Bảo	Nhất	DC21GTH01	1.9	*Một điểm chín*	
143	211VNH004	Bùi Thị Linh	Nhi	DC21VNH01	2.8	*Hai điểm tám*	
144	211GMN076	Đoàn Nguyễn Hìu	Nhi	DC21GMN01	4.1	*Bốn điểm một*	
145	211GMN057	Huỳnh Thị Hoài	Nhi	DC21GMN02	2.7	*Hai điểm bảy*	
146	211GTH076	Ksor H'	Nhi	DC21GTH02	2.3	*Hai điểm ba*	
147	211GTH077	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	DC21GTH02	3.0	*Ba điểm*	
148	211GMN008	Nguyễn Quí	Nhi	DC21GMN02	3.1	*Ba điểm một*	
149	211GTH034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DC21GTH02	3.9	*Ba điểm chín*	
150	211GTH129	Nay Hờ	Nhiễm	DC21GTH01	2.0	*Hai điểm*	
151	211GMN080	Nay H'	Nhoar	DC21GMN02	2.8	*Hai điểm tám*	
152	211GTH130	Hiao H'	Nhơn	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
153	211GMN035	Nay H'	Nhớp	DC21GMN02	1.6	*Một điểm sáu*	
154	211GTH110	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	DC21GTH03	3.0	*Ba điểm*	
155	211GMN036	Sô Thị Mỹ	Nhung	DC21GMN02	2.2	*Hai điểm hai*	
156	211GTH131	Hán Thị Quỳnh	Như	DC21GTH03	2.6	*Hai điểm sáu*	
157	211GTH132	Ksor H	Như	DC21GTH01	2.2	*Hai điểm hai*	
158	211GMN009	Lê Thị Quỳnh	Như	DC21GMN02	2.4	*Hai điểm tư*	
159	211STO001	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Như	DC21STO01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
160	211GTH078	Phạm Thị ái	Như	DC21GTH02	3.1	*Ba điểm một*	
161	211GTH103	Trần Thị Quỳnh	Như	DC21GTH01	4.7	*Bốn điểm bảy*	
162	211STO017	Nay H'	Ni	DC21STO01	2.6	*Hai điểm sáu*	
163	211GTH079	Ngô Thị Mỹ	Oanh	DC21GTH01	1.9	*Một điểm chín*	
164	211CTT006	Nguyễn Thị Kim	Oanh	DC21CTT01	1.5	*Một điểm rưỡi*	
165	211VNH005	Nguyễn Thị Phương	Oanh	DC21VNH01	3.4	*Ba điểm tư*	
166	211GMN067	Ksor Hờ	Pen	DC21GMN02	1.5	*Một điểm rưỡi*	
167	211GTH015	Trương Thị Hồng	Phấn	DC21GTH01	2.7	*Hai điểm bảy*	
168	211GMN059	Võ Thị Hương	Phấn	DC21GMN02	2.8	*Hai điểm tám*	
169	211GMN037	Nguyễn Thị Thúy	Phiến	DC21GMN02	3.4	*Ba điểm tư*	
170	211VNH006	Nguyễn Hoàng	Phố	DC21VNH01	2.3	*Hai điểm ba*	
171	211CTT020	Lê Văn	Phúc	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
172	211GMN038	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	DC21GMN02	1.9	*Một điểm chín*	
173	211GMN077	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc	DC21GMN01	2.8	*Hai điểm tám*	
174	211GTH016	Kpă Hờ	Phụng	DC21GTH02	2.1	*Hai điểm một*	
175	211CTT014	Lê Hoàng	Phụng	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
176	211GTH080	Nguyễn Kim	Phụng	DC21GTH03	2.2	*Hai điểm hai*	
177	211GTH017	Đặng Thị Thu	Phương	DC21GTH02	2.6	*Hai điểm sáu*	
178	211CTT007	Lê Công	Phương	DC21CTT01	2.0	*Hai điểm*	
179	211GTH133	Lương Thị	Phương	DC21GTH01	2.0	*Hai điểm*	
180	18571402010024	Trịnh Thị Mỹ	Phương	DC18GMN01	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
181	165D4802010010	Nguyễn Dương Minh	Quang	DC16CTT01	3.2	*Ba điểm hai*	
182	211STO009	Nguyễn Trần Ngọc	Quý	DC21STO01	2.8	*Hai điểm tám*	
183	211GTH134	Kpă H'	Quyên	DC21GTH03	4.0	*Bốn điểm*	
184	211GTH156	Nguyễn Thị Bích	Quyên	DC21GTH03	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
185	211GMN010	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	DC21GMN02	2.8	*Hai điểm tám*	
186	211GTH152	Tăng Đào ánh	Quyên	DC21GTH03	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
187	211GTH035	Thầm Thị Thúy	Quyên	DC21GTH02	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
188	18571402020048	Trần Thị Linh	Quyên	DC18GTH01	2.6	*Hai điểm rưỡi*	
189	211CTT015	Võ Hùng	Quyết	DC21CTT01	3.9	*Ba điểm chín*	

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
190	211GMN040	Đặng Nguyễn Như	Quỳnh	DC21GMN02	4.1	*Bốn điểm một*	
191	211GMN041	Hồ Dương	Quỳnh	DC21GMN01	2.3	*Hai điểm ba*	
192	211GMN011	Lê Thị Diễm	Quỳnh	DC21GMN01	2.1	*Hai điểm một*	
193	211GTH018	Lê Thị Như	Quỳnh	DC21GTH02	4.1	*Bốn điểm một*	
194	211CTT021	Nay Tư	Quỳnh	DC21CTT01	2.0	*Hai điểm*	
195	211GTH108	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DC21GTH03	2.6	*Hai điểm sáu*	
196	211GTH081	Phạm Thị Lam	Quỳnh	DC21GTH01	3.7	*Ba điểm bảy*	
197	211GMN042	Huỳnh Nguyễn Yến	Sang	DC21GMN01	3.2	*Ba điểm hai*	
198	19574802010030	Thongmaha	Soutthida	DC19CTT01	5.1	*Năm điểm một*	
199	211GTH082	Dương Trung	Sơn	DC21GTH02	2.1	*Hai điểm một*	
200	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	4.4	*Bốn điểm tư*	
201	211GMN044	Bùi Như	Tâm	DC21GMN01	3.0	*Ba điểm*	
202	211GTH019	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	DC21GTH01	3.9	*Ba điểm chín*	
203	211GTH083	Kpă H'	Tâm	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
204	211GTH020	Nguyễn Lê Thanh	Tâm	DC21GTH01	4.9	*Bốn điểm chín*	
205	211GTH021	Nguyễn Thị Bích	Tâm	DC21GTH01	2.6	*Hai điểm sáu*	
206	211GMN045	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	DC21GMN01	4.4	*Bốn điểm tư*	
207	211GTH084	Tống Thị Thanh	Tâm	DC21GTH02	2.2	*Hai điểm hai*	
208	211GMN069	Trần Thị Thanh	Tâm	DC21GMN02	4.3	*Bốn điểm ba*	
209	211CTT008	Ngô Lê Minh	Thạch	DC21CTT01	2.2	*Hai điểm hai*	
210	211GTH085	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	DC21GTH01	3.7	*Ba điểm bảy*	
211	211STO025	Nguyễn Viết Trung	Thành	DC21STO01	1.5	*Một điểm rưỡi*	
212	211GMN012	Nguyễn Anh	Thảo	DC21GMN01	4.4	*Bốn điểm tư*	
213	211GTH105	Nguyễn Hoàng Thu	Thảo	DC21GTH01	2.3	*Hai điểm ba*	
214	211GMN060	Nguyễn Ngọc	Thảo	DC21GMN02	3.8	*Ba điểm tám*	
215	211GTH135	Nguyễn Ngọc Hiếu	Thảo	DC21GTH03	3.0	*Ba điểm*	
216	18571402020042	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC18GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
217	211GTH136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC21GTH03	3.0	*Ba điểm*	
218	211CTT022	Dương	Thay	DC21CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
219	211GTH036	Đỗ Trần Như	Thắm	DC21GTH02	2.6	*Hai điểm sáu*	
220	18571402020015	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC18GTH01	3.4	*Ba điểm tư*	
221	211GMN046	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC21GMN02	2.2	*Hai điểm hai*	
222	211GTH153	Phạm Thị Xuân	Thắm	DC21GTH03	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
223	211GMN019	Đào Phương	Thi	DC21GMN02	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
224	211GMN013	Nguyễn Thị Cẩm	Thi	DC21GMN01	2.6	*Hai điểm sáu*	
225	211GTH022	Nguyễn Thị Thanh	Thi	DC21GTH02	5.0	*Năm điểm*	
226	211GMN014	Võ Thị Minh	Thông	DC21GMN01	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
227	211GMN078	Nguyễn Thị ánh	Thu	DC21GMN01	2.3	*Hai điểm ba*	
228	211GTH087	Huỳnh Chí	Thuận	DC21GTH02	2.4	*Hai điểm tư*	
229	211GTH043	Đặng Diệu	Thúy	DC21GTH03	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
230	211GTH037	Lê Phạm Anh	Thư	DC21GTH01	3.1	*Ba điểm một*	
231	211GMN020	Nguyễn Thị	Thư	DC21GMN01	2.7	*Hai điểm bảy*	
232	211GMN047	Nguyễn Thị Anh	Thư	DC21GMN02	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
233	211GTH086	Phạm Khánh	Thư	DC21GTH03	4.4	*Bốn điểm tư*	
234	211GTH138	Trần Anh	Thư	DC21GTH03	2.8	*Hai điểm tám*	
235	211GTH088	Châu Thạch Quỳnh	Thương	DC21GTH02	3.0	*Ba điểm*	
236	211GMN048	Nguyễn ái	Thương	DC21GMN02	2.8	*Hai điểm tám*	
237	211GTH023	Trần Thị Kim	Thương	DC21GTH02	4.1	*Bốn điểm một*	
238	211GTH024	Hoàng Thị Thủy	Tiên	DC21GTH02	3.4	*Ba điểm tư*	

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
239	211GTH025	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	DC21GTH01	3.6	*Ba điểm sáu*	
240	211GTH089	Phan Huỳnh Thủy	Tiên	DC21GTH02	2.4	*Hai điểm tư*	
241	211CTT013	Phạm Đức	Tiến	DC21CTT01	3.7	*Ba điểm bảy*	
242	211CTT023	Võ Hữu	Tiến	DC21CTT01	1.1	*Một điểm một*	
243	211GMN049	Niê Hờ	Tin	DC21GMN02	1.5	*Một điểm rưỡi*	
244	211STO018	Đào Thị	Tình	DC21STO01	3.0	*Ba điểm*	
245	211GMN082	Lê Thị Kim	Tính	DC21GMN02	3.1	*Ba điểm một*	
246	211GTH140	Ksor H'	Tiu	DC21GTH03	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
247	211GMN015	Đào Nguyễn Hương	Trà	DC21GMN02	3.2	*Ba điểm hai*	
248	211GTH099	Trần Thị Hương	Trà	DC21GTH01	4.0	*Bốn điểm*	
249	211GTH091	Lữ Thị Thùy	Trang	DC21GTH01	2.8	*Hai điểm tám*	
250	211GTH100	Nguyễn Phan Thùy	Trang	DC21GTH02	6.0	*Sáu điểm*	
251	211STO013	Nguyễn Thị Đoan	Trang	DC21STO01	3.2	*Ba điểm hai*	
252	211GTH142	Nguyễn Thị Huyền	Trang	DC21GTH03	3.8	*Ba điểm tám*	
253	211GTH143	Nguyễn Thu	Trang	DC21GTH03	3.3	*Ba điểm ba*	
254	211GTH092	Trần Bảo	Trang	DC21GTH01	2.9	*Hai điểm chín*	
255	18571402020034	Hà Huyền	Trâm	DC18GTH01	2.9	*Hai điểm chín*	
256	211VNH014	Lương Thị Ngọc	Trâm	DC21VNH01	4.4	*Bốn điểm tư*	
257	211GMN050	Mai Thị Bích	Trâm	DC21GMN02	2.3	*Hai điểm ba*	
258	211GTH101	Nguyễn Ngọc Hương	Trâm	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
259	211GTH090	Huỳnh Ngô Bảo	Trân	DC21GTH01	4.3	*Bốn điểm ba*	
260	211CTT009	Trần Thị Huyền	Trân	DC21CTT01	3.1	*Ba điểm*	
261	211GTH144	Võ Thường	Trí	DC21GTH03	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
262	211CTT001	Tạ Ngọc Hoàng	Triều	DC21CTT01	3.3	*Ba điểm ba*	
263	211GTH145	Ksor H'	Trim	DC21GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
264	211GMN074	H'ving H'	Trinh	DC21GMN02	3.7	*Ba điểm bảy*	
265	211GTH102	Mai Thị Tú	Trinh	DC21GTH03	2.3	*Hai điểm ba*	
266	211GTH038	Ngô Hòa	Trinh	DC21GTH01	2.9	*Hai điểm chín*	
267	211VNH015	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC21VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
268	211GTH146	Hồ Thị Thanh	Trúc	DC21GTH03	2.7	*Hai điểm bảy*	
269	211GMN021	Huỳnh Thị ánh	Trúc	DC21GMN01	2.0	*Hai điểm*	
270	211GTH026	Nguyễn Thị Kim	Trúc	DC21GTH02	2.2	*Hai điểm hai*	
271	211GMN051	Rahlan H'	Trúc	DC21GMN01	2.8	*Hai điểm tám*	
272	211STO019	Nguyễn Tấn	Truyền	DC21STO01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
273	18571402020035	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	DC18GTH01	4.3	*Bốn điểm ba*	
274	19574802010015	Lê Nguyễn Mạnh	Tuấn	DC19CTT01	3.0	*Ba điểm*	
275	211STO020	Nguyễn Minh	Tuấn	DC21STO01	2.0	*Hai điểm*	
276	211GTH027	Nguyễn Đình Mẫn	Tuệ	DC21GTH01	4.2	*Bốn điểm hai*	
277	211GTH094	Huỳnh Thanh	Tùng	DC21GTH03	3.4	*Ba điểm tư*	
278	18571402020054	Đào Thị Ngọc	Tuyền	DC18GTH01	2.2	*Hai điểm hai*	
279	211GMN052	Đặng Trương Kim	Tuyền	DC21GMN01	3.6	*Ba điểm sáu*	
280	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
281	211VNH016	Lê Thị Bích	Tuyền	DC21VNH01	2.5	*Hai điểm rưỡi*	
282	211GMN070	Lê Kim	Tuyến	DC21GMN02	2.8	*Hai điểm tám*	
283	211GMN016	Cao Nguyễn Thanh	Tuyết	DC21GMN02	2.4	*Hai điểm tư*	
284	211GTH095	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	DC21GTH02	2.6	*Hai điểm sáu*	
285	211GTH093	Lê Quỳnh	Tư	DC21GTH02	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
286	211GMN079	Ksor H	Uil	DC21GMN02	1.8	*Một điểm tám*	
287	211GMN053	Ksor H'	Ut	DC21GMN01	2.4	*Hai điểm tư*	

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
288	211GMN054	Nay H'	Uyên	DC21GMN01	**2.5**	*Hai điểm rưỡi*	
289	211GTH096	Nay Hờ	Uyên	DC21GTH02	**2.3**	*Hai điểm ba*	
290	211CTT011	Võ Lê Anh	Văn	DC21CTT01	**2.5**	*Hai điểm rưỡi*	
291	211GTH147	Lê Hồng	Vân	DC21GTH03	**2.7**	*Hai điểm bảy*	
292	211VNH007	Trần Phạm Thanh	Vân	DC21VNH01	**3.3**	*Ba điểm ba*	
293	211GTH149	Ksor H	Vi	DC21GTH01	**2.1**	*Hai điểm một*	
294	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	**3.1**	*Ba điểm một*	
295	211VNH008	Trần Văn	Vi	DC21VNH01	**0.0**	*Không điểm*	Vắng thi
296	211STO010	Hồ Quốc	Việt	DC21STO01	**1.6**	*Một điểm sáu*	
297	19574802010025	Phan Văn	Việt	DC19CTT01	**1.8**	*Một điểm tám*	
298	211CTT010	Nguyễn Phát	Vinh	DC21CTT01	**0.0**	*Không điểm*	Vắng thi
299	211GMN068	H'	Vôn	DC21GMN02	**1.9**	*Một điểm chín*	
300	211GTH157	Nguyễn Thị Tố	Win	DC21GTH03	**1.7**	*Một điểm bảy*	
301	211CTT026	Bạch Nhật Vũ	Xanh	DC21CTT01	**0.0**	*Không điểm*	Vắng thi
302	211GMN056	Nguyễn Thị Như	ý	DC21GMN02	**2.2**	*Hai điểm hai*	
303	211STO007	Lê Trương Tấn	Yên	DC21STO01	**2.1**	*Hai điểm một*	
304	211GTH097	Nguyễn Thị Hồng	Yên	DC21GTH01	**3.1**	*Ba điểm một*	
305	211GTH040	Nguyễn Thị Bảo	Yến	DC21GTH02	**1.9**	*Một điểm chín*	

Phú Yên, ngày 06 tháng 4 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Đào Anh Xuân **Nguyễn Văn Hoàng**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
Phòng Quản lý chất lượng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm **TIẾNG ANH 3 (B1.3)** **Số tín chỉ: 2**
Ngày thi: 21/1/2022 Ca thi: trực tuyến

TT	Mã SV	Họ Và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	20571402010001	Nguyễn Võ Hoài	An	DC20GMN01	6.8	*Sáu điểm tám*	
2	20571402020013	Phạm Lê Thiên	Ân	DC20GTH01	9.3	*Chín điểm ba*	
3	20571402020014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	DC20GTH01	8.8	*Tám điểm tám*	
4	20571402010052	Ksor H	Binh	DC20GMN01	5.8	*Năm điểm tám*	
5	20571402020015	Nguyễn Đinh Minh	Châu	DC20GTH01	8.6	*Tám điểm sáu*	
6	20571402020009	Nguyễn Quỳnh	Châu	DC20GTH01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
7	20571402010020	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	DC20GMN01	7.2	*Bảy điểm hai*	
8	20571402010069	Cao Thị Mỹ	Chi	DC20GMN01	8.8	*Tám điểm tám*	
9	20571402010021	Nguyễn Thị Thảo	Chi	DC20GMN01	7.1	*Bảy điểm một*	
10	20571402010016	Nguyễn Lệ	Chí	DC20GTH01	8.6	*Tám điểm sáu*	
11	20571402010017	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	DC20GMN01	6.8	*Sáu điểm tám*	
12	145D1402090002	Nguyễn Trường	Chinh	DC14STO01	7.8	*Bảy điểm tám*	
13	20571402010053	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	DC20GMN01	8.1	*Tám điểm một*	
14	20571402010022	Rah Lan h'	Drơng	DC20GMN01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
15	20571402020001	Nguyễn Thị Phương	Dung	DC20GTH01	8.0	*Tám điểm*	
16	20573106300001	Đỗ Hữu	Duy	DC20VNH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
17	20574802010001	Vũ Văn	Duy	DC20CTT01	7.8	*Bảy điểm tám*	
18	20571402020010	Nguyễn Thị Anh	Đào	DC20GTH01	7.8	*Bảy điểm tám*	
19	20571402010023	Phan Vạn Huyền	Đinh	DC20GMN01	7.8	*Bảy điểm tám*	
20	20574802010002	Nguyễn Thanh	Định	DC20CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
21	20571402010054	Rcom H	Đuinh	DC20GMN01	7.2	*Bảy điểm hai*	
22	20571402020002	Nguyễn Tuyết	Giang	DC20GTH01	8.2	*Tám điểm hai*	
23	20571402010024	Đặng Nguyễn Thu	Hà	DC20GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
24	20574802010026	Lê Cao	Hà	DC20CTT01	7.2	*Bảy điểm hai*	
25	20571402010018	Trần Khánh	Hà	DC20GMN01	7.2	*Bảy điểm hai*	
26	20571402020017	Huỳnh Minh	Hải	DC20GTH01	7.8	*Bảy điểm tám*	
27	20571402010055	Đoàn Lê Mỹ	Hảo	DC20GMN01	7.3	*Bảy điểm ba*	
28	20571402020018	Lê Thị Mỹ	Hảo	DC20GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
29	20571402010025	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	DC20GMN01	8.2	*Tám điểm hai*	
30	20573106300010	Trần Thị Ngọc	Hân	DC20VNH01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
31	20571402020036	Phạm Nguyễn Xuân	Hiếu	DC20GTH01	8.8	*Tám điểm tám*	
32	20571402010026	Rơ ô Mỹ	Hiếu	DC20GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
33	20571402010056	Ksơr Minh	Hoa	DC20GMN01	7.8	*Bảy điểm tám*	
34	20571402010070	Nông Thị Thu	Hoa	DC20GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
35	20573106300011	Trần Thị Ngọc	Hòa	DC20VNH01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
36	20574802010013	Nguyễn Minh	Hoàng	DC20CTT01	8.0	*Tám điểm*	
37	20571402020011	Phan Thị Ánh	Hồng	DC20GTH01	8.8	*Tám điểm tám*	
38	20571402010002	Nguyễn Thị Bích	Hộp	DC20GMN01	7.3	*Bảy điểm ba*	
39	20571402090001	Thân Võ Ngân	Huyền	DC20STO01	9.2	*Chín điểm hai*	
40	20574802010003	Huỳnh Tấn	Hưng	DC20CTT01	7.4	*Bảy điểm tư*	

41	20574802010004	Nguyễn Thành	Hưng	DC20CTT01	8.4	*Tám điểm tư*	
42	20573106300002	Nguyễn Văn	Hưng	DC20VNH01	6.4	*Sáu điểm tư*	
43	20574802010005	Trần Anh	Hưng	DC20CTT01	8.2	*Tám điểm hai*	
44	20571402010057	Lưu Thị Diễm	Hương	DC20GMN01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
45	20571402020003	Trương thị Trúc	Lam	DC20GTH01	8.0	*Tám điểm*	
46	20573106300012	Đoàn Thị Phương	Lan	DC20VNH01	5.4	*Năm điểm tư*	
47	20571402010027	Ksor H	Lanh	DC20GMN01	5.0	*Năm điểm*	
48	20573106300013	Trần Phúc	Lâm	DC20VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
49	20571402010028	Huỳnh Hồng	Liền	DC20GMN01	8.2	*Tám điểm hai*	
50	20571402020019	Đàm Diệu	Linh	DC20GTH01	7.4	*Bảy điểm tư*	
51	20571402010003	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
52	20571402010058	Võ Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	8.4	*Tám điểm tư*	
53	20571402010029	K Sor H'	Lo	DC20GMN01	3.0	*Ba điểm*	
54	19151140201012	Nguyễn Thị Bích	Loan	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
55	20571402020020	Huỳnh Thị Bích	Ly	DC20GTH01	8.2	*Tám điểm hai*	
56	20571402010030	Lê Thị Trúc	Ly	DC20GMN01	3.6	*Ba điểm sáu*	
57	20571402020039	Võ Thị Tuyết	Mai	DC20GTH01	8.3	*Tám điểm ba*	
58	20573106300024	Lê Đức	Mạnh	DC20VNH01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
59	20571402090005	Hồ Trọng	Minh	DC20STO01	8.6	*Tám điểm sáu*	
60	20571402010059	Nguyễn Hoài	Minh	DC20GMN01	7.8	*Bảy điểm tám*	
61	20571402020021	Lê Thị Trà	My	DC20GTH01	8.4	*Tám điểm tư*	
62	20573106300023	Nguyễn Nữ Trà	My	DC20VNH01	8.2	*Tám điểm hai*	
63	20571402020022	Nguyễn Thị Trà	My	DC20GTH01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
64	20571402090002	Nguyễn Võ Tú	My	DC20STO01	8.8	*Tám điểm tám*	
65	20571402020012	Phan Thị Trà	My	DC20GTH01	8.6	*Tám điểm sáu*	
66	20573106300004	So La Ly	Na	DC20VNH01	3.6	*Ba điểm sáu*	
67	20573106300014	Trần Lê Hoàng	Na	DC20VNH01	9.0	*Chín điểm*	
68	20571402010031	Lê Thị Thanh	Nam	DC20GMN01	7.9	*Bảy điểm chín*	
69	20574802010015	Trương Hoài	Nam	DC20CTT01	8.0	*Tám điểm*	
70	20571402010032	Pham Thị	Nga	DC20GMN01	7.8	*Bảy điểm tám*	
71	20571402010033	Rơ Ô H'	Nga	DC20GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
72	20573106300015	Ma Huỳnh Hiếu	Ngân	DC20VNH01	7.1	*Bảy điểm một*	
73	20573106300005	Đào Duy	Nguyên	DC20VNH01	6.6	*Sáu điểm sáu*	
74	20571402090003	Nguyễn Như Tiểu	Nguyệt	DC20STO01	8.2	*Tám điểm hai*	
75	20571402010004	Võ Thị Kim	Nguyệt	DC20GMN01	8.2	*Tám điểm hai*	
76	20574802010006	Lê Văn	Nhân	DC20CTT01	8.2	*Tám điểm hai*	
77	20571402010005	Phan Thị Phương	Nhi	DC20GMN01	8.0	*Tám điểm*	
78	20571402010034	Trương Cẩm	Nhi	DC20GMN01	5.0	*Năm điểm*	
79	17552480201035	Lê Tín	Nhiệm	DC17CTT01	8.1	*Tám điểm một*	
80	20571402010060	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	DC20GMN01	0.0	*Không điểm*	
81	20571402010035	Lê Thị Hoài	Nhung	DC20GMN01	8.4	*Tám điểm tư*	
82	19151140201038	Ngô thị hồng	nhung	CC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
83	20574802010007	Huỳnh Cao Yến	Như	DC20CTT01	8.0	*Tám điểm*	
84	20571402010036	Lê Thị Hoài	Như	DC20GMN01	7.4	*Bảy điểm tư*	
85	20574802010016	Nguyễn Thị Tâm	Như	DC20CTT01	8.6	*Tám điểm sáu*	
86	20571402010037	Nay H'	Nuôr	DC20GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
87	20571402020033	Kpă H'	Nưm	DC20GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
88	20571402020005	Huỳnh Trương Minh	Oanh	DC20GTH01	7.4	*Bảy điểm tư*	

89	20573106300021	Lê Cao	Pháp	DC20VNH01	8.8	*Tám điểm tám*	
90	20573106300025	Nguyễn Tấn	Phát	DC20VNH01	7.8	*Bảy điểm tám*	
91	20571402010006	Trương Thị	Phấn	DC20GMN01	8.4	*Tám điểm tư*	
92	20571402020004	Lê Thị Ái	Phi	DC20GTH01	8.0	*Tám điểm*	
93	20574802010028	Nguyễn Thế	Phong	DC20CTT01	4.2	*Bốn điểm hai*	
94	20574802010017	Trần Phương	Phú	DC20CTT01	7.8	*Bảy điểm tám*	
95	20574802010018	Đỗ Thiên	Phúc	DC20CTT01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
96	20573106300006	Ngô	Phụng	DC20VNH01	6.8	*Sáu điểm tám*	
97	20571402010061	Huỳnh Ngọc	Phương	DC20GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
98	20571402010007	Lê Thị Thanh	Phương	DC20GMN01	9.0	*Chín điểm*	
99	20573106300016	Nguyễn Thị Bích	Phương	DC20VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
100	20571402010038	Ngô Thi Bích	Quyên	DC20GMN01	8.2	*Tám điểm hai*	
101	20571402010067	Võ Hoàng Tú	Quyên	DC20GMN01	8.8	*Tám điểm tám*	
102	20571402010039	Võ Thị Lệ	Quyên	DC20GMN01	6.8	*Sáu điểm tám*	
103	20571402010040	Huỳnh Thi Như	Quỳnh	DC20GMN01	8.2	*Tám điểm hai*	
104	18571402090009	Ngô Nguyên	Quỳnh	DC18STO01	8.6	*Tám điểm sáu*	
105	20571402020040	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	DC20GTH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
106	20571402020023	Phan Ngọc Trúc	Quỳnh	DC20GTH01	8.6	*Tám điểm sáu*	
107	20571402020034	Trà Nguyễn Thúy	Quỳnh	DC20GTH01	9.2	*Chín điểm hai*	
108	20571402010008	Trần Nữ Như	Quỳnh	DC20GMN01	7.3	*Bảy điểm ba*	
109	20571402010062	Võ Ngọc	Quỳnh	DC20GMN01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
110	20571402010063	Rơ ô h	Ring	DC20GMN01	7.8	*Bảy điểm tám*	
111	20571402010041	Trương Thị Tuyết	Sương	DC20GMN01	8.6	*Tám điểm sáu*	
112	20571402090009	Nguyễn Văn	Tài	DC20STO01	7.0	*Bảy điểm*	
113	20571402010042	Tăng Thị Thanh	Tâm	DC20GMN01	9.4	*Chín điểm tư*	
114	20573106300007	K Sơr H	Tết	DC20VNH01	3.8	*Ba điểm tám*	
115	20571402010064	Lê Thị Như	Thảo	DC20GMN01	6.8	*Sáu điểm tám*	
116	20571402090006	Nguyễn Thị	Thảo	DC20STO01	6.7	*Sáu điểm bảy*	
117	20571402020006	Nguyễn Thị Bích	Thảo	DC20GTH01	7.7	*Bảy điểm bảy*	
118	20571402010043	Võ Trần Khả	Thiên	DC20GMN01	8.2	*Tám điểm hai*	
119	20573106300018	Lê Phước	Thiện	DC20VNH01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
120	20571402020024	Mai Trọng	Thịnh	DC20GTH01	8.0	*Tám điểm*	
121	18572201130026	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC18VNH01	7.8	*Bảy điểm tám*	
122	20573106300022	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC20VNH01	8.4	*Tám điểm tư*	
123	20571402010009	Trần Thị Mỹ	Thoa	DC20GMN01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
124	20574802010020	Văn Bá	Thông	DC20CTT01	7.4	*Bảy điểm tư*	
125	20571402010019	Trương Thị	Thơm	DC20GMN01	6.2	*Sáu điểm hai*	
126	20571402010044	Trần Thị	Thủy	DC20GMN01	8.2	*Tám điểm hai*	
127	20571402010010	Hồ Thị Kim	Thuý	DC20GMN01	6.3	*Sáu điểm ba*	
128	20571402020025	Kpă Hờ	Thuý	DC20GTH01	7.0	*Bảy điểm*	
129	17552480201088	Mai Thị Kim	Thuy	DC17CTT01	5.0	*Năm điểm*	
130	20571402010011	Phạm Thu	Thúy	DC20GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
131	20571402010012	Lê Nguyễn Quỳnh	Thư	DC20GMN01	7.6	*Bảy điểm sáu*	
132	20571402020026	Lê Thị Kim	Thư	DC20GTH01	9.1	*Chín điểm một*	
133	20571402020027	Trần Thị Diễm	Thương	DC20GTH01	9.0	*Chín điểm*	
134	20573106300017	Đỗ Huỳnh Thảo	Tiên	DC20VNH01	5.6	*Năm điểm sáu*	
135	20571402020028	Trần Mỹ	Tiên	DC20GTH01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
136	20574802010021	Bùi	Tiến	DC20CTT01	5.4	*Năm điểm tư*	

137	20571402020029	Đoàn Tấn	Tiến	DC20GTH01	8.1	*Tám điểm một*	
138	20574802010027	Phạm Văn	Tiến	DC20CTT01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
139	20571402020038	Lê Bảo	Tín	DC20GTH01	7.3	*Bảy điểm ba*	
140	165D1402090025	Nguyễn Trung	Tín	DC16STO01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
141	20571402010065	Bùi Thị Kim	Toả	DC20GMN01	8.0	*Tám điểm*	
142	20574802010022	Đỗ Thị Đài	Trang	DC20CTT01	7.8	*Bảy điểm tám*	
143	18571402010029	Phạm Thanh Huyền	Trang	DC18GMN01	6.7	*Sáu điểm bảy*	
144	20571402010045	Phan Thị Kiều	Trang	DC20GMN01	8.6	*Tám điểm sáu*	
145	20571402010046	Thái Thùy	Trang	DC20GMN01	6.8	*Sáu điểm tám*	
146	20571402010047	Trần Thị Huyền	Trang	DC20GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
147	20571402010048	Dương Thị Ngọc	Trâm	DC20GMN01	5.6	*Năm điểm sáu*	
148	20571402010049	Nguyễn Minh	Trâm	DC20GMN01	6.4	*Sáu điểm tư*	
149	20571402010050	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	DC20GMN01	5.2	*Năm điểm hai*	
150	20571402020007	Võ Hoàng Bích	Trâm	DC20GTH01	8.8	*Tám điểm tám*	
151	20571402020030	Hà Huyền	Trân	DC20GTH01	6.6	*Sáu điểm sáu*	
152	20574802010009	Nguyễn Ngọc	Tri	DC20CTT01	4.0	*Bốn điểm*	
153	20571402010068	Bùi Thục	Trinh	DC20GMN01	8.0	*Tám điểm*	
154	20573106300008	Phan Quỳnh Phương	Trinh	DC20VNH01	7.2	*Bảy điểm hai*	
155	20571402010013	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	DC20GMN01	4.8	*Bốn điểm tám*	
156	20574802010010	Nguyễn Ngọc	Trường	DC20CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
157	20571402090004	Lê Đăng	Tú	DC20STO01	9.0	*Chín điểm*	
158	20571402010014	Nguyễn Thị Kim	Tú	DC20GMN01	8.4	*Tám điểm tư*	
159	20571402020035	Nguyễn Thị Thanh	Tú	DC20GTH01	8.6	*Tám điểm sáu*	
160	20571402090010	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	DC20STO01	8.2	*Tám điểm hai*	
161	20571402020031	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	DC20GTH01	8.8	*Tám điểm tám*	
162	20571402020037	Trương Ngân	Tuyền	DC20GTH01	9.4	*Chín điểm tư*	
163	20573106300009	Lê Thị Ánh	Tuyết	DC20VNH01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
164	18572201130034	Mai Thị Phương	Uyên	DC18VNH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
165	20571402010051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	DC20GMN01	4.0	*Bốn điểm*	
166	20571402020032	Nguyễn Thị Phương	Vân	DC20GTH01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
167	20571402010015	Đoàn Thị Bích	Vi	DC20GMN01	7.8	*Bảy điểm tám*	
168	20573106300020	Phan Tuấn	Vũ	DC20VNH01	8.4	*Tám điểm tư*	
169	20571402010066	Nguyễn Thị Trúc	Vy	DC20GMN01	8.6	*Tám điểm sáu*	
170	20571402020008	Nguyễn Trần Thiên	Ý	DC20GTH01	9.4	*Chín điểm tư*	
171	20574802010024	Trương Lê Tấn	Ý	DC20CTT01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
172	20571402010016	Bùi Thị Bảo	Yến	DC20GMN01	8.6	*Tám điểm sáu*	

Phú Yên, ngày 01 tháng 3 năm 2022

PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
P. TRƯỞNG PHÒNG

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Tin học đại cương — **Số tín chỉ: 3**
Ngày thi: 13/01/2022 — Ca thi: 2 - trực tuyến

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	20571402010001	Nguyễn Võ Hoài	An	DC20GMN01	5,2	năm điểm hai	
2	20571402020013	Phạm Lê Thiên	Ân	DC20GTH01	7,0	bảy điểm	
3	20571402020014	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	DC20GTH01	7,2	bảy điểm hai	
4	20571402010052	Ksor H'	Binh	DC20GMN01	3,2	ba điểm hai	
5	20571402020015	Nguyễn Đinh Minh	Châu	DC20GTH01	6,8	sáu điểm tám	
6	20571402020009	Nguyễn Quỳnh	Châu	DC20GTH01	5,0	năm điểm	
7	20571402010020	Nguyễn Thị Mỹ	Châu	DC20GMN01	8,4	tám điểm tư	
8	20571402010069	Cao Thị Mỹ	Chi	DC20GMN01	5,8	năm điểm tám	
9	20571402010021	Nguyễn Thị Thảo	Chi	DC20GMN01	6,2	sáu điểm hai	
10	20571402020016	Nguyễn Lệ	Chí	DC20GTH01	6,2	sáu điểm hai	
11	20571402010017	Nguyễn Thị Kiều	Chinh	DC20GMN01	6,2	sáu điểm hai	
12	20571402010053	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	DC20GMN01	6,2	sáu điểm hai	
13	20571402010022	Rah lan H'	Drơng	DC20GMN01	3,2	ba điểm hai	
14	20571402310007	Lê Thùy	Dung	DC20STA01	6,8	sáu điểm tám	
15	20571402020001	Nguyễn Thị Phương	Dung	DC20GTH01	8,6	tám điểm sáu	
16	20573106300001	Đỗ Hữu	Duy	DC20VNH01	6,4	sáu điểm tư	
17	20572202010001	Nguyễn Thùy	Dương	DC20NNA01	0,0	không điểm	Vắng
18	20571402020010	Nguyễn Thị Anh	Đào	DC20GTH01	7,4	bảy điểm tư	
19	20571402010023	Phan Vạn Huyền	Đinh	DC20GMN01	4,8	bốn điểm tám	
20	20571402010054	Rcom H'	Đuinh	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
21	20571402020002	Nguyễn Tuyết	Giang	DC20GTH01	7,4	bảy điểm tư	
22	20571402010024	Đặng Nguyễn Thu	Hà	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
23	20571402010018	Trần Khánh	Hà	DC20GMN01	5,4	năm điểm tư	
24	20571402020017	Huỳnh Minh	Hải	DC20GTH01	7,2	bảy điểm hai	
25	20571402010055	Đoàn Lê Mỹ	Hảo	DC20GMN01	5,6	năm điểm sáu	
26	20571402020018	Lê Thị Mỹ	Hảo	DC20GTH01	0,0	không điểm	Vắng
27	20571402010025	Nguyễn Thị Ngọc	Hằng	DC20GMN01	7,4	bảy điểm tư	
28	20573106300010	Trần Thị Ngọc	Hân	DC20VNH01	6,6	sáu điểm sáu	
29	20571402020036	Phạm Nguyễn Xuân	Hiếu	DC20GTH01	7,2	bảy điểm hai	
30	20571402010026	Rơ Ô Mỹ	Hiếu	DC20GMN01	6,2	sáu điểm hai	
31	20571402010056	Ksơr Minh	Hoa	DC20GMN01	5,8	năm điểm tám	
32	20571402010070	Nông Thị Thu	Hoa	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
33	20573106300011	Trần Thị Ngọc	Hòa	DC20VNH01	4,0	bốn điểm	
34	20572202010002	Nguyễn Thị	Hội	DC20NNA01	4,6	bốn điểm sáu	
35	20571402020011	Phan Thị ánh	Hồng	DC20GTH01	7,2	bảy điểm hai	
36	20571402010002	Nguyễn Thị Bích	Hộp	DC20GMN01	6,6	sáu điểm sáu	
37	20571402090001	Thân Võ Ngân	Huyền	DC20STO01	7,4	bảy điểm tư	
38	20573106300002	Nguyễn Văn	Hưng	DC20VNH01	0,0	không điểm	Bỏ thi
39	20571402010057	Lưu Thị Diễm	Hương	DC20GMN01	5,2	năm điểm hai	
40	17552140202016	Nguyễn Lê Trúc	Lam	DC17GTH01	5,2	năm điểm hai	
41	20571402020003	Trương Thị Trúc	Lam	DC20GTH01	5,8	năm điểm tám	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
42	20573106300012	Đoàn Thị Phương	Lan	DC20VNH01	4,8	bốn điểm tám	
43	20571402010027	Ksor H'	Lanh	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
44	20573106300013	Trần Phúc	Lâm	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
45	20571402010028	Huỳnh Hồng	Liền	DC20GMN01	5,6	năm điểm sáu	
46	20571402020019	Đàm Diệu	Linh	DC20GTH01	4,0	bốn điểm	
47	20571402010003	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	0,0	không điểm	Không nộp
48	20571402310004	Lê Trần Ngọc	Linh	DC20STA01	5,0	năm điểm	
49	20571402010058	Võ Thị Mỹ	Linh	DC20GMN01	6,2	sáu điểm hai	
50	20571402010029	Ksor H'	Lo	DC20GMN01	3,8	ba điểm tám	
51	20571402020020	Huỳnh Thị Bích	Ly	DC20GTH01	0,0	không điểm	Không nộp
52	20571402010030	Lê Thị Trúc	Ly	DC20GMN01	5,4	năm điểm tư	
53	20571402020039	Võ Thị Tuyết	Mai	DC20GTH01	7,8	bảy điểm tám	
54	20573106300024	Lê Đức	Mạnh	DC20VNH01	6,2	sáu điểm hai	
55	20571402090005	Hồ Trọng	Minh	DC20STO01	7,0	bảy điểm	
56	20571402010059	Nguyễn Hoài	Minh	DC20GMN01	7,2	bảy điểm hai	
57	20571402020021	Lê Thị Trà	My	DC20GTH01	7,0	bảy điểm	
58	20573106300023	Nguyễn Nữ Trà	My	DC20VNH01	6,0	sáu điểm	
59	20571402020022	Nguyễn Thị Trà	My	DC20GTH01	5,8	năm điểm tám	
60	20571402090002	Nguyễn Võ Tú	My	DC20STO01	8,8	tám điểm tám	
61	20571402020012	Phan Thị Trà	My	DC20GTH01	5,2	năm điểm hai	
62	20573106300004	So La Ly	Na	DC20VNH01	3,6	ba điểm sáu	
63	20573106300014	Trần Lê Hoàng	Na	DC20VNH01	4,6	bốn điểm sáu	
64	20571402010031	Lê Thị Thanh	Nam	DC20GMN01	4,0	bốn điểm	
65	20571402010032	Phạm Thị	Nga	DC20GMN01	3,2	ba điểm hai	
66	20571402090007	Phạm Thị Huỳnh	Nga	DC20STO01	0,0	không điểm	Vắng
67	20571402010033	Rơ Ô H'	Nga	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
68	20573106300015	Ma Huỳnh Hiếu	Ngân	DC20VNH01	6,6	sáu điểm sáu	
69	20573106300005	Đào Duy	Nguyên	DC20VNH01	6,6	sáu điểm sáu	
70	20572202010003	Nguyễn Phúc	Nguyên	DC20NNA01	5,8	năm điểm tám	
71	20571402090003	Nguyễn Như Tiểu	Nguyệt	DC20STO01	7,4	bảy điểm tư	
72	20571402010004	Võ Thị Kim	Nguyệt	DC20GMN01	6,6	sáu điểm sáu	
73	20572202010004	Trần Thị	Nhã	DC20NNA01	0,0	không điểm	Vắng
74	20571402010005	Phan Thị Phương	Nhi	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
75	20571402010034	Trương Cẩm	Nhi	DC20GMN01	5,8	năm điểm tám	
76	20572202010012	Huỳnh Thị Cẩm	Nhung	DC20NNA01	0,0	không điểm	Vắng
77	20571402010060	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	DC20GMN01	4,6	bốn điểm sáu	
78	20571402010035	Lê Thị Hoài	Nhung	DC20GMN01	7,0	bảy điểm	
79	20571402010036	Lê Thị Hoài	Như	DC20GMN01	4,8	bốn điểm tám	
80	20571402010037	Nay H'	Nuôr	DC20GMN01	0,0	không điểm	Vắng
81	20571402020033	Kpă H'	Nưm	DC20GTH01	0,0	không điểm	Vắng
82	20571402020005	Huỳnh Trương Minh	Oanh	DC20GTH01	6,6	sáu điểm sáu	
83	20573106300021	Lê Cao	Pháp	DC20VNH01	4,6	bốn điểm sáu	
84	20573106300025	Nguyễn Tấn	Phát	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
85	20571402010006	Trương Thị	Phấn	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
86	20571402020004	Lê Thị Ái	Phi	DC20GTH01	8,8	tám điểm tám	
87	20573106300006	Ngô	Phụng	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
88	20571402010061	Huỳnh Ngọc	Phương	DC20GMN01	6,4	sáu điểm tư	
89	20571402010007	Lê Thị Thanh	Phương	DC20GMN01	8,2	tám điểm hai	
90	20573106300016	Nguyễn Thị Bích	Phương	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
91	20572202010013	Võ Quốc	Quân	DC20NNA01	5,6	năm điểm sáu	
92	20571402010038	Ngô Thị Bích	Quyên	DC20GMN01	4,6	bốn điểm sáu	
93	20572202010017	Trương Thị Tú	Quyên	DC20NNA01	0,0	không điểm	Vắng
94	20571402010067	Võ Hoàng Tú	Quyên	DC20GMN01	6,2	sáu điểm hai	
95	20571402010039	Võ Thị Lệ	Quyên	DC20GMN01	4,2	bốn điểm hai	
96	20571402310002	Đậu Thị Diễm	Quỳnh	DC20STA01	8,2	tám điểm hai	
97	20571402010040	Huỳnh Thị Như	Quỳnh	DC20GMN01	6,6	sáu điểm sáu	
98	20571402020040	Nguyễn Thị Kim	Quỳnh	DC20GTH01	0,0	không điểm	Vắng
99	20571402020023	Phan Ngọc Trúc	Quỳnh	DC20GTH01	7,4	bảy điểm tư	
100	20571402020034	Trà Nguyễn Thúy	Quỳnh	DC20GTH01	6,4	sáu điểm tư	
101	20571402010008	Trần Nữ Như	Quỳnh	DC20GMN01	5,4	năm điểm tư	
102	20571402010062	Võ Ngọc	Quỳnh	DC20GMN01	6,4	sáu điểm tư	
103	20571402010063	Rơ Ô H'	Ring	DC20GMN01	4,6	bốn điểm sáu	
104	20571402010041	Trương Thị Tuyết	Sương	DC20GMN01	6,8	sáu điểm tám	
105	20571402010042	Tăng Thị Thanh	Tâm	DC20GMN01	4,4	bốn điểm tư	
106	20573106300007	Ksơ H	Tết	DC20VNH01	5,4	năm điểm tư	
107	20572202010006	Dương Thị Thu	Thảo	DC20NNA01	4,6	bốn điểm sáu	
108	20571402010064	Lê Thị Như	Thảo	DC20GMN01	5,8	năm điểm tám	
109	20571402090006	Nguyễn Thị	Thảo	DC20STO01	7,0	bảy điểm	
110	20571402020006	Nguyễn Thị Bích	Thảo	DC20GTH01	5,4	năm điểm tư	
111	20572202010007	Nguyễn Võ Hoài	Thế	DC20NNA01	5,0	năm điểm	
112	20571402010043	Võ Trần Khả	Thiên	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
113	20573106300018	Lê Phước	Thiện	DC20VNH01	6,2	sáu điểm hai	
114	20571402020024	Mai Trọng	Thịnh	DC20GTH01	7,2	bảy điểm hai	
115	20573106300022	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC20VNH01	7,6	bảy điểm sáu	
116	20571402010009	Trần Thị Mỹ	Thoa	DC20GMN01	6,0	sáu điểm	
117	20572202010014	Trần Văn	Thơm	DC20NNA01	6,6	sáu điểm sáu	
118	20571402010019	Trương Thị	Thơm	DC20GMN01	4,8	bốn điểm tám	
119	20572202010015	Trần Thị Lệ	Thu	DC20NNA01	5,2	năm điểm hai	
120	20571402010044	Trần Thị	Thủy	DC20GMN01	5,2	năm điểm hai	
121	20571402010010	Hồ Thị Kim	Thúy	DC20GMN01	5,8	năm điểm tám	
122	20571402020025	Kpă Hờ	Thúy	DC20GTH01	4,8	bốn điểm tám	
123	20571402010011	Phạm Thu	Thúy	DC20GMN01	4,8	bốn điểm tám	
124	20572202010008	Bùi Thị Bích	Thư	DC20NNA01	6,6	sáu điểm sáu	
125	20571402010012	Lê Nguyễn Quỳnh	Thư	DC20GMN01	3,4	ba điểm tư	
126	20571402020026	Lê Thị Kim	Thư	DC20GTH01	5,6	năm điểm sáu	
127	20571402020027	Trần Thị Diễm	Thương	DC20GTH01	7,6	bảy điểm sáu	
128	20573106300017	Đỗ Huỳnh Thảo	Tiên	DC20VNH01	5,0	năm điểm	
129	20571402020028	Trần Mỹ	Tiên	DC20GTH01	6,6	sáu điểm sáu	
130	20571402020029	Đoàn Tấn	Tiến	DC20GTH01	7,4	bảy điểm tư	
131	20571402020038	Lê Bảo	Tín	DC20GTH01	6,6	sáu điểm sáu	
132	20571402010065	Bùi Thị Kim	Tỏa	DC20GMN01	3,4	ba điểm tư	
133	20571402010045	Phan Thị Kiều	Trang	DC20GMN01	6,6	sáu điểm sáu	
134	20571402010046	Thái Thùy	Trang	DC20GMN01	8,6	tám điểm sáu	
135	20571402010047	Trần Thị Huyền	Trang	DC20GMN01	5,6	năm điểm sáu	
136	20571402010048	Dương Thị Ngọc	Trâm	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
137	17552140201024	Hồ Thị Ngọc	Trâm	DC17GMN01	4,8	bốn điểm tám	
138	20571402010049	Nguyễn Minh	Trâm	DC20GMN01	4,6	bốn điểm sáu	
139	20571402010050	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	DC20GMN01	4,8	bốn điểm tám	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
140	20571402020007	Võ Hoàng Bích	Trâm	DC20GTH01	7,8	bảy điểm tám	
141	20571402020030	Hà Huyền	Trân	DC20GTH01	5,2	năm điểm hai	
142	20571402010068	Bùi Thục	Trinh	DC20GMN01	6,2	sáu điểm hai	
143	20573106300008	Phan Quỳnh Phương	Trinh	DC20VNH01	6,6	sáu điểm sáu	
144	20571402010013	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	DC20GMN01	4,2	bốn điểm hai	
145	20571402090004	Lê Đăng	Tú	DC20STO01	7,2	bảy điểm hai	
146	20571402010014	Nguyễn Thị Kim	Tú	DC20GMN01	8,8	tám điểm tám	
147	20571402020035	Nguyễn Thị Thanh	Tú	DC20GTH01	4,4	bốn điểm tư	
148	20572202010009	Nguyễn Văn	Tú	DC20NNA01	5,2	năm điểm hai	
149	20571402090010	Nguyễn Trần Thanh	Tùng	DC20STO01	7,2	bảy điểm hai	
150	20571402020031	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	DC20GTH01	7,2	bảy điểm hai	
151	20571402020037	Trương Ngân	Tuyền	DC20GTH01	8,2	tám điểm hai	
152	20573106300009	Lê Thị Ánh	Tuyết	DC20VNH01	0,0	không điểm	Vắng
153	20571402010051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	DC20GMN01	6,4	sáu điểm tư	
154	20571402310003	Đào Cẩm	Vân	DC20STA01	6,0	sáu điểm	
155	20571402020032	Nguyễn Thị Phương	Vân	DC20GTH01	6,8	sáu điểm tám	
156	20571402310006	Trần Thị Thu	Vẹn	DC20STA01	5,4	năm điểm tư	
157	20571402010015	Đoàn Thị Bích	Vi	DC20GMN01	7,2	bảy điểm hai	
158	20573106300020	Phan Tuấn	Vũ	DC20VNH01	6,6	sáu điểm sáu	
159	20572202010010	Lê Thị Thanh	Vy	DC20NNA01	6,2	sáu điểm hai	
160	20571402010066	Nguyễn Thị Trúc	Vy	DC20GMN01	5,0	năm điểm	
161	20571402020008	Nguyễn Trần Thiên	Ý	DC20GTH01	7,4	bảy điểm tư	
162	20571402010016	Bùi Thị Bảo	Yến	DC20GMN01	5,4	năm điểm tư	

Phú Yên, Ngày 25 tháng 02 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Nguyễn Văn Hoàng

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Triết học Mác - Lênin **Số tín chỉ: 3**
Ngày thi: 07/03/2022 Ca thi: 1

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	211STA027	Hồ Thị Bình	An	DC21STA01	4.0	Bốn điểm	
2	211CTT027	Lương Trọng	An	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
3	211STA028	Huỳnh Thị Kiều	Anh	DC21STA01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
4	211NNA001	Lâm Lan	Anh	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
5	211GTH044	Lê Trâm	Anh	DC21GTH01	0.0	Không điểm	Vắng
6	211GMN022	Thiều Thị Kim	Anh	DC21GMN01	4.0	Bốn điểm	
7	211GTH045	Phạm Nguyễn Cơ	Bách	DC21GTH01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
8	211GTH046	Nguyễn Duy	Bảo	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
9	211NNA028	Nguyễn Đức	Bảo	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
10	211STO026	Nguyễn Ngọc Gia	Bảo	DC21STO01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
11	211STA021	Trịnh Huỳnh Gia	Bảo	DC21STA01	4.0	Bốn điểm	
12	211CTT002	Ngô Hữu	Bằng	DC21CTT01	4.0	Bốn điểm	
13	211GTH047	Đàm Thị	Bé	DC21GTH02	5.5	Năm điểm rưỡi	
14	211GMN023	Lê Trần Yên	Bình	DC21GMN01	5.0	Năm điểm	
15	211GMN061	Ksor H'	Buynh	DC21GMN01	4.0	Bốn điểm	
16	211STA036	Diệp Ngọc	Cầm	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
17	211GTH112	Đào Minh	Chấn	DC21GTH01	4.0	Bốn điểm	
18	211GMN024	Huỳnh Hiền	Châu	DC21GMN01	3.0	Ba điểm	
19	211STA001	Nguyễn Thị Kim	Châu	DC21STA01	6.0	Sáu điểm	
20	211NNA010	Thái Thiên	Châu	DC21NNA01	5.0	Năm điểm	
21	211GTH113	Võ Khánh	Chi	DC21GTH03	3.5	Ba điểm rưỡi	
22	211STO006	Hà Minh	Chí	DC21STO01	5.5	Năm điểm rưỡi	
23	211CTT003	Phan Đình	Chiến	DC21CTT01	3.5	Ba điểm rưỡi	
24	211CTT024	Võ Đình	Chiến	DC21CTT01	5.5	Năm điểm rưỡi	
25	211STA019	Đỗ Thế	Chương	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
26	211STA025	Trần Anh	Cường	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
27	211NNA032	Nguyễn Thanh	Danh	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
28	211GTH114	Ksơr Hờ	Dân	DC21GTH03	3.5	Ba điểm rưỡi	
29	211GTH002	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	DC21GTH01	3.5	Ba điểm rưỡi	
30	211STA002	Võ Thị Mỹ	Diệu	DC21STA01	3.5	Ba điểm rưỡi	
31	211GTH048	Kpá H	Doan	DC21GTH02	3.0	Ba điểm	
32	211GMN025	Ngô Thị Thùy	Dung	DC21GMN02	2.5	Hai điểm rưỡi	
33	211GTH115	Nguyễn Thị Kim	Dung	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
34	211GTH049	Nguyễn Thùy	Dung	DC21GTH01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
35	211GMN071	Văn Thị	Dung	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
36	19574802010017	Huỳnh Lê Khánh	Duy	DC19CTT01	8.0	Tám điểm	
37	211NNA003	Trương Huỳnh Bảo	Duy	DC21NNA01	3.0	Ba điểm	
38	211GTH029	Đỗ Trần Tú	Duyên	DC21GTH02	3.5	Ba điểm rưỡi	
39	211GMN017	Hà Thị Mỹ	Duyên	DC21GMN02	7.5	Bảy điểm rưỡi	
40	211GTH053	Lê Thị Mỹ	Duyên	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
41	211GTH054	Nguyễn Khả	Duyên	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
42	211STO024	Nguyễn Thị Mai	Duyên	DC21STO01	7.0	Bảy điểm	
43	211GMN026	Sô Thị Mỹ	Duyên	DC21GMN02	5.5	Năm điểm rưỡi	
44	211GTH028	Trần Ngọc Khánh	Duyên	DC21GTH02	4.5	Bốn điểm rưỡi	
45	211STA023	Trương Thị Thùy	Duyên	DC21STA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
46	211NNA011	Võ Thị Mỹ	Duyên	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
47	211GTH004	Vương Thị Linh	Duyên	DC21GTH02	4.5	Bốn điểm rưỡi	
48	211GTH050	Dương Văn	Dương	DC21GTH01	4.0	Bốn điểm	
49	211GTH106	Lê Thị Thùy	Dương	DC21GTH01	0.0	Không điểm	Vắng
50	211GTH051	Phan Nguyễn Thùy	Dương	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
51	211GTH052	Trần Thùy	Dương	DC21GTH02	4.0	Bốn điểm	
52	211GTH055	Bùi Thị Anh	Đào	DC21GTH01	5.0	Năm điểm	
53	211GTH001	Huỳnh Thị Anh	Đào	DC21GTH01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
54	211CTT025	Ngô Thành	Đạt	DC21CTT01	5.0	Năm điểm	
55	211GTH003	Trần Thị Ngọc	Điền	DC21GTH01	8.5	Tám điểm rưỡi	
56	211GMN028	Siu H'	Đinh	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
57	211STA032	Lê Hạ	Đoan	DC21STA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
58	211CTT017	Mông Minh	Đức	DC21CTT01	5.0	Năm điểm	
59	17552220201059	Đỗ Trường	Giang	DC17NNA01	7.0	Bảy điểm	
60	211GTH116	Nguyễn Hồ Hoài	Giang	DC21GTH03	7.5	Bảy điểm rưỡi	
61	211GMN029	Trần Thị Thùy	Giang	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
62	211GMN062	Rơ Châm	Hà	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
63	211GTH098	Thái Ngọc	Hà	DC21GTH01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
64	211GMN001	Võ Thị Thu	Hà	DC21GMN01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
65	19574802010018	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hải	DC19CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
66	211GMN063	Đinh Thị	Hạnh	DC21GMN01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
67	211GMN002	Trần Thị Mỹ	Hạnh	DC21GMN01	0.0	Không điểm	Vắng
68	211VNH010	Võ Thị Bích	Hạnh	DC21VNH01	5.5	Năm điểm rưỡi	
69	211NNA034	Đinh Thị Hồng	Hảo	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
70	211GTH158	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
71	211NNA025	Trần Thị Thu	Hảo	DC21NNA01	3.5	Ba điểm rưỡi	
72	211GMN030	Nay H'	Hằng	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
73	211GTH104	Man Đức	Hậu	DC21GTH03	6.5	Sáu điểm rưỡi	
74	211GTH030	Trương Thị	Hậu	DC21GTH01	5.5	Năm điểm rưỡi	
75	211STO023	Trương Văn	Hậu	DC21STO01	5.0	Năm điểm	
76	211STA016	Trịnh Thị Mỹ	Hiên	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
77	211GTH118	Phạm Hà Thúy	Hiền	DC21GTH03	3.5	Ba điểm rưỡi	
78	211GMN031	Phan Thị	Hiền	DC21GMN01	5.5	Năm điểm rưỡi	
79	211GTH056	Quảng Thu	Hiền	DC21GTH01	5.0	Năm điểm	
80	211GMN064	Sô Thị Thanh	Hiền	DC21GMN01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
81	211GTH057	Vũ Nguyễn Dịu	Hiền	DC21GTH01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
82	211GMN065	Rơ Ô H'	Hiêng	DC21GMN01	3.5	Ba điểm rưỡi	
83	211GTH005	Huỳnh Lê Như	Hiếu	DC21GTH02	2.0	Hai điểm	
84	211GTH119	Ksor	Hiếu	DC21GTH03	2.5	Hai điểm rưỡi	
85	211CTT004	Võ Minh	Hiếu	DC21CTT01	7.0	Bảy điểm	
86	211NNA012	Ngô Thị Mỹ	Hoa	DC21NNA01	6.0	Sáu điểm	
87	211GMN073	Nguyễn Thị	Hoa	DC21GMN01	5.5	Năm điểm rưỡi	
88	211GTH120	Vũ Mai	Hoa	DC21GTH03	4.0	Bốn điểm	
89	18572202010065	Lê Huỳnh	Hòa	DC18NNA01	4.0	Bốn điểm	
90	211NNA013	Nguyễn Quốc	Hoàng	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
91	211GMN058	Trần Thanh Khánh	Hội	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
92	211GTH121	Rơ Châm	Hông	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
93	211GMN003	Dương Thị	Hồng	DC21GMN01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
94	211GTH058	Trương Tiểu	Hồng	DC21GTH02	2.0	Hai điểm	
95	211GTH059	Vũ Thị Tuyết	Hồng	DC21GTH02	4.0	Bốn điểm	
96	211GMN018	Đinh Thị Hồng	Huệ	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
97	211GMN032	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	DC21GMN01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
98	211VNH011	Nguyễn Phi	Hùng	DC21VNH01	2.0	Hai điểm	
99	211CTT016	Lê Công	Huy	DC21CTT01	2.0	Hai điểm	
100	211GTH060	Lưu Ngọc	Huy	DC21GTH02	3.0	Ba điểm	
101	211GTH031	Nguyễn Quang	Huy	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
102	18571402020059	Tống Thanh	Huy	DC18GTH01	3.5	Ba điểm rưỡi	
103	211STO016	Đặng Hoàn	Hương	DC21STO01	0.0	Không điểm	Vắng
104	211STA017	Võ Thị Diễm	Hương	DC21STA01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
105	211GTH006	Đặng Thị Hồng	Hưởng	DC21GTH02	3.0	Ba điểm	
106	17552140209007	Huỳnh Công	Hữu	DC17STO01	0.0	Không điểm	Vắng
107	17552140209017	Mai Đức	Hy	DC17STO01	3.5	Ba điểm rưỡi	
108	211CTT019	Huỳnh Ngọc	Kha	DC21CTT01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
109	211STO015	Nguyễn Đôn	Khải	DC21STO01	5.5	Năm điểm rưỡi	
110	211GTH062	Ngô Văn	Khánh	DC21GTH03	4.5	Bốn điểm rưỡi	
111	211GTH007	Nguyễn Lê Minh	Khánh	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
112	211GTH061	Lê Long	Khẩn	DC21GTH01	5.5	Năm điểm rưỡi	
113	211STA024	Lê Nhã Tâm	Khuê	DC21STA01	2.0	Hai điểm	
114	211GTH155	Diệp Bảo	Khương	DC21GTH03	3.5	Ba điểm rưỡi	
115	211GTH063	Võ Thúy	Kiều	DC21GTH02	2.0	Hai điểm	
116	211GTH008	Dương Thị Mỹ	Kim	DC21GTH01	0.0	Không điểm	Vắng
117	211GMN075	Nay H'	Kranh	DC21GMN01	0.0	Không điểm	Vắng
118	211GTH009	Ngô Thị Ngọc	Lam	DC21GTH01	3.5	Ba điểm rưỡi	
119	211GMN004	Trần Thị Trúc	Lam	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
120	211GTH064	Đặng Kim	Lan	DC21GTH02	3.5	Ba điểm rưỡi	
121	211GTH065	Rcom H'	Lanh	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
122	17552220201066	Nguyễn Thị Trúc	Lê	DC17NNA01	6.0	Sáu điểm	
123	211GTH066	Đặng Thị Mỹ	Lệ	DC21GTH02	4.5	Bốn điểm rưỡi	
124	211GMN081	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	DC21GMN02	4.0	Bốn điểm	
125	211GMN005	Nguyễn Thị Kim	Liên	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
126	211GTH122	Kpă H'	Linh	DC21GTH01	3.5	Ba điểm rưỡi	
127	211STO027	Kpă H'	Linh	DC21STO01	0.0	Không điểm	Vắng
128	211NNA004	Mai Gia	Linh	DC21NNA01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
129	211GTH010	Nguyễn Lê Nhật	Linh	DC21GTH01	2.5	Hai điểm rưỡi	
130	211GMN033	Nguyễn Mỹ	Linh	DC21GMN01	3.5	Ba điểm rưỡi	
131	211GMN066	Nguyễn Thị Diễm	Linh	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
132	211GTH067	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
133	211STA029	Phan Thùy	Linh	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
134	211NNA014	Tôn Nữ Khánh	Linh	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
135	211NNA015	Trần Thị Mỹ	Linh	DC21NNA01	6.0	Sáu điểm	
136	211GMN006	Dương Thị Thu	Loan	DC21GMN02	4.0	Bốn điểm	
137	211CTT029	Hồ Duy	Luân	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
138	211GTH123	Cao Thị Khánh	Ly	DC21GTH03	6.5	Sáu điểm rưỡi	
139	211GTH011	Đinh Thị Hàn	Ly	DC21GTH02	5.0	Năm điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
140	211STA040	Huỳnh Võ Trà	Ly	DC21STA01	2.0	Hai điểm	
141	211STO002	Trần Lê Ngọc	Mai	DC21STO01	5.5	Năm điểm rưỡi	
142	211GTH150	Nguyễn Thị Thảo	Mi	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
143	17552140209025	Nguyễn Yến	Mi	DC17STO01	4.0	Bốn điểm	
144	211STO008	Lê Thị Tuyết	Minh	DC21STO01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
145	211GMN007	Dương Hạ Trà	My	DC21GMN02	2.0	Hai điểm	
146	211GTH012	Đặng Thị Trà	My	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
147	211GTH069	Ngô Trà	My	DC21GTH03	4.5	Bốn điểm rưỡi	
148	211GTH109	Nguyễn Thị	My	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
149	211STA022	Nguyễn Thị Quỳnh	My	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
150	211VNH003	Trần Ngọc Huỳnh	My	DC21VNH01	4.0	Bốn điểm	
151	211GTH070	Võ Thị Quỳnh	My	DC21GTH02	3.5	Ba điểm rưỡi	
152	211GTH013	Đặng Trần Ly	Na	DC21GTH01	5.5	Năm điểm rưỡi	
153	211GTH042	Đoàn Lê	Na	DC21GTH03	4.0	Bốn điểm	
154	211NNA016	Lê An	Na	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
155	211STA026	Nguyễn Trần Xê	Na	DC21STA01	5.5	Năm điểm rưỡi	
156	211NNA017	Ngô Nữ Nhã	Nam	DC21NNA01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
157	211GTH125	Ksor H'	Nga	DC21GTH01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
158	211GTH071	Lê Thị Thu	Nga	DC21GTH02	6.0	Sáu điểm	
159	211GTH032	Huỳnh Thiên	Ngân	DC21GTH01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
160	211STA020	Lê Thị Thanh	Ngân	DC21STA01	3.5	Ba điểm rưỡi	
161	18572202010029	Nguyễn Ngọc Hoàng	Ngân	DC18NNA01	4.0	Bốn điểm	
162	211GTH126	Nguyễn Phan Kim	Ngân	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
163	211GTH072	Nguyễn Thị Kim	Ngân	DC21GTH02	6.5	Sáu điểm rưỡi	
164	211GTH127	Nguyễn Thị Thủy	Ngân	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
165	18574802010028	Văn Nguyễn Hữu	Nghĩa	DC19CTT01	5.0	Năm điểm	
166	211STO021	Lê Thị Bích	Ngọc	DC21STO01	7.0	Bảy điểm	
167	211GMN034	Mông Thị Hoài	Ngọc	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
168	211STO004	Cao Hoàng	Nguyên	DC21STO01	4.0	Bốn điểm	
169	211GTH073	Đỗ Thị	Nguyên	DC21GTH03	4.5	Bốn điểm rưỡi	
170	211GTH074	Nguyễn Minh	Nguyên	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
171	211GTH075	Lê Bùi Thu	Nguyệt	DC21GTH03	4.0	Bốn điểm	
172	211STA033	Nguyễn Quang Thu	Nguyệt	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
173	211VNH012	Trần Thị	Nhã	DC21VNH01	6.0	Sáu điểm	
174	211GTH033	Trương Bảo	Nhất	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
175	211VNH004	Bùi Thị Linh	Nhi	DC21VNH01	5.5	Năm điểm rưỡi	
176	211GMN076	Đoàn Nguyễn Hìu	Nhi	DC21GMN01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
177	211GMN057	Huỳnh Thị Hoài	Nhi	DC21GMN02	4.5	Bốn điểm rưỡi	
178	211GTH076	Ksor H'	Nhi	DC21GTH02	3.0	Ba điểm	
179	211GTH077	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	DC21GTH02	4.0	Bốn điểm	
180	211GMN008	Nguyễn Quí	Nhi	DC21GMN02	2.5	Hai điểm rưỡi	
181	211GTH034	Nguyễn Thị Yến	Nhi	DC21GTH02	3.5	Ba điểm rưỡi	
182	211GTH129	Nay Hờ	Nhiễm	DC21GTH01	4.0	Bốn điểm	
183	211GMN080	Nay H'	Nhoar	DC21GMN02	4.0	Bốn điểm	
184	211NNA005	Phạm Thị	Nhớ	DC21NNA01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
185	211GTH130	Hiao H'	Nhơn	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
186	211GMN035	Nay H'	Nhớp	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
187	211STA018	Bùi Thị Cẩm	Nhung	DC21STA01	8.0	Tám điểm	
188	211STA013	Lê Phi	Nhung	DC21STA01	6.5	Sáu điểm rưỡi	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
189	211GTH110	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	DC21GTH03	4.5	Bốn điểm rưỡi	
190	211GMN036	Sô Thị Mỹ	Nhung	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
191	211GTH131	Hán Thị Quỳnh	Như	DC21GTH03	5.5	Năm điểm rưỡi	
192	211GTH132	Ksor H	Như	DC21GTH01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
193	211GMN009	Lê Thị Quỳnh	Như	DC21GMN02	4.5	Bốn điểm rưỡi	
194	211STO001	Nguyễn Đoàn Quỳnh	Như	DC21STO01	1.0	Một điểm	
195	18572202010069	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19NNA01	3.0	Ba điểm	
196	211STA030	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC21STA01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
197	211GTH078	Phạm Thị Ái	Như	DC21GTH02	7.0	Bảy điểm	
198	211GTH103	Trần Thị Quỳnh	Như	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
199	211STO017	Nay H'	Ni	DC21STO01	7.0	Bảy điểm	
200	211STA031	Lê Dương Thảo	Ny	DC21STA01	4.0	Bốn điểm	
201	211GTH079	Ngô Thị Mỹ	Oanh	DC21GTH01	4.0	Bốn điểm	
202	211CTT006	Nguyễn Thị Kim	Oanh	DC21CTT01	5.0	Năm điểm	
203	211VNH005	Nguyễn Thị Phương	Oanh	DC21VNH01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
204	211GMN067	Ksor Hờ	Pen	DC21GMN02	4.0	Bốn điểm	
205	211GTH015	Trương Thị Hồng	Phấn	DC21GTH01	5.0	Năm điểm	
206	211GMN059	Võ Thị Hương	Phấn	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
207	211GMN037	Nguyễn Thị Thúy	Phiến	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
208	211VNH006	Nguyễn Hoàng	Phố	DC21VNH01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
209	211STA014	Lê Nguyễn Hồng	Phúc	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
210	211CTT020	Lê Văn	Phúc	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
211	211GMN038	Nguyễn Thị Mỹ	Phúc	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
212	211GMN077	Nguyễn Thị Ngọc	Phúc	DC21GMN01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
213	211GTH016	Kpă Hờ	Phụng	DC21GTH02	4.5	Bốn điểm rưỡi	
214	211CTT014	Lê Hoàng	Phụng	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
215	211GTH080	Nguyễn Kim	Phụng	DC21GTH03	4.0	Bốn điểm	
216	211GTH017	Đặng Thị Thu	Phương	DC21GTH02	3.5	Ba điểm rưỡi	
217	211CTT007	Lê Công	Phương	DC21CTT01	5.0	Năm điểm	
218	211GTH133	Lương Thị	Phương	DC21GTH01	5.5	Năm điểm rưỡi	
219	18571402010024	Trịnh Thị Mỹ	Phương	DC18GMN01	7.0	Bảy điểm	
220	211STO009	Nguyễn Trần Ngọc	Quý	DC21STO01	5.0	Năm điểm	
221	211GTH134	Kpă H'	Quyên	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
222	211NNA018	Mai Thảo	Quyên	DC21NNA01	3.0	Ba điểm	
223	211GTH156	Nguyễn Thị Bích	Quyên	DC21GTH03	0.0	Không điểm	Vắng
224	211GMN010	Nguyễn Thị Thùy	Quyên	DC21GMN02	5.5	Năm điểm rưỡi	
225	211GTH152	Tăng Đào Ánh	Quyên	DC21GTH03	6.0	Sáu điểm	
226	211GTH035	Thẩm Thị Thúy	Quyên	DC21GTH02	5.0	Năm điểm	
227	211CTT015	Võ Hùng	Quyết	DC21CTT01	5.5	Năm điểm rưỡi	
228	211GMN040	Đặng Nguyễn Như	Quỳnh	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
229	211GMN041	Hồ Dương	Quỳnh	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
230	211GMN011	Lê Thị Diễm	Quỳnh	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
231	211GTH018	Lê Thị Như	Quỳnh	DC21GTH02	7.5	Bảy điểm rưỡi	
232	211CTT021	Nay Tư	Quỳnh	DC21CTT01	1.0	Một điểm	
233	211NNA020	Nguyễn Dạ Trúc	Quỳnh	DC21NNA01	0.0	Không điểm	Vắng
234	211NNA006	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	DC21NNA01	5.0	Năm điểm	
235	211NNA019	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	DC21NNA01	3.5	Ba điểm rưỡi	
236	211GTH108	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
237	211GTH081	Phạm Thị Lam	Quỳnh	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
238	211GMN042	Huỳnh Nguyễn Yến	Sang	DC21GMN01	4.0	Bốn điểm	
239	211GTH082	Dương Trung	Sơn	DC21GTH02	2.5	Hai điểm rưỡi	
240	211GMN044	Bùi Như	Tâm	DC21GMN01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
241	211GTH019	Huỳnh Thị Mỹ	Tâm	DC21GTH01	4.0	Bốn điểm	
242	211GTH083	Kpă H'	Tâm	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
243	211NNA007	Nguyễn Hiếu	Tâm	DC21NNA01	0.0	Không điểm	
244	211GTH020	Nguyễn Lê Thanh	Tâm	DC21GTH01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
245	211GTH021	Nguyễn Thị Bích	Tâm	DC21GTH01	3.5	Ba điểm rưỡi	
246	211GMN045	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	DC21GMN01	5.0	Năm điểm	
247	211GTH084	Tống Thị Thanh	Tâm	DC21GTH02	6.0	Sáu điểm	
248	211GMN069	Trần Thị Thanh	Tâm	DC21GMN02	4.0	Bốn điểm	
249	211CTT008	Ngô Lê Minh	Thạch	DC21CTT01	2.0	Hai điểm	
250	211STA011	Mông Thị Xuân	Thanh	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
251	211GTH085	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	DC21GTH01	4.0	Bốn điểm	
252	211STO025	Nguyễn Viết Trung	Thành	DC21STO01	2.0	Hai điểm	
253	211GMN012	Nguyễn Anh	Thảo	DC21GMN01	2.0	Hai điểm	
254	211GTH105	Nguyễn Hoàng Thu	Thảo	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
255	211GMN060	Nguyễn Ngọc	Thảo	DC21GMN02	6.5	Sáu điểm rưỡi	
256	211GTH135	Nguyễn Ngọc Hiếu	Thảo	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
257	211GTH136	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DC21GTH03	4.5	Bốn điểm rưỡi	
258	211CTT022	Dương	Thay	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
259	211GTH036	Đỗ Trần Như	Thắm	DC21GTH02	4.0	Bốn điểm	
260	211GMN046	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	DC21GMN02	3.0	Ba điểm	
261	211GTH153	Phạm Thị Xuân	Thắm	DC21GTH03	4.0	Bốn điểm	
262	211GMN019	Đào Phương	Thi	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
263	211GMN013	Nguyễn Thị Cẩm	Thi	DC21GMN01	5.0	Năm điểm	
264	211GTH022	Nguyễn Thị Thanh	Thi	DC21GTH02	6.0	Sáu điểm	
265	211NNA021	Nguyễn Nhật	Thịnh	DC21NNA01	2.5	Hai điểm rưỡi	
266	211GMN014	Võ Thị Minh	Thông	DC21GMN01	7.0	Bảy điểm	
267	211STA004	Đỗ Thị Thanh	Thơ	DC21STA01	2.0	Hai điểm	
268	211NNA026	Bùi Thị	Thơm	DC21NNA01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
269	211GMN078	Nguyễn Thị Ánh	Thu	DC21GMN01	5.0	Năm điểm	
270	211GTH087	Huỳnh Chí	Thuận	DC21GTH02	4.0	Bốn điểm	
271	211GTH043	Đặng Diệu	Thúy	DC21GTH03	6.5	Sáu điểm rưỡi	
272	211GTH037	Lê Phạm Anh	Thư	DC21GTH01	5.5	Năm điểm rưỡi	
273	211STA005	Nguyễn Lưu Anh	Thư	DC21STA01	5.5	Năm điểm rưỡi	
274	211GMN020	Nguyễn Thị	Thư	DC21GMN01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
275	211GMN047	Nguyễn Thị Anh	Thư	DC21GMN02	5.5	Năm điểm rưỡi	
276	211GTH086	Phạm Khánh	Thư	DC21GTH03	5.0	Năm điểm	
277	211GTH138	Trần Anh	Thư	DC21GTH03	4.0	Bốn điểm	
278	211GTH088	Châu Thạch Quỳnh	Thương	DC21GTH02	4.5	Bốn điểm rưỡi	
279	19574802010012	Lê Anh	Thương	DC19CTT01	5.5	Năm điểm rưỡi	
280	211GMN048	Nguyễn Ái	Thương	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
281	211GTH023	Trần Thị Kim	Thương	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
282	211GTH024	Hoàng Thị Thủy	Tiên	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
283	211GTH025	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
284	211STA006	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	DC21STA01	5.0	Năm điểm	
285	211GTH089	Phan Huỳnh Thủy	Tiên	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
286	211CTT013	Phạm Đức	Tiến	DC21CTT01	1.0	Một điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
287	211CTT023	Võ Hữu	Tiến	DC21CTT01	7.0	Bảy điểm	
288	19574802010013	Mai Thanh	Tiện	DC19CTT01	5.0	Năm điểm	
289	211GMN049	Niê Hờ	Tin	DC21GMN02	5.5	Năm điểm rưỡi	
290	211STO018	Đào Thị	Tình	DC21STO01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
291	211GMN082	Lê Thị Kim	Tính	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
292	211GTH140	Ksor H'	Tiu	DC21GTH03	6.0	Sáu điểm	
293	211GMN015	Đào Nguyễn Hương	Trà	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
294	211GTH099	Trần Thị Hương	Trà	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
295	211STA038	Lê Thị Kiều	Trang	DC21STA01	7.0	Bảy điểm	
296	211GTH091	Lữ Thị Thùy	Trang	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
297	211GTH100	Nguyễn Phan Thùy	Trang	DC21GTH02	6.5	Sáu điểm rưỡi	
298	211STO013	Nguyễn Thị Đoan	Trang	DC21STO01	7.0	Bảy điểm	
299	211GTH142	Nguyễn Thị Huyền	Trang	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
300	211GTH143	Nguyễn Thu	Trang	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
301	211GTH092	Trần Bảo	Trang	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
302	211NNA022	Huỳnh Trần Quỳnh	Trâm	DC21NNA01	6.0	Sáu điểm	
303	211VNH014	Lương Thị Ngọc	Trâm	DC21VNH01	8.0	Tám điểm	
304	211GMN050	Mai Thị Bích	Trâm	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
305	211GTH101	Nguyễn Ngọc Hương	Trâm	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
306	211GTH090	Huỳnh Ngô Bảo	Trân	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
307	211CTT009	Trần Thị Huyền	Trân	DC21CTT01	7.0	Bảy điểm	
308	211GTH144	Võ Thường	Trí	DC21GTH03	7.0	Bảy điểm	
309	211CTT001	Tạ Ngọc Hoàng	Triều	DC21CTT01	6.0	Sáu điểm	
310	211GTH145	Ksor H'	Trim	DC21GTH01	0.0	Không điểm	Vắng
311	211GMN074	H'ving H'	Trinh	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
312	211GTH102	Mai Thị Tú	Trinh	DC21GTH03	8.0	Tám điểm	
313	211GTH038	Ngô Hòa	Trinh	DC21GTH01	7.0	Bảy điểm	
314	211VNH015	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC21VNH01	0.0	Không điểm	Vắng
315	155D4401120024	Huỳnh Lê	Trọng	DC15HOA01	7.0	Bảy điểm	
316	211GTH146	Hồ Thị Thanh	Trúc	DC21GTH03	6.5	Sáu điểm rưỡi	
317	211GMN021	Huỳnh Thị Ánh	Trúc	DC21GMN01	4.5	Bốn điểm rưỡi	
318	211GTH026	Nguyễn Thị Kim	Trúc	DC21GTH02	5.5	Năm điểm rưỡi	
319	211GMN051	Rahlan H'	Trúc	DC21GMN01	6.0	Sáu điểm	
320	211STO019	Nguyễn Tấn	Truyền	DC21STO01	0.0	Không điểm	Vắng
321	19574802010015	Lê Nguyễn Mạnh	Tuấn	DC19CTT01	6.0	Sáu điểm	
322	211STO020	Nguyễn Minh	Tuấn	DC21STO01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
323	211GTH027	Nguyễn Đình Mẫn	Tuệ	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
324	211GTH094	Huỳnh Thanh	Tùng	DC21GTH03	6.5	Sáu điểm rưỡi	
325	211GMN052	Đặng Trương Kim	Tuyền	DC21GMN01	3.5	Ba điểm rưỡi	
326	211VNH016	Lê Thị Bích	Tuyền	DC21VNH01	0.0	Không điểm	Vắng
327	211GMN070	Lê Kim	Tuyến	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
328	211GMN016	Cao Nguyễn Thanh	Tuyết	DC21GMN02	6.5	Sáu điểm rưỡi	
329	211GTH095	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	DC21GTH02	8.0	Tám điểm	
330	211GTH093	Lê Quỳnh	Tư	DC21GTH02	0.0	Không điểm	Vắng
331	211GMN079	Ksor H	Uil	DC21GMN02	6.0	Sáu điểm	
332	211GMN053	Ksor H'	Ut	DC21GMN01	8.0	Tám điểm	
333	211GMN054	Nay H'	Uyên	DC21GMN01	7.5	Bảy điểm rưỡi	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
334	211GTH096	Nay Hờ	Uyên	DC21GTH02	6.5	Sáu điểm rưỡi	
335	211CTT011	Võ Lê Anh	Văn	DC21CTT01	6.0	Sáu điểm	
336	211GTH147	Lê Hồng	Vân	DC21GTH03	7.5	Bảy điểm rưỡi	
337	211VNH007	Trần Phạm Thanh	Vân	DC21VNH01	5.0	Năm điểm	
338	211GTH149	Ksor H	Vi	DC21GTH01	6.0	Sáu điểm	
339	211VNH008	Trần Văn	Vi	DC21VNH01	0.0	Không điểm	Vắng
340	211NNA033	Võ Anh	Viên	DC21NNA01	5.5	Năm điểm rưỡi	
341	211STO010	Hồ Quốc	Việt	DC21STO01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
342	211STA015	Trương Minh	Việt	DC21STA01	0.0	Không điểm	Vắng
343	211CTT010	Nguyễn Phát	Vinh	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
344	211GMN068	H'	Vôn	DC21GMN02	5.0	Năm điểm	
345	211NNA008	Ngô Thị Hồng	Vương	DC21NNA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
346	211GTH157	Nguyễn Thị Tố	Win	DC21GTH03	4.5	Bốn điểm rưỡi	
347	211CTT026	Bạch Nhật Vũ	Xanh	DC21CTT01	0.0	Không điểm	Vắng
348	211NNA023	Bùi Như	Ý	DC21NNA01	7.5	Bảy điểm rưỡi	
349	211GMN056	Nguyễn Thị Như	Ý	DC21GMN02	7.0	Bảy điểm	
350	211NNA031	Nguyễn Thị Như	Ý	DC21NNA01	6.0	Sáu điểm	
351	211STO007	Lê Trương Tấn	Yên	DC21STO01	6.5	Sáu điểm rưỡi	
352	211GTH097	Nguyễn Thị Hồng	Yên	DC21GTH01	8.0	Tám điểm	
353	211NNA009	Mai Thị	Yến	DC21NNA01	9.0	Chín điểm	
354	211GTH040	Nguyễn Thị Bảo	Yến	DC21GTH02	5.5	Năm điểm rưỡi	

Phú Yên, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)

Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

HỌC PHẦN: **TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH** **Số tín chỉ: 2**

Ngày thi: 11/3/2022 Ca thi: 13h30 (90')

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19151140201001	Huỳnh Thị Minh	**Anh**	CC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
2	19151140206001	Ngô Văn	**Bằng**	CC19GTC01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
3	19151140201002	Nguyễn Thị Kiều	**Dân**	CC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
4	19151140201004	Nguyễn Thị Kiều	**Duyên**	CC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
5	19151140206003	Dương Thanh	**Hào**	CC19GTC01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
6	19151140201031	Lê Thị Mỹ	**Hảo**	CC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
7	19151140201005	Lê Thị	**Hằng**	CC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
8	19151140201030	Nguyễn Thị Cẩm	**Hằng**	CC19GMN01	4.5	*Bốn điểm rưỡi*	
9	19151140201006	Nguyễn Thị Thanh	**Hằng**	CC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
10	19151140201007	Nguyễn Thị ánh	**Hồng**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
11	19151140201009	Nguyễn Thị Xuân	**Huyên**	CC19GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
12	19151140201010	Hồ Mỹ	**Huyền**	CC19GMN01	7.5	*Bảy điểm rưỡi*	
13	19151140201008	Nguyễn Thị Hoài	**Hương**	CC19GMN01	8.5	*Tám điểm rưỡi*	
14	19151140201032	Nay H	**Kô**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
15	19151140201033	Phạm Thị Hồng	**Lanh**	CC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
16	19151140201034	Võ Thị Yên	**Lành**	CC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
17	19151140201035	Huỳnh Vũ Trúc	**Linh**	CC19GMN01	6.0	*Sáu điểm*	
18	19151140201011	Lê Thị Mỹ	**Linh**	CC19GMN01	8.0	*Tám điểm*	
19	19151140201012	Nguyễn Thị Bích	**Loan**	CC19GMN01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
20	19151140201036	Đoàn Thị	**Mơ**	CC19GMN01	5.5	*Năm điểm rưỡi*	
21	19151140201013	Trần Kim	**My**	CC19GMN01	7.0	*Bảy điểm*	
22	19151140201037	Nguyễn Thị Hồng	**Ngọc**	CC19GMN01	6.5	*Sáu điểm rưỡi*	
23	19151140201014	Võ Thị Xuân	**Nhi**	CC19GMN01	1.0	*Một điểm*	
24	19151140201038	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	
25	19151140201039	Đặng Thị Kiều	**Oanh**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	
26	19151140201040	Lưu Thị Hồng	**Phấn**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	
27	19151140201041	Bùi Thị Hồng	**Sương**	CC19GMN01	2.0	*Hai điểm*	
28	19151140201043	Nguyễn Thị Huyền	**Thanh**	CC19GMN01	1.0	*Một điểm*	
29	19151140201042	Nguyễn Thị Hồng	**Thắm**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	
30	19151140201018	Nguyễn Thị Nhật	**Thân**	CC19GMN01	0.5	*Nửa điểm*	
31	19151140201019	Dương Kim	**Thoa**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	
32	19151140201022	Tôn Nữ Nguyên	**Thục**	CC19GMN01	1.0	*Một điểm*	
33	19151140201023	Nguyễn Thị Minh	**Thúy**	CC19GMN01	1.0	*Một điểm*	
34	19151140201021	Mai Huỳnh Thị Anh	**Thư**	CC19GMN01	2.0	*Hai điểm*	
35	19151140201020	Nguyễn Thị Minh	**Thư**	CC19GMN01	3.5	*Ba điểm rưỡi*	
36	19151140201024	Nguyễn Thị Quỳnh	**Trang**	CC19GMN01	3.0	*Ba điểm*	
37	19151140201026	Nguyễn Thị Hồng	**Trinh**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	
38	19151140201025	Nguyễn Thị Tố	**Trinh**	CC19GMN01	2.0	*Hai điểm*	
39	19151140201044	Huỳnh Như	**Tuyền**	CC19GMN01	2.0	*Hai điểm*	
40	17151140206009	Lê Thanh	**Văn**	CC19GTC01	0.0	*Không điểm*	Vắng thi
41	19151140201027	Trần Thị Xuân	**Vy**	CC19GMN01	0.0	*Không điểm*	

STT	Mã SV	Họ và tên		Tên lớp	Điểm thi	Điểm chữ	Ghi chú
42	19151140201045	Huỳnh Thị Bích	**Xi**	CC19GMN01	2.0	*Hai điểm*	
43	19151140201028	Nguyễn Thị Thanh	**Xuân**	CC19GMN01	4.0	*Bốn điểm*	
44	19151140201029	Nguyễn Thị Kim	**Yến**	CC19GMN01	2.0	*Hai điểm*	

Phú Yên, ngày 25 tháng 3 năm 2022

P. TRƯỞNG PHÒNG QLCL

Huỳnh Minh Giảng

NGƯỜI NHẬP ĐIỂM

Nguyễn Văn Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN
PHÒNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM THI (THEO NHÓM)
Điểm thi học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Môn học/Nhóm: Tư tưởng Hồ Chí Minh — **Số tín chỉ: 2**
Ngày thi: 15/02/2022 — Ca thi: 1

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
1	19574802010027	Sipaserd	Amnad	DC19CTT01	4,0	Bốn điểm	
2	19574802010001	Trần Phạm Minh	Anh	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
3	19574802010002	Trần Quốc	Bảo	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
4	19573106300009	Lê Tú	Cẩm	DC19VNH01	0,0	Không điểm	Vắng
5	19574802010003	Đặng Minh	Châu	DC19CTT01	0,0	Không điểm	Vắng
6	19573106300018	Lê Minh	Chí	DC19VNH01	2,0	Hai điểm	
7	19574802010028	Louangphomsopha	Chilasak	DC19CTT01	6,0	Sáu điểm	
8	19571402010001	Nguyễn Bảo	Chung	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
9	19572202010002	Trần Thị Thu	Diệp	DC19NNA01	7,0	Bảy điểm	
10	19574802010017	Huỳnh Lê Khánh	Duy	DC19CTT01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
11	19571402020001	Phan Huỳnh Khánh	Duyên	DC19GTH01	7,0	Bảy điểm	
12	19572202010003	Lý Đăng	Dương	DC19NNA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
13	19572202010015	Vũ Hồ Vy	Đan	DC19NNA01	0,0	Không điểm	Vắng (fo)
14	19571402020029	Lê Nhân	Đức	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
15	17552220201059	Đỗ Trường	Giang	DC17NNA01	7,0	Bảy điểm	
16	19574802010018	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Hải	DC19CTT01	8,0	Tám điểm	
17	19573106300010	Lê Thái	Hào	DC19VNH01	6,0	Sáu điểm	
18	19571402310010	Lê Nguyễn Phương	Hảo	DC19STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
19	19572202010005	Nguyễn Thị Hoàng	Hảo	DC19NNA01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
20	19571402020013	Sô Thị Thu	Hảo	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
21	19571402310001	Trần Thị Mỹ	Hảo	DC19STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
22	19571402010002	Phạm Thị Kim	Hằng	DC19GMN01	7,0	Bảy điểm	
23	19572202010004	Lê Thị Ngọc	Hân	DC19NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
24	19571402010003	Nguyễn Thị Thanh	Hậu	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
25	19571402010004	Đào Thị Kim	Hiền	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
26	19571402020014	Lê Mo Hờ	Hiền	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
27	19572202010007	Lê Thị Ngọc	Hiền	DC19NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
28	19572202010006	Nguyễn Thị	Hiền	DC19NNA01	8,0	Tám điểm	
29	19572202010018	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DC19NNA01	5,0	Năm điểm	
30	19573106300006	Văn Minh	Hiếu	DC19VNH01	5,5	Năm điểm rưỡi	
31	19572202010016	Lê Thị Ngọc	Huệ	DC19NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
32	19571402020015	Hán Thị	Huyền	DC19GTH01	6,0	Sáu điểm	
33	19573106300020	Đặng Phú	Hưng	DC19VNH01	0,0	Không điểm	Vắng
34	19572202010024	Hà Thị Mỹ	Hương	DC19NNA01	8,0	Tám điểm	
35	19571402020002	Lê Thanh	Hương	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
36	17552140209017	Mai Đức	Hy	DC17STO01	7,0	Bảy điểm	
37	19573106300013	Nguyễn Bảo	Khánh	DC19VNH01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
38	19571402020016	Trần Yến	Khoa	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
39	19574802010004	Nguyễn Thị Nguyên	Khương	DC19CTT01	8,5	Tám điểm rưỡi	
40	19571402020003	Nguyễn Thị Liên	Kiều	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
41	19571402010013	Lưu Thị Mỹ	Kim	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
42	19571402310005	Nguyễn Thị Kim	Lài	DC19STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
43	19573106300002	Đặng Thị Thanh	Lam	DC19VNH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
44	19571402020017	Võ Thị Thanh	Lam	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
45	19573106300003	Lương Trọng	Lâm	DC19VNH01	6,0	Sáu điểm	
46	19572202010008	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DC19NNA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
47	19574802010005	Trần Duy	Linh	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
48	19574802010006	Nguyễn Thị Phúc	Loan	DC19CTT01	8,5	Tám điểm rưỡi	
49	19571402020004	Phan Duy Mỹ	Lợi	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
50	19574802010023	Huỳnh Kim	Luân	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
51	19571402020005	Lê Đào Hiền	Lương	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
52	19573106300004	Nguyễn Thị Mỹ	Ly	DC19VNH01	8,0	Tám điểm	
53	19571402010005	Trần Thị Yến	Ly	DC19GMN01	7,0	Bảy điểm	
54	19571402020006	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	DC19GTH01	0,0	Không điểm	
55	19571402020028	Nguyễn Thị Sơn	My	DC19GTH01	7,0	Bảy điểm	
56	19571402010014	Nguyễn Thị Trà	My	DC19GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
57	19571402020007	Nguyễn Hiếu	Ngân	DC19GTH01	7,0	Bảy điểm	
58	19571402310002	Bùi Bích	Ngọc	DC19STA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
59	19571402010023	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DC19GMN01	4,5	Bốn điểm rưỡi	
60	19571402010006	Nguyễn Thị Ánh	Nhàn	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
61	19571402020018	Trần Lệ Thanh	Nhàn	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
62	19571402010007	Lương Thị	Nhi	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
63	19574802010007	Trần Thị Thùy	Nhiên	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
64	19571402010008	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	DC19GMN01	5,5	Năm điểm rưỡi	
65	19572202010025	Phạm Thị Hoài	Như	DC19NNA01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
66	19571402020009	Võ Huỳnh	Như	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
67	19574802010029	Ouphasakda	Pathoumma	DC19CTT01	4,0	Bốn điểm	
68	19571402010024	Nguyễn Phạm Thu	Phận	DC19GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
69	19571402010015	Trần Thị Lệ	Phiến	DC19GMN01	7,0	Bảy điểm	
70	19574802010009	Phan Đặng Hoàng	Phúc	DC19CTT01	4,0	Bốn điểm	
71	19571402020019	Phan Trịnh Kim	Phượng	DC19GTH01	6,0	Sáu điểm	
72	19572202010027	Lê Thy	Quyên	DC19NNA01	8,0	Tám điểm	
73	19573106300007	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	DC19VNH01	6,0	Sáu điểm	
74	19573106300008	Lưu Thị Như	Quỳnh	DC19VNH01	6,0	Sáu điểm	
75	19571402310009	Nguyễn Thị Ngọc	Quỳnh	DC19STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
76	19571402310004	Phan Văn	Sang	DC19STA01	6,0	Sáu điểm	
77	19574802010030	Thongmaha	Soutthida	DC19CTT01	5,5	Năm điểm rưỡi	
78	19571402020027	Đồng Thị Thu	Sương	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
79	19572202010020	Võ Cao Thành	Tài	DC19NNA01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
80	19571402020010	Ngô Đỗ Phương	Thảo	DC19GTH01	6,0	Sáu điểm	
81	19572202010009	Nguyễn Bích	Thảo	DC19NNA01	7,0	Bảy điểm	
82	19571402010016	Phạm Thị Y	Thảo	DC19GMN01	6,0	Sáu điểm	
83	19571402010017	Phan Thanh	Thảo	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
84	19572202010021	Đặng Phúc	Thịnh	DC19NNA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
85	19574802010011	Nguyễn Minh	Thịnh	DC19CTT01	8,0	Tám điểm	
86	18572201130026	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DC18VNH01	4,5	Bốn điểm rưỡi	
87	17552220201081	Nguyễn Thị Anh	Thơ	DC18NNA01	0,0	Không điểm	Vắng

TT	Mã SV	Họ Và Tên		Tên Lớp	Điểm Thi	Điểm chữ	Ghi chú
88	19571402010010	Ngô Thị Tuyết	Thơm	DC19GMN01	5,5	Năm điểm rưỡi	
89	19571402020011	Lê Đỗ Hoài	Thu	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
90	19572202010010	Đặng Minh	Thuận	DC19NNA01	5,5	Năm điểm rưỡi	
91	19571402010012	Nguyễn Thị Bích	Thùy	DC19GMN01	7,0	Bảy điểm	
92	19571402010018	Trần Thị Thanh	Thúy	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
93	19574802010012	Lê Anh	Thương	DC19CTT01	6,5	Sáu điểm rưỡi	
94	19571402010011	Nguyễn Thị Hoài	Thương	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
95	19572202010022	Trần Hiếu	Thương	DC19NNA01	6,0	Sáu điểm	
96	19571402310011	Nguyễn Thị Kim	Tiên	DC19STA01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
97	19571402020020	Phạm Lê Cẩm	Tiên	DC19GTH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
98	19573106300005	Trần Thủy	Tiên	DC19VNH01	0,0	Không điểm	Vắng
99	19574802010024	Huỳnh Đức	Tiến	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
100	19574802010013	Mai Thanh	Tiện	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
101	165D1402090025	Nguyễn Trung	Tín	DC16STO01	5,5	Năm điểm rưỡi	
102	19574802010014	Trần Tấn	Toán	DC19CTT01	0,0	Không điểm	Vắng
103	19573106300016	Nguyễn Thị Thanh	Trà	DC19VNH01	8,5	Tám điểm rưỡi	
104	19571402310007	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DC19STA01	8,0	Tám điểm	
105	19571402010019	Nguyễn Thiện	Trang	DC19GMN01	8,5	Tám điểm rưỡi	
106	19571402020021	Văn Lê Thùy	Trang	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
107	19572202010011	Nguyễn Ngọc	Trâm	DC19NNA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
108	19571402010025	Đinh Khánh	Trân	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
109	19572202010012	Phan Trịnh Bảo	Trân	DC19NNA01	0,0	Không điểm	Vắng
110	19571402310006	Trịnh Trương	Triển	DC19STA01	8,0	Tám điểm	
111	19571402010026	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
112	19571402310008	Nguyễn Bá	Trúc	DC19STA01	7,0	Bảy điểm	
113	19571402010020	Tống Kiều Anh	Tú	DC19GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
114	19574802010015	Lê Nguyễn Mạnh	Tuấn	DC19CTT01	7,0	Bảy điểm	
115	19572202010013	Hồ Anh	Tuyền	DC19NNA01	8,5	Tám điểm rưỡi	
116	19571402020022	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
117	19571402010021	Nguyễn Thị Kim	Uyên	DC19GMN01	8,0	Tám điểm	
118	19571402020025	Võ Thị Thu	Uyên	DC19GTH01	0,0	Không điểm	Vắng
119	19571402010022	Mlô Hờ	Vân	DC19GMN01	7,5	Bảy điểm rưỡi	
120	19571402020012	Ngô Phạm Trường	Vi	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
121	19571402020023	Trần Linh	Vi	DC19GTH01	8,0	Tám điểm	
122	19574802010025	Phan Văn	Việt	DC19CTT01	5,0	Năm điểm	
123	19571402020024	Phạm Thị Hoàng	Ý	DC19GTH01	7,5	Bảy điểm rưỡi	

Phú Yên, Ngày 02 tháng 03 năm 2022

Phòng Quản lý chất lượng

Huỳnh Minh Giảng

Người nhập điểm

Huỳnh Thị Oanh